

VĂN KIẾN HỘI THÁNH
TOÀN VĂN THÔNG ĐIỆP MAGNIFICA HUMANITAS CỦA ĐỨC LÊ-Ô XIV
Giới thiệu bản dịch để tham khảo của Lm. Lê Công Đức, PSS:
THÔNG ĐIỆP MAGNIFICA HUMANITAS (NHÂN TÍNH CAO CẢ)
CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG LÊ-Ô XIV
VỀ VIỆC BẢO VỆ CON NGƯỜI TRONG THỜI ĐẠI TRÍ TUỆ NHÂN TẠO
(Lm. Lê Công Đức, PSS, dịch từ [bản tiếng Anh chính thức](#) của Tòa Thánh)

GIỚI THIỆU	3
NHỮNG ĐIỀU MỚI MẸ (RES NOVAE) CỦA THỜI ĐẠI CHÚNG TA	4
HAI HÌNH ẢNH TRONG THÁNH KINH.....	6
XÂY DỰNG CHO CÔNG ÍCH.....	7
GIỮ VỮNG TÍNH NGƯỜI.....	9
CHƯƠNG MỘT - MỘT CÁCH TIẾP CẬN NĂNG ĐỘNG TRUNG THÀNH VỚI TIN MỪNG .	9
MỘT GIÁO HỘI BƯỚC ĐI TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI	10
SỰ KHÔN NGOAN CỦA LỜI CHÚA TRONG ĐỐI THOẠI VỚI KHOA HỌC NHÂN VĂN	12
HỌC THUYẾT XÃ HỘI NHƯ MỘT SỰ PHÂN ĐỊNH CHUNG.....	13
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI TỪ THỜI GIÁO HOÀNG LÊ-Ô XIII ĐẾN NAY	14
NHỮNG GIAI ĐOẠN ĐẦU TIÊN CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI	14
NHỮNG NĂM CỦA CÔNG ĐỒNG VATICAN II	17
HUẤN QUYỀN GẦN ĐÂY	19
GIẢI THÍCH LỊCH SỬ DƯỚI ÁNH SÁNG ĐỨC TIN	21
CHƯƠNG HAI - CÁC NỀN TẢNG VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI	22
CÁC NỀN TẢNG CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI.....	22
CON NGƯỜI: HÌNH ẢNH CỦA THIÊN CHÚA BA NGÔI.....	22
PHẨM GIÁ BÌNH ĐẲNG CỦA TẤT CẢ MỌI NGƯỜI.....	23
GIÁ TRỊ TỐI THƯỢNG CỦA NHÂN QUYỀN	24
CÁC NGUYÊN TẮC CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI	26
NGUYÊN TẮC VỀ CÔNG ÍCH.....	26
NGUYÊN TẮC VỀ MỤC ĐÍCH PHỔ QUÁT CỦA CỬA CẢI.....	27
NGUYÊN TẮC BỒ TRỢ	28
NGUYÊN TẮC LIÊN ĐỐI	30
NGUYÊN TẮC CÔNG BẰNG XÃ HỘI	31

SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN BẢN TOÀN DIỆN.....	33
MỘT CUỘC KIỂM ĐIỂM CHO GIÁO HỘI	34
CHƯƠNG BA - CÔNG NGHỆ VÀ SỰ THỐNG TRỊ - SỰ CAO CẢ CỦA NHÂN TÍNH DƯỚI	
ÁNH SÁNG NHỮNG TRIỂN VỌNG CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO.....	35
Kiểu thức kỹ trị và quyền lực kỹ thuật số.....	36
TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	37
MỘT CÔNG CỤ QUÝ GIÁ ĐÒI HỎI SỰ CẢNH GIÁC	38
TRÁCH NHIỆM, TÍNH MINH BẠCH VÀ SỰ QUẢN TRỊ AI	39
ĐIỀU KHÔNG ĐƯỢC ĐỂ MẮT	42
NHỮNG DIỄN NGÔN NỀN: CHỦ NGHĨA SIÊU NHÂN VÀ CHỦ NGHĨA HẬU NHÂN BẢN	43
GIỚI HẠN, TRÁI TIM VÀ SỰ CAO TRỌNG CỦA CON NGƯỜI.....	44
CÁI ĐÍCH THỰC “HƠN CẢ CON NGƯỜI”: ÂN SÙNG VÀ NHÂN BẢN KITÔ GIÁO	47
HAI THÀNH PHỐ VÀ HAI TÌNH YÊU	48
CHƯƠNG BỐN - BẢO VỆ NHÂN TÍNH TRONG THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI - SỰ THẬT, LAO	
ĐỘNG, TỰ DO.....	49
SỰ THẬT NHƯ MỘT LỢI ÍCH CHUNG	49
SỰ THẬT VÀ DÂN CHỦ	49
TRUYỀN THÔNG VÀ TRÍ TUỆ TƯỢNG TẬP THỂ	50
HƯỚNG TỚI MỘT HỆ SINH THÁI TRUYỀN THÔNG	51
MỘT LIÊN MINH GIÁO DỤC CHO THỜI ĐẠI KỸ THUẬT SỐ.....	51
VAI TRÒ TRUNG TÂM CỦA CÁC TRƯỜNG HỌC	53
PHẨM GIÁ CỦA LAO ĐỘNG TRONG THỜI ĐẠI CHUYỂN ĐỔI KỸ THUẬT SỐ.....	54
GIÁ TRỊ CỦA LAO ĐỘNG	54
VẤN ĐỀ THẤT NGHIỆP.....	55
MỘT NỀN KINH TẾ COI TRỌNG PHẨM GIÁ	57
GIA ĐÌNH VÀ GIỚI TRẺ: CÁC ĐIỀU KIỆN XÃ HỘI CHO NIỀM HY VỌNG	59
BẢO VỆ TỰ DO CHỐNG LẠI SỰ PHỤ THUỘC VÀ THƯƠNG MẠI HÓA	61
NHỮNG SỰ PHỤ THUỘC VÀ VIỆC KIỂM SOÁT XÃ HỘI.....	61
PHÁ VỠ XIỀNG XÍCH CỦA NHỮNG HÌNH THỨC NÔ LỆ MỚI	62
MỘT TRÁCH NHIỆM CÙNG CHIA SẺ.....	64
CHƯƠNG NĂM - NỀN VĂN HÓA QUYỀN LỰC VÀ NỀN VĂN MINH TÌNH THƯƠNG	65
NỀN VĂN MINH TÌNH THƯƠNG TRONG THỜI ĐẠI KỸ THUẬT SỐ	66
NỀN VĂN HÓA QUYỀN LỰC	67
SỰ BÌNH THƯỜNG HÓA CHIẾN TRANH.....	67

VŨ LỰC KHÔNG GIỚI HẠN.....	69
VŨ KHÍ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO.....	70
CUỘC KHỦNG HOẢNG CỦA CHỦ NGHĨA ĐA PHƯƠNG.....	71
MỘT CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC CHÍNH TRỊ ĐƯỢC GIẢI SỬ.....	72
XÂY DỰNG NỀN VĂN MINH TÌNH THƯƠNG	74
TẤT CẢ CHÚNG TA ĐỀU CÓ THỂ ĐÓNG GÓP PHẦN CỦA MÌNH.....	74
CẦN PHẢI GIẢI GIÁP LỜI NÓI	75
XÂY DỰNG HÒA BÌNH THÔNG QUA CÔNG LÝ	75
LẤY GÓC NHÌN CỦA CÁC NẠN NHÂN	76
PHÁT HUY MỘT CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC LÀNH MẠNH	76
KHÔI PHỤC ĐỐI THOẠI.....	77
SỰ CẦN THIẾT CỦA NGOẠI GIAO VÀ CHỦ NGHĨA ĐA PHƯƠNG.....	78
CẦU NGUYỆN VÀ HY VỌNG.....	79
KẾT LUẬN.....	79
NGÔI LỜI ĐÃ TRỞ THÀNH XÁC THỊT	79
MỘT THÂN THỂ TRONG CHÚA KITÔ.....	81
CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG CỦA THỜI ĐẠI CHÚNG TA.....	82
BÀI CA HY VỌNG: MAGNIFICAT	84

GIỚI THIỆU

1. Nhân tính, được Thiên Chúa tạo dựng trong tất cả sự cao cả của nó, ngày nay đang đối mặt với một sự lựa chọn quyết định: hoặc xây dựng một Tháp Babel mới hoặc xây dựng thành đô nơi Thiên Chúa và con người cùng cư ngụ. Mỗi thế hệ kế thừa nhiệm vụ định hình thời đại của mình, hướng dẫn lịch sử trở thành một nơi mà phẩm giá của mọi con người được bảo vệ, công lý được thúc đẩy và tình huynh đệ được thực hiện. Tuy nhiên, mỗi thời đại cũng có nguy cơ tạo ra một thế giới phi nhân và bất công hơn. Bất cứ khi nào nhân tính có nguy cơ bị tổn hại căn tính thực sự của mình, thì chúng ta, những Kitô hữu, hướng nhìn lên vị Thiên Chúa Nhập Thể, ý thức rằng “chỉ trong mầu nhiệm Ngôi Lời nhập thể thì mầu nhiệm của nhân tính mới thực sự trở nên sáng tỏ.” [1] Trong Chúa Giêsu Kitô, nhân tính này, trong sự cao cả của nó, trở thành Con Đường, Sự Thật và Sự Sống, mở ra nẻo đường cho mỗi người chúng ta lớn lên hướng đến sự viên mãn.

2. Được xây dựng trên nền móng Chúa Kitô, viên đá sống, chúng ta kinh nghiệm hoạt động mạnh mẽ và mầu nhiệm của Chúa Thánh Thần, và chúng ta tin rằng mọi nỗ lực chân chính của con người để cộng tác với Ngài vì điều thiện sẽ được chúc phúc bởi Cha trên trời, Đấng mà chúng ta đặt niềm hy vọng. Vì lý do này, chúng ta có thể chuyên chăm đóng góp vào mọi sáng kiến xây dựng một thế giới công bằng hơn, và chúng ta có thể kêu gọi những người khác cộng tác trong việc thúc đẩy sự phát triển toàn diện của mọi con người. Chúng ta mong muốn đối thoại với tất cả mọi người nam nữ trong thời đại chúng ta, những người cùng chia sẻ với chúng ta những sự kiện, những vấn nạn và những cảm hứng của nhân loại. [2] Cùng với họ, chúng ta tìm cách nhận diện những con đường mới cho công ích để thúc đẩy một cuộc sống có phẩm giá cho tất cả mọi người. Thật vậy, sự cởi mở đối thoại là một phần thiết yếu trong ơn gọi của Giáo hội, bởi vì được thiết lập trong Chúa Kitô như “một bí tích... của sự hiệp thông với Thiên Chúa và sự hiệp nhất của toàn thể nhân loại,” [3] Giáo hội nhìn nhận lịch sử là nơi mà Tin Mừng thách thức và hướng dẫn kinh nghiệm của con người.

3. Trong tinh thần này, Giáo hoàng Lê-ô XIII đã ban hành Thông điệp Rerum Novarum vào năm 1891, năm nay chúng ta kỷ niệm 135 năm ngày ban hành với lòng biết ơn sâu sắc. Với văn kiện đó, vì tiền nhiệm yêu quý của tôi đã thúc đẩy sự suy tư về xã hội, kinh tế và chính trị, mà ngày nay được gọi là “Học thuyết Xã hội của Giáo hội”. Khi một số người phản đối rằng Giáo hội không nên lãng phí năng lực vào những vấn đề thế tục, mà thay vào đó nên tập trung vào việc truyền đạt sứ điệp về sự sống vĩnh cửu, Đức Lê-ô XIII đã đáp lại bằng tinh thần thực tiễn và khôn ngoan, ngài nói rằng việc rao giảng Tin Mừng không thể bỏ qua cuộc sống cụ thể của con người. [4] Nhiều thập niên đã trôi qua kể từ đó, và Huấn quyền, các mục tử, các nhà thần học và các tín hữu đã tiếp tục suy ngẫm về các vấn đề xã hội dưới ánh sáng của Tin Mừng. Ngày nay, Học thuyết Xã hội của Giáo hội là một di sản của sự khôn ngoan, nơi chúng ta tìm thấy các nguyên tắc để suy nghĩ, các tiêu chí để phân định và phán quyết, và các hướng dẫn cụ thể để hành động. Được xây dựng trên Thánh Kinh và Truyền thống, và gắn kết với các ngành khoa học, nó giúp chúng ta nhận hiểu rõ những thách thức của hiện tại và nhận diện những cách thức thích hợp để sống một chứng tá Kitô giáo rõ ràng, trong niềm vui và tinh thần phục vụ thế giới. Nó không phải là một tập hợp các khái niệm cứng nhắc, mà là một kho tàng chân lý sống động giúp bảo vệ và giải thích ơn gọi của con người hướng tới một cuộc sống viên mãn và công chính. Do đó, tôi muốn góp thêm tiếng nói của mình vào truyền thống sống động này, trong khi cầu xin sự giúp đỡ của Thần Khí khôn ngoan, Đấng vốn hiện diện trong thế giới từ thuở ban đầu (x. Cn 8,22-31).

Những điều mới mẻ (res novae) của thời đại chúng ta

4. Trong khi Đức Lê-ô XIII nói về “những điều mới mẻ” (rerum novarum) vào thời ấy, thì ngày nay chúng ta không thể giới hạn mình chỉ ở việc lặp lại những giáo huấn sâu sắc của ngài. Thay vào đó, chúng ta phải xin Chúa ban cho sự khôn ngoan để giải thích những xu hướng lớn của thời đại mình, đặc

biệt là những tiên bộ công nghệ. Trong những năm gần đây, ngày càng thấy rõ về tốc độ và mức độ sâu sắc mà công nghệ số hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) và robot đang biến đổi thế giới của chúng ta. Công nghệ tự thân nó không nên bị coi là một sức mạnh đối kháng với nhân tính. Ngược lại, nó đã là một phần của lịch sử chúng ta ngay từ đầu xét như “một thực tại nhân văn sâu sắc, gắn liền với tính tự trị và tự do của người ta.” [5] Qua các thế kỷ, sự phát triển công nghệ đã cải thiện đáng kể điều kiện sống của con người. Đồng thời, mỗi giai đoạn tiên bộ cũng đã bộc lộ tính hàm hồ của các công cụ vốn có thể gây hại khi không được điều hướng nhắm tới sự thiện. Tuy nhiên, ngày nay chúng ta thấy mình đang đối mặt với một tình huống mới. Sức mạnh và sự phổ biến của các công nghệ mới nổi lên được đan kết vào cấu trúc của cuộc sống hàng ngày, định hình các tiến trình ra quyết định và ảnh hưởng sâu xa đến trí tưởng tượng tập thể: “Chưa bao giờ nhân loại lại có quyền lực lớn lao như vậy đối với chính mình.” [6] Các công nghệ mới mở ra một chân trời vươn ra những hướng có thể tưởng tượng được nhưng chưa thể dự báo được đầy đủ. Điều này làm phức tạp việc đánh giá tác động tiềm tàng của chúng và những ảnh hưởng lâu dài mà chúng có thể gây ra đối với cả phẩm giá của các cá nhân lẫn công ích.

5. Giờ đây, đến lượt chúng ta phải đối mặt những thách đố của thời đại, với sự rõ ràng trong nhận thức và trong trách nhiệm. Cần phải thiết lập các công cụ quản lý thích hợp có khả năng thượng tôn công lý và kiềm chế những tác động bóp méo của sức mạnh công nghệ. Tuy nhiên, vấn đề không chỉ giới hạn ở việc quản trị. Như Đức giáo hoàng Phanxicô đã cảnh báo, chúng ta phải thực tế tự hỏi ai đang nắm giữ sức mạnh này ngày nay và họ sử dụng nó như thế nào: “Cũng phải thừa nhận rằng năng lượng hạt nhân, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, kiến thức về DNA của chúng ta, và nhiều khả năng khác mà chúng ta đạt được... đã mang lại cho những người có kiến thức - và đặc biệt là cho các nguồn lực kinh tế sử dụng chúng - một sự thống trị đáng kể đối với cả nhân loại và toàn thế giới.” [7] Trong quá khứ, phần lớn việc hướng dẫn và chỉ đạo đổi mới thuộc về Nhà nước. Còn ngày nay, những người lái lái chính của sự phát triển là thuộc các thành phần tư nhân, thường là xuyên quốc gia, được trang bị các nguồn lực và khả năng can thiệp vượt trội so với nhiều chính phủ. Sức mạnh công nghệ do đó mang một khía cạnh đậm tính “tư nhân” chưa từng có, điều này làm cho việc nhận định, quản trị và định hướng sức mạnh đó nhắm tới công ích càng trở nên khó khăn hơn.

6. Vì lý do này, cần phải bắt đầu một quá trình phân định chung để nhận diện các góc rẽ văn hóa và tâm linh của những sự chuyển hóa đang diễn ra. Nếu chúng ta chỉ tập trung vào những tình huống bất ngờ, chúng ta có nguy cơ để cho chuỗi các tình huống khẩn cấp quyết định đường hướng của mình. Chúng ta đang sống trong một giai đoạn chuyển đổi nhanh chóng, một “sự thay đổi thời đại”, trong đó – trong khi một số người đang tranh giành tương lai của các công nghệ mới, và những người khác thì quan tâm suy ngẫm về vấn đề này – thì đa số người ta đang quan sát và chờ đợi, theo dõi từ xa và duy chỉ ước mong điều tốt đẹp nhất. Chính vì lý do này, có những câu hỏi quan trọng đặt ra cho lương tâm chúng ta

và chúng ta không còn có thể tránh né nữa: Ta đang đi đâu? Chúng ta muốn hướng mình tới mục tiêu nào? Chúng ta nên chọn hướng đi nào với tư cách là một dân tộc và một cộng đồng nhân loại?

Hai hình ảnh trong Thánh Kinh

7. Để trả lời những câu hỏi này và tìm ra cách ứng phó đầy trách nhiệm với thời đại AI, tôi muốn nhắc đến hai cảnh trong Kinh Thánh: việc xây dựng Tháp Babel (x. St 11,1-9) và việc xây dựng lại tường thành Giêrusalem (x. Nkm 2-6). Câu chuyện về Tháp Babel xuất hiện trong sách Sáng thế, về các nguồn gốc của loài người, ngay sau gia phả của các con trai Nô-ê. Sau khi định cư trên một đồng bằng ở vùng đất Si-na, dân chúng quyết định xây dựng một thành phố và một tòa tháp “đỉnh cao đến tận trời” (St 11,4). Lo sợ bị phân tán khắp mặt đất, họ tìm cách bảo đảm sự ổn định và quyền lực cho mình, và trên hết là để “tạo dựng tên tuổi” cho bản thân. Đó là một kỳ tích ẩn tượng: một ngôn ngữ duy nhất, một công nghệ duy nhất, một hướng đi duy nhất. Tuy nhiên, dự án này ẩn chứa một mối nguy hiểm sâu sắc. Đó là một dự án được cuu mang mà không có sự tham chiếu đến Chúa, được hỗ trợ bởi một sự đồng nhất loại bỏ tính đa dạng, và nó chọn sự đồng nhất hóa hơn là sự hiệp thông. Khi một thành phố được xây dựng trên sự kiêu hãnh và tự mãn nơi chính mình, sự giao tiếp sẽ gãy đổ, ngôn ngữ bị lẫn lộn và con người không còn hiểu nhau nữa. Kết quả không phải là sự thống nhất, mà là sự phân tán. Như vậy, câu chuyện Tháp Babel cho thấy các giới hạn của bất kỳ nỗ lực nào, dù vĩ đại đến đâu, xuất phát từ sự tự khẳng định, hy sinh phẩm giá con người để có được hiệu năng, và khao khát vươn tới trời mà không có phước lành của Chúa.

8. Về phần sách Nêkhemia, đó là sự vén mở về một thời rất chênh vênh trong lịch sử Israel cổ đại. Sau cuộc lưu đày ở Babylon, một phần dân chúng trở về Giêrusalem, nhưng thành phố vẫn còn đổ nát, tường thành sụp đổ và cổng thành bị thiêu rụi (x. Nkm 1-2). Nêkhemia, một người Do thái phục vụ vua Artaxerxes của Ba Tư, nhận được tin về tình trạng thảm khốc của thành phố tổ tiên mình. Trước khi hành động, ông đã ăn chay, cầu nguyện và chuyển cầu cho dân chúng. Rồi ông xin phép nhà vua trở về Giêrusalem và khi đến nơi, ông lặng lẽ xem xét các khu vực bị tàn phá. Ông không áp đặt các giải pháp từ trên xuống. Ông triệu tập các gia đình, giao cho mỗi gia đình một phần tường thành để xây dựng lại, lắng nghe những lo ngại của họ, phối hợp các nỗ lực của họ và giải quyết mọi sự phản đối. Câu chuyện cho thấy thành phố được tái sinh như thế nào, không phải nhờ sáng kiến của một người, mà nhờ tinh thần đồng trách nhiệm của tất cả mọi người: đàn ông, phụ nữ, tư tế, thợ thủ công, các chủ hộ và thanh niên, tất cả đều có vai trò. Đó là một công cuộc đặt Chúa ở trung tâm, xây dựng lại các mối tương quan trước khi xây dựng công trình bằng đá. Như vậy, Giêrusalem cổ đại tái khám phá một ngôn ngữ chung - không phải là ngôn ngữ của sự đồng nhất, mà là ngôn ngữ của sự hiệp thông, nghĩa là sự hòa hợp nảy sinh khi tất cả mọi người đảm nhận vai trò của mình và nhìn nhận rằng sức mạnh của mình đến từ Chúa.

9. Trong ánh sáng của hai hình ảnh ấy, Chúa Thánh Thần thách thức chúng ta ngày nay về mối tương quan của chúng ta với công nghệ và với cuộc cách mạng kỹ thuật số đang diễn ra. Những khám phá khoa học là những tài năng được giao phó cho con người để chúng có thể sinh hoa trái (x. Mt 25,14-30). Công nghệ có sức mạnh để chữa lành, kết nối, giáo dục và bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta; nhưng nó cũng có thể chia rẽ, loại trừ và tạo ra những hình thức bất công mới. Nói cách khái quát, công nghệ tự thân nó không phải là giải pháp cho các vấn đề của nhân loại, cũng như nó vốn không xấu xa. Tuy nhiên, trong thực tế, công nghệ không bao giờ trung lập, bởi vì nó mang đặc điểm của những người thiết kế, tài trợ, điều chỉnh và sử dụng nó. Do đó, sự lựa chọn chủ yếu không phải là nói "có" hay "không" với công nghệ, mà là chọn lựa giữa việc xây dựng Tháp Babel hay xây dựng lại Giêrusalem; giữa một quyền lực tuyên bố thống trị trời đất và một dân tộc cùng nhau làm việc trong sự hiện diện của Chúa để xây dựng lại bức tường chung sống huynh đệ.

10. Do đó, chúng ta phải tránh "hội chứng Babel", nghĩa là tránh sự sùng bái lợi nhuận gắn với việc hy sinh kẻ yếu, tránh sự đồng nhất làm mất đi những khác biệt, và tránh sự giả vờ rằng một ngôn ngữ duy nhất - ngay cả là ngôn ngữ kỹ thuật số - có thể chuyển dịch mọi thứ, kể cả mâu thuẫn con người, thành dữ liệu và hiệu suất. Nguy cơ phi nhân hóa - tức xây dựng một tương lai loại trừ Thiên Chúa và giảm trừ người khác thành phương tiện - là một cám dỗ muôn thuở mà ngày nay đang đội lốt kỹ thuật. Thay vào đó, chúng ta hãy chọn “con đường của Nokhemia”, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cùng nhau xây dựng Thành đô Thiên Chúa thành một nơi an toàn cho những người lưu vong trở về. Ngày nay việc xây dựng lại có nghĩa là nhận ra rằng chính từ sự đa dạng của các tiếng nói và tầm nhìn mà một khả năng tươi sáng xuất hiện – ngay cả dù đôi khi sự đa dạng ấy nhắc chúng ta về sự hỗn loạn do những ngôn ngữ khác nhau gây ra. Thật vậy, đó là khả năng cùng nhau xây dựng, biến sự đa dạng thành một nguồn lực, và biến việc lắng nghe và đối thoại thành nền tảng chung để vun đắp công lý và tình huynh đệ. Chính trong khi thi hành nhiệm vụ chung này, các Kitô hữu khám phá ra vai trò độc đáo của mình là hướng dẫn các hành động hướng về Thiên Chúa để, trong ánh sáng của Ngài, tính đa nguyên không tan biến thành sự hỗn loạn, mà thay vào đó, thông qua thực hành tính hiệp hành, nó trở thành nơi chốn mà nhân loại tái khám phá các nền tảng vững chắc và cùng đích của mình. Trong sách Khải huyền, Gioan nhìn thấy Giêrusalem mới “đi xuống từ trời nơi Thiên Chúa ngự” (Kh 21,2) như một quà tặng cho toàn nhân loại. Và thị kiến về ân sủng này là một lời mời gọi các Kitô hữu chúng ta cùng làm việc với nhau để thúc đẩy một đời sống bình an, công chính và xứng phẩm giá trong cộng đồng của những “thành đô” thời đại hôm nay.

Xây dựng cho công ích

11. Xây dựng một thành đô dựa trên công ích trước hết và trên hết hàm nghĩa việc xây dựng trên một mối tương quan vững chắc với Thiên Chúa. Điều đó có nghĩa là nhận ra rằng sự thật về tình yêu của

Ngài kêu gọi chúng ta sống “trong tất cả sự tròn đầy” (Ga 10,10) và trong hiệp thông với Ngài. Giống như thánh Augustinô, chúng ta cũng có thể nói: “Lạy Chúa, Ngài đã tạo dựng chúng con cho chính Ngài, và lòng chúng con còn khắc khoải cho đến khi được yên nghỉ trong Ngài.” [8] Thật vậy, Chúa đã khắc ghi trong lòng chúng ta một khát vọng hạnh phúc bao trùm tất cả các chiều kích của đời sống. Giáo hội, trong đối thoại với những con người nam nữ thời đại chúng ta, nhận ra sự khẩn thiết phải bảo vệ và hướng dẫn khát vọng này hướng tới sự thật sâu xa nhất của nó.

12. Thứ hai, việc xây dựng cho công ích có nghĩa là chấp nhận những giới hạn và điểm yếu của con người mà không coi chúng là một sai lỗi cần chỉnh sửa. Ngày nay, khát vọng của con người về sự sống tròn đầy đang có nguy cơ bị dẫn dụ bởi những mục tiêu dối lừa, chẳng hạn như triển vọng về một công nghệ hứa hẹn giải phóng chúng ta khỏi mọi điểm yếu, và các mô hình hạnh phúc bỏ lại phía sau những đám dân đông đảo. Rất thường, chúng ta đặt hy vọng vào những sự “nâng cấp” không giới hạn, vào các hình thức tiên bộ làm trầm trọng thêm những bất bình đẳng, và vào những giải pháp tức thời không có khả năng chữa lành các vết thương của con người. Kết quả là, trong khi một số người theo đuổi ảo tưởng về sự tự khẳng định mình không giới hạn, nhiều người lại bị tước đoạt những nhu cầu cơ bản. Giáo hội nhắc nhở chúng ta, với một giọng nói kiên định nhưng từ tốn, rằng sự viên mãn thực sự không đạt được bằng cách loại bỏ điểm yếu, mà thông qua sự phát triển hài hòa. Nó được tìm thấy ở nơi tự do và trách nhiệm được đan kết với sự quan tâm lẫn nhau và tình liên đới thực sự, và nơi sự tiến bộ được đo lường bằng phẩm giá của mỗi con người và thiện ích của tất cả mọi người.

13. Thứ ba, việc xây dựng một thế giới trong đó mọi người đều có thể triển nở đòi hỏi tinh thần đồng trách nhiệm và lòng can đảm. Không ai có thể một mình gánh vác sức nặng của những thách đố mà thế giới đang đối mặt, cũng như không ai yếu đuối đến mức không thể đóng góp phần của mình, vì “sức mạnh được thể hiện hoàn hảo trong sự yếu đuối” (2Cr 12,9). Tất cả đều có phần của mình nơi bức tường ấy: các nhà khoa học và các nhà nghiên cứu, các doanh nhân và công nhân, các nhà giáo dục và nhà lập pháp, xã hội dân sự, các phong trào quần chúng và các cộng đoàn đức tin. Đây là logic của nguyên tắc bổ trợ, coi trọng sự hợp tác giữa các thể hệ, các dân tộc, các ngành và các nền văn hóa như cách tốt nhất để thúc đẩy sự ổn định, thịnh vượng và hòa bình. Chúng ta không nên nhát sợ trước những căng thẳng hay những khác biệt, vì chúng có thể trở thành những lực sáng tạo khi được hướng dẫn bởi trách nhiệm chung.

14. Cuối cùng, việc xây dựng cho công ích đòi hỏi một ngôn ngữ Phúc Âm. Chúng ta phải tránh những lời lẽ xúc phạm hoặc đối đầu, thay vào đó chọn sự rõ ràng có sức soi sáng và sự thẳng thắn có sức khai mở những khả năng mới. Chúng ta không thể xuề xòa dung dưỡng những sự nhiệt tình ngây ngô, cũng không thể a dua thổi phồng những nỗi sợ hãi vô căn cứ. Thay vào đó, chúng ta hãy thiết lập các tiêu chuẩn để phân định – đó là, phẩm giá của con người, mục đích phổ quát của của cải, sự ưu tiên chọn lựa người nghèo, sự chăm sóc ngôi nhà chung và hòa bình của chúng ta – và hãy chuyển các tiêu chuẩn này

thành những thực hành như việc lập kế hoạch có trách nhiệm, việc đánh giá tác động trên con người và xã hội, sự bao gồm những người dễ bị tổn thương nhất, sự thúc đẩy hiểu biết kỹ thuật số, và sự hướng dẫn nghiên cứu và nền công nghiệp nhắm tới công lý và hòa bình.

Giữ vững tính người

15. Trong Năm Thánh 2025 vừa qua, chúng ta đã bước đi như những người hành hương của hy vọng và được ban nhiều ân sủng. Được củng cố bởi những ơn lành này, chúng ta có thể tự tin tiến về phía trước để đảm nhận những nhiệm vụ cam go và những thách đố đầy khó khăn phía trước. Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, khi phẩm giá con người bị đe dọa bởi những hình thức phi nhân hóa mới, nhiệm vụ cấp bách của chúng ta là phải giữ vững tính người của mình. Chúng ta phải ân cần gìn giữ sự cao cả của nhân tính được ban cho chúng ta và được biểu lộ trọn vẹn trong Chúa Kitô, sự rạng ngời của nhân tính này không một cỗ máy nào có thể thay thế được. Sự tiến bộ thực sự luôn bắt nguồn từ một trái tim rộng mở với người khác, một trí tuệ sẵn sàng lắng nghe và một ý chí tìm kiếm những gì hiệp nhất hơn là những gì gây chia rẽ.

16. Tôi tha thiết kêu gọi tất cả các tín hữu Công giáo, tất cả các Kitô hữu và tất cả mọi người thiện chí. Chúng ta đừng hấp tấp lẫn xả vào “công trường xây dựng” của thời đại chúng ta. Như Nokhemia, chúng ta hãy cầu nguyện, lập kế hoạch một cách khôn ngoan và làm việc một cách kiên trì, đặt Chúa lên hàng đầu trong mọi hành động của mình và đặt nhân vị con người làm trung tâm mọi lựa chọn của chúng ta. Như vậy, những “viên đá bị loại bỏ” – là người nghèo, người bệnh, người di cư và những người bé mọn nhất giữa chúng ta – sẽ trở thành hòn đá góc, và một ngôi nhà chung vững chắc, ấm áp sẽ hiện lộ trên trái đất, nơi tình yêu thương và lòng trung tín cuối cùng sẽ gặp nhau, và sự công chính và hòa bình sẽ ôm nhau (x. Tv 85,10). Đây là ơn phước mà chúng ta cầu xin Chúa; và nhiệm vụ trước mắt chúng ta là trở thành những người xây dựng sự hiệp thông, chứ không phải là những kiến trúc sư của Tháp Babel. Chúng ta phải là những người phục vụ cho Vương quốc sắp đến, thay vì là những ông chủ của những tòa tháp cuối cùng sẽ sụp đổ. Với trái tim của một mục tử và một người cha, tôi kêu gọi mọi người hãy từ bỏ việc xây dựng một Tháp Babel khác, và cùng nhau chung tay xây dựng thiện ích chung, để nhân tính không bao giờ đánh mất vẻ đẹp của nó, và thế giới một lần nữa sẽ nhận ra trái tim con người là nơi Chúa muốn ngự trị.

CHƯƠNG MỘT - MỘT CÁCH TIẾP CẬN NĂNG ĐỘNG TRUNG THÀNH VỚI TIN MỪNG

17. Trong chương đầu tiên này, tôi muốn trình bày một cách tổng hợp về cách mà Học thuyết Xã hội của Giáo hội đã hình thành trong Huấn quyền Giáo hoàng gần đây và trong Công đồng Vatican II, để cho thấy đặc tính năng động của nó. Thật vậy, trong mỗi thời đại, những điều mới mẻ (res novae) đòi hỏi

giáo huấn này phải giải quyết các vấn đề lịch sử dưới ánh sáng của Chân lý mặc khải. Về phương diện này, cũng không nên xem trí tuệ nhân tạo chỉ đơn thuần là một chủ đề để nghiên cứu hay một cuộc khủng hoảng cần được quản lý, mà đúng hơn đó là một sự phát triển có sức thách thức các phạm trù của Học thuyết Xã hội từ bên trong, đòi hỏi sự phát triển hơn nữa của các phạm trù ấy trong sự trung thành với Tin Mừng.

18. Tuy nhiên, cái nhìn tổng quan này sẽ không dễ hiểu nếu trước khi suy ngẫm về sự đóng góp của từng vị Giáo hoàng, và các văn kiện tiêu biểu nhất của các ngài, chúng ta không tiên văn làm rõ một số nguyên tắc cơ bản liên quan đến cách thức Giáo hội tồn tại trong lịch sử và liên hệ với thế giới. Nếu không làm như vậy, Học thuyết Xã hội sẽ có nguy cơ bị coi là sự can thiệp không đáng có vào các vấn đề “thế tục” hoặc bị coi là một bộ quy tắc đạo đức bên ngoài được áp đặt từ trên xuống. Trong thực tế, nó xuất phát từ một Giáo hội đồng hành cùng nhân loại, thừa nhận tính tự trị của các thực tại trần thế và sự phân biệt giữa cộng đồng giáo hội và cộng đồng chính trị. Thật vậy, chính vì lý do này mà Giáo hội nỗ lực phục vụ thiện ích chung.

Một Giáo hội bước đi trong lịch sử nhân loại

19. Giáo hội hiện diện trong thế giới như một dấu hiệu của sự hiệp nhất cho toàn thể gia đình nhân loại. Giáo hội nhìn nhận những câu hỏi và những thách đố ngày nay như là bối cảnh hiện tại để thực thi ơn gọi riêng của mình là lắng nghe, đối thoại và phục vụ, và đáp ứng tất cả những gì liên quan đến cuộc sống của con người ngày nay. Sự liên can này vào cuộc sống của con người giúp Giáo hội hiểu rõ hơn rằng sứ mạng của mình có một tầm vóc lịch sử và bao hàm một trách nhiệm về cách thức xây dựng các mối quan hệ xã hội. Do đó, Giáo hội không thể coi mình là người xa lạ với các lực định hình xã hội. Ngược lại, Giáo hội tích cực tham gia vào các tiến trình phát triển và tổ chức xã hội, và Giáo hội đóng góp phần mình để kiến tạo một xã hội công bằng và huynh đệ hơn. Đức giáo hoàng Phanxicô đã nhấn mạnh chiều kích lịch sử này của sứ mạng Giáo hội: “Không ai có thể đòi hỏi rằng tôn giáo phải bị đẩy vào nơi thiêng liêng bên trong đời sống cá nhân, không có ảnh hưởng đến đời sống xã hội và quốc gia, không quan tâm đến sự lành mạnh của các thể chế dân sự, không có quyền đưa ra ý kiến về các sự kiện ảnh hưởng đến xã hội.” [9]

20. Ôn gọi và bổn phận của Giáo hội đồng hành cùng nhân loại trong những đặc thù của lịch sử dẫn Giáo hội đến việc nhìn nhận rằng thực tại trần thế có đặc điểm và trật tự riêng của chúng. Công đồng Vatican II đã diễn đạt nguyên tắc này một cách đặc biệt chính xác trong Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, mà chúng ta đã mừng kỷ niệm 60 năm với lòng biết ơn vào ngày 7 tháng 12 năm 2025: “Nếu quyền tự trị của các vấn đề trần thế có nghĩa là các tạo vật và xã hội tự chúng có các qui luật và giá trị riêng... thì yêu cầu về quyền tự trị là hoàn toàn chính đáng.” [10] Khẳng định này cho thấy rằng công trình tạo dựng mang dấu ấn của một sự tốt lành nguyên thủy mà nhân sinh quan của chúng ta phải bảo tồn, vun

đáp và hoàn thành. Về phương diện này, Giáo hội dẫn thân để giúp giải thích thực tại trong tất cả chiều sâu của nó. Với thái độ khiêm nhường kiên định, Giáo hội ủng hộ những lựa chọn thẳng tiến phẩm giá của mỗi người, sự gắn kết của các cộng đồng và thiện ích của tất cả mọi người. Do đó, Giáo hội đứng sát cánh với thế giới mà không lẩn át nó, để lời hứa về công lý và hòa bình mà Chúa Thánh Thần tiếp tục giữ vững trong trái tim con người có thể được thực hiện trong mọi công cuộc của họ.

21. Nhìn nhận rằng Thiên Chúa tôn trọng sự tự do của con người trong tiến trình lịch sử, Công đồng Vatican II đã khẳng định sự phân biệt giữa cộng đồng giáo hội và cộng đồng chính trị, nhấn mạnh rằng mỗi cộng đồng phải hoạt động với đầy đủ quyền tự trị. Sự hiện diện của Giáo hội trong thế giới cũng được diễn tả qua mối tương quan của Giáo hội với xã hội dân sự và với các thiết chế công cộng. Bằng cách liên can với các thực thể này, Giáo hội thừa nhận giá trị của các thực tại xã hội và chính trị, và tôn trọng các trách nhiệm riêng của chúng, hỗ trợ những gì thúc đẩy thiện ích của các cá nhân và củng cố cấu trúc của xã hội. Giáo hội không giành lấy các chức năng thuộc về Nhà nước. Ngược lại, Giáo hội trân trọng những người phục vụ cho thiện ích chung, và Giáo hội nhất mực nhìn nhận trách nhiệm mà các thể chế dân sự nắm giữ trong xã hội. Đồng thời, do sứ mạng được ủy thác cho mình, Giáo hội được thúc đẩy quan tâm đến những đau khổ thực sự của con người thời đại chúng ta. Sự gắn bó này không xuất phát từ ý định thay thế các thể chế dân sự, càng không phải do ngầm chỉ trích công việc của các thể chế ấy. Đúng hơn, nó xuất phát từ lòng bác ái theo Phúc Âm, thúc đẩy Giáo hội tiếp cận những vết thương của con người bất cứ khi nào chúng hiện lộ với mức độ nghiêm trọng. Khi Giáo hội can thiệp, Giáo hội làm như vậy theo gương của Người Samari Tốt Lành, với sự thận trọng và gần gũi, ý thức rằng những gì nổi lên từ nhu cầu cấp bách không thể trở thành chuẩn mực, cũng không thể thay thế các trách nhiệm thể chế thuộc riêng của cộng đồng dân sự.

22. Việc khởi đi từ sự nhìn nhận kép này - về tính tự trị của các thực tại trần thế, và về sự phân biệt giữa các cảnh vực Giáo hội và chính trị - cho phép hiểu rõ hơn hướng đi mà Công đồng Vatican II đã vạch ra cho Giáo hội trong mối tương quan với thế giới. *Gaudium et Spes* nhắc chúng ta rằng “nhiệm vụ của toàn thể Dân Chúa, đặc biệt là các mục tử và các nhà thần học, là lắng nghe và phân biệt nhiều tiếng nói của thời đại chúng ta, cũng như giải thích chúng trong ánh sáng Lời Chúa, để Chân lý mặc khải có thể được nắm bắt sâu xa hơn, được nhận hiểu rõ hơn và được trình bày phù hợp hơn.” [11] Việc lắng nghe “nhiều tiếng nói” không chỉ đơn thuần là một bài tập xã hội học, mà đúng hơn nó đòi hỏi sự phân định thiêng liêng. Được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, Dân Thiên Chúa nhận ra trong những biến đổi văn hóa và xã hội cả những dấu hiệu về sự hiện diện của Chúa Kitô, Đáng đến và đưa lịch sử đến sự hoàn thành của nó, lẫn những sai lệch che khuất khuôn mặt của Người. Theo đó, cốt lõi thiết yếu của Chân lý mặc khải không bị thay đổi, mà được làm rõ và được chấp nhận như một tiêu chuẩn sống động để hướng dẫn những lựa chọn cụ thể, khơi lên những nẻo đường hoán cải cá nhân và cộng đồng, thúc đẩy những cải cách cơ cấu, và hỗ trợ các hình thức mới mẻ làm chứng cho Tin Mừng trong đời sống công cộng.

Như thế lịch sử được hiểu là một trong những nơi mà Giáo hội cho phép mình được Thánh Linh dạy dỗ về năng lực nhân bản hóa của Tin Mừng; và Giáo hội học cách phát triển giáo huấn của mình để phục vụ cho phẩm giá của mọi người và cho thiện ích của mọi dân tộc.

Sự khôn ngoan của Lời Chúa trong đối thoại với khoa học nhân văn

23. Giáo hội coi tất cả những ai thành tâm tìm kiếm “chân, thiện, mỹ” là những bạn đồng hành trên hành trình, và coi họ là “đồng minh quý giá” [12] trong việc bảo vệ phẩm giá của mọi con người và việc chăm sóc công trình tạo dựng. Áp dụng phương thức mục vụ của Công đồng Vatican II, là phương thức mời gọi chúng ta lắng nghe, phân định và giải thích các dấu chỉ của thời đại, và được soi sáng bởi sự khôn ngoan của Lời Chúa, Giáo hội không ngại tiếp xúc với tri thức nhân loại. Thật vậy, Lời Chúa cung cấp những tiêu chuẩn đáng tin cậy để thiết lập các nẻo đường công lý và mở ra các lộ trình hòa giải và hòa bình giữa các dân tộc. Khi áp dụng những tiêu chuẩn này vào các tình huống phức tạp của thời đại chúng ta, những đóng góp của triết học và của khoa học xã hội và nhân văn là rất cần thiết. Những ngành này giúp chúng ta hiểu và phân tích các động lực văn hóa, kinh tế và chính trị một cách sâu sắc hơn. Thánh Gioan Phaolô II nhắc lại rằng Giáo hội hoan nghênh những đóng góp của khoa học xã hội để “từ đó rút ra những hiểu biết cụ thể giúp Giáo hội thi hành chức năng giáo huấn của mình”. [13] Cuộc đối thoại với những loại tri thức như vậy không làm giảm thiểu sức mạnh của Tin Mừng. Ngược lại, nó giúp nhận diện rõ hơn điều gì thực sự thúc đẩy đời sống của các cá nhân và các cộng đồng. Theo nhãn giới này, Giáo hoàng Phanxicô nhấn mạnh rằng khi giải quyết nhiều vấn nạn cụ thể, Giáo hội không tuyên bố đưa ra “một ý kiến dứt khoát”, [14] nhưng công nhận tầm quan trọng của việc lắng nghe sự nghiên cứu khoa học và khuyến khích sự tranh luận nghiêm túc và trung thực giữa các chuyên gia, đồng thời hoan nghênh sự đa dạng của các quan điểm.

24. Được nuôi dưỡng bởi cuộc đối thoại đầy hiệu quả này giữa Tin Mừng và tri thức nhân loại, Giáo hội đã dần phát triển Học thuyết Xã hội của mình, vun đắp trong lịch sử một di sản khôn ngoan được đánh dấu bởi sự nhất quán về nhân học và thần học cắm rễ trong sự hiểu biết của Kitô giáo về con người. Chính vì di sản này xuất phát từ đức tin và từ một tầm nhìn tương ứng về thực tại, nên nó không phải là một tập hợp các giải pháp kỹ thuật hay một mô hình kinh tế hoặc chính trị để đối lập với những mô hình khác. Thay vào đó, nó thuộc về một trật tự khác, [15] trật tự của các nguyên tắc hướng dẫn việc giải thích các biến cố và hỗ trợ một nhận thức theo Tin Mừng về các tiến trình lịch sử và những lựa chọn gắn theo đó. Đây chính là chức năng riêng của Học thuyết Xã hội, không nhằm thay thế các trách nhiệm của chính trị hay các cơ chế, mà góp phần mình như một nền tảng cho sự phân định tập thể, giúp nhận ra và thúc đẩy bất cứ điều gì phục vụ cho phẩm giá của con người, cho sức sống của các cộng đồng và cho thiện ích chung.

Học thuyết Xã hội như một sự phân định chung

25. Việc nhận hiểu rằng sự thật là một món quà để chia sẻ, không phải là một tài sản để độc chiếm, sẽ giải phóng Giáo hội khỏi cám dỗ tìm kiếm các hình thức hiện diện dựa trên quyền lực. Để khám phá lại cách tiếp cận của Phúc Âm về việc rao giảng sự thật một cách nhã nhặn chứ không áp đặt, thánh Gioan Phaolô II đã mời gọi chúng ta xem xét một cách trung thực những trường hợp trong đó đã xảy ra sự nhượng bộ cho “sự bất bao dung và thậm chí đã sử dụng bạo lực để phục vụ sự thật.” [16] Cũng theo tinh thần này, tôi tái khẳng định rằng Giáo hội “không tuyên bố độc quyền về sự thật,” [17] bởi vì sự thật không phải là một lãnh thổ để bảo vệ, mà là một điều tốt đẹp để chia sẻ. Về phần mình, Đức giáo hoàng Phanxicô đã bày tỏ cùng một quan điểm này trong câu nói rất ấn tượng của ngài, “thời gian quan trọng hơn không gian.” [18] Điều quan trọng nhất không phải là chiếm giữ các vị trí quyền lực hay bảo vệ các thành trì văn hóa, mà là khởi xướng các tiến trình tốt đẹp và cho phép chúng chín muồi. Bằng cách này, sự thật của Tin Mừng không bị áp đặt từ trên xuống, mà phát triển theo thời gian bên trong mỗi đan kết cụ thể của cuộc sống, của các cộng đồng và các nền văn hóa. Đây không phải là một sự thật sợ hãi tính đa dạng, mà ngược lại, chào đón và hướng dẫn nó. Sự thật không loại bỏ các xung đột, mà chuyển hóa chúng, hợp nhất lại những gì lịch sử có xu hướng gây phân tán. Khái niệm này cũng có thể được minh họa bằng hình ảnh của một khối đa diện, [19] trong đó sự thật duy nhất của Tin Mừng được phản chiếu từ nhiều góc khác nhau.

26. Thái độ cởi mở này đối với sự thật, vốn vừa duy nhất vừa đa dạng, thể hiện sâu sắc tính công giáo của Giáo hội, vì Giáo hội bao trùm toàn thể gia đình nhân loại nhưng cũng lặn ngụp trong những hoàn cảnh cụ thể của các dân tộc và các nền văn hóa. Công đồng Vatican II nhắc nhở chúng ta rằng nhờ tính công giáo này, “mỗi thành phần đóng góp các ân ban riêng của mình cho các thành phần khác và cho toàn thể Giáo hội.” [20] Theo cách này, Giáo hội phát triển như một toàn thể và như các cộng đồng riêng rẽ nhờ sự trao đổi lẫn nhau và nhờ những nỗ lực chung hướng tới sự hiệp thông ngày càng trọn vẹn hơn. Như vậy, Dân Thiên Chúa không chỉ được quy tụ từ nhiều dân tộc, mà còn được đan kết qua các chức năng, các ơn gọi, các văn hóa và truyền thống khác nhau, mỗi bên được kêu gọi hỗ trợ và làm cho nhau nên phong phú. Từ quan điểm này, thánh Phaolô VI thừa nhận rằng, trong các hoàn cảnh lịch sử rất đa dạng, sẽ là không thực tế khi nghĩ rằng Học thuyết Xã hội của Giáo hội có thể đưa ra một đáp ứng duy nhất mà có hiệu lực trong mọi bối cảnh. [21] Vì lý do này, ngài mời gọi mỗi cộng đồng Kitô giáo diễn giải thực tại ở đất nước mình một cách rõ ràng và có trách nhiệm. Sự căng thẳng đầy triển vọng giữa tính phổ quát của sứ mạng Giáo hội và các gốc rễ địa phương của Giáo hội là một khía cạnh nội tại trong đời sống Giáo hội, bởi vì Giáo hội bao trùm toàn thể giới, đồng thời giải quyết các vấn đề cụ thể của mỗi bối cảnh xét như là khung cảnh thực trong đó Tin Mừng mang lấy dáng dấp.

27. Dựa theo những điều đã nói ở trên, Học thuyết Xã hội của Giáo hội có thể được nhìn nhận một cách chân thực hơn. Nó không phải là một cuốn cẩm nang gồm các nguyên tắc và quy chuẩn cần áp dụng, mà là một tiến trình phân định chung. Nó được sinh ra từ sự gặp gỡ giữa chân lý vĩnh cửu của Tin Mừng và các vấn đề của lịch sử. Nó cho phép mình bị thách thức bởi các dấu chỉ của thời đại, và được nuôi dưỡng bởi những đóng góp của khoa học, văn hóa và kinh nghiệm nhân sinh. Do đó, khi phẩm giá của anh chị em chúng ta bị xâm phạm, khi chính trị không giải quyết được những bi kịch của nhân loại, khi nền kinh tế chống lại con người hay khi khoa học vượt quá các giới hạn thẩm quyền của mình, [22] Giáo hội - cùng với các hệ phái Kitô giáo khác và các tín đồ của các tôn giáo khác - phải lên tiếng, không nhằm để áp chế, mà để thúc đẩy sự hiệp thông. Hiểu theo cách này, Học thuyết Xã hội trở thành một thần học về sự hiệp thông trong lịch sử, một lịch sử trong đó Ngôi Lời nhập thể tiếp tục hiện diện thông qua đối thoại, ký ức và lời ngôn sứ.

Sự phát triển của Học thuyết Xã hội từ thời Giáo hoàng Lê-ô XIII đến nay

28. Sau khi đã toát lược cách thức Giáo hội hiện diện trong lịch sử và đi vào cuộc đối thoại với thế giới, giờ đây tôi muốn xem xét sự phát triển của Học thuyết Xã hội trong Huấn quyền, vốn đã đáp ứng những biến đổi xã hội lớn từ thế kỷ 19 đến nay. Đương nhiên, tôi không thể lột tả hết được sự phong phú của giáo huấn này, mà các nguyên tắc cơ bản của nó được trình bày trong Bản tóm tắt Học thuyết Xã hội của Giáo hội và đã được các giáo huấn gần đây của Huấn quyền xem xét kỹ lưỡng hơn. Tôi cũng không thể khảo sát một cách có hệ thống mọi thứ đã được phát triển trong các Thông điệp của các vị tiền nhiệm đáng kính quá cố của tôi, đặc biệt là trong Laudato Si' và Fratelli Tutti. Tuy nhiên, tôi sẽ nhấn mạnh một số điểm thiết yếu để cho thấy bản văn này tiếp nối truyền thống đó như thế nào. Tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng trong truyền thống này, cốt lõi bất biến của các chân lý mạc khải về nhân vị con người và về xã hội luôn đan kết với khả năng mới mẻ để lắng nghe các tình huống lịch sử và để trả lời cho các vấn đề đương đại. Tôi sẽ nhìn lại một số giai đoạn quan trọng của sự phát triển này, bắt đầu với giai đoạn được mở ra bởi Thông điệp Rerum Novarum.

Những giai đoạn đầu tiên của Học thuyết Xã hội của Giáo hội

29. Điều mà chúng ta hiện nay gọi là “Học thuyết Xã hội của Giáo hội” không phải là một sản phẩm tự phát của thời hiện đại. Đúng hơn, nó là kết quả của việc tiếp nhận và cấu trúc một truyền thống lâu dài của suy tư Giáo hội về đời sống trong xã hội, cắm rễ trong Kinh Thánh, các Giáo phụ và những phát triển về thần học và pháp luật của thời Trung cổ và thời hiện đại. Mặc dù thuật ngữ “Học thuyết Xã hội của Giáo hội” được Đức Giáo hoàng Piô XII đặt ra vào năm 1950, [23] nội dung của nó đã bắt đầu hình thành như một tập hợp hữu cơ của giáo huấn xã hội với Thông điệp Rerum Novarum của Đức giáo hoàng Lê-ô XIII. Đối mặt với “những điều mới mẻ” của thời đại mình – sự xung đột giữa tư bản và lao động, vấn đề lực lượng lao động, và những chuyển biến kinh tế và xã hội – Đức Lê-ô XIII không giới

hạn mình chỉ ở việc thừa nhận sự bất ổn, mà còn coi những hoàn cảnh này là một lĩnh vực cho sứ mạng mục vụ của Giáo hội. Ngài đã xem xét chúng một cách kỹ lưỡng, soi chiếu các nguyên nhân và các giải pháp khả dĩ dưới ánh sáng của Tin Mừng và một tầm nhìn toàn diện về nhân vị con người được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa. Thánh Gioan Phaolô II coi cách tiếp cận này là một “kiểu thức lâu dài” [24] của Học thuyết Xã hội: một cách làm mẫu mực mà qua đó Giáo hội, khi đối mặt với những thay đổi lịch sử, sẽ thực thi quyền và nghĩa vụ của mình để xem xét các thực tế xã hội, đưa ra các tuyên bố về chúng, và chỉ ra những nẻo đường tìm kiếm các giải pháp đúng đắn. Bằng cách này, các nội dung thường hằng của đức tin và sự khôn ngoan lâu đời của Giáo hội được thể hiện trong một học thuyết sống động, trung thành với Tin Mừng trong khi phát triển để đáp ứng “những điều mới mẻ” của mỗi thời đại.

30. Thông điệp *Rerum Novarum* của Giáo hoàng Leo XIII là một cột mốc trong sự phát triển giáo huấn xã hội của Giáo hội. Văn kiện này đặt phẩm giá của lao động và người lao động lên hàng đầu trong suy tư của mình; khẳng định quyền được trả lương công bằng cho bản thân và gia đình; thừa nhận rằng con người có một giá trị nền tảng vượt trên tư bản và lợi nhuận; bảo vệ quyền tư hữu cùng với vai trò xã hội không thể thiếu của nó; coi trọng các tổ chức hiệp hội công nhân; và đề xuất các hình thức hợp tác giữa các thành phần khác nhau của xã hội như một giải pháp thay thế cho tư duy đấu tranh giai cấp. Vì thế, không có gì đáng ngạc nhiên khi Giáo hoàng Piô XI định nghĩa nó là “*Magna Carta*” [25] của hành động xã hội Kitô giáo. Trong *Rerum Novarum*, sự khôn ngoan cổ xưa của Giáo hội về nhân vị con người và về đời sống xã hội đã mang một hình thức mới có khả năng đáp ứng thời đại công nghiệp và cung cấp khung hệ thống quan trọng đầu tiên cho Học thuyết Xã hội sẽ được phát triển hơn nữa trong những thập niên tiếp theo. Mặc dù nhiều điều kiện lịch sử được Đức Lê-ô XIII mô tả đã thay đổi, nhưng ít nhất hai nhận thức vẫn còn rất phù hợp hôm nay: tầm quan trọng hàng đầu của lao động con người so với bất kỳ nào trạng nào chỉ tập trung vào tài chính hoặc năng suất - với sự quan tâm đến những người và những gia đình dễ bị bóc lột nhất; và mối nối kết không thể tách rời giữa việc rao giảng Tin Mừng và việc theo đuổi một trật tự xã hội công bằng hơn. Do đó, *Rerum Novarum* tiếp tục nhắc nhở chúng ta rằng không có sự loan báo Tin Mừng đích thực nào mà không tác động đến các cấu trúc của xã hội con người.

31. Thông điệp *Quadragesima Anno* của Đức giáo hoàng Piô XI được ban hành năm 1931 nhân kỷ niệm 40 năm *Rerum Novarum*, tại đỉnh điểm của một cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lớn, đánh dấu một bước tiến nữa trong giáo huấn xã hội của Giáo hội. Thay vì chỉ giới hạn ở việc giải quyết “vấn đề lực lượng lao động”, thông điệp đã mở rộng tiêu điểm để bao gồm toàn bộ cấu trúc của trật tự kinh tế và chính trị. Thông điệp lên án sự tập trung quyền lực kinh tế vào tay một số ít người; phê phán cả sự cạnh tranh không giới hạn lẫn các dự án tập thể làm suy yếu tự do và trách nhiệm của cá nhân; khẳng định mạnh mẽ quyền lập hội của người lao động; và nhắc lại yêu cầu rằng tiền lương phải tương xứng không chỉ với hiệu suất làm việc mà còn với nhu cầu của người lao động và gia đình họ. Trong khuôn khổ này, Đức Piô XI đã định thức nguyên tắc hỗ trợ một cách hệ thống, nguyên tắc này sẽ trở thành một

trong những cột trụ của Học thuyết Xã hội. Theo nguyên tắc này, bất cứ điều gì có thể được thực hiện bởi các cá nhân, gia đình, các tổ chức trung gian và các cộng đồng địa phương thì không nên được thực hiện bởi các quyền bính cấp cao hơn. Cùng với những đóng góp này, trong nhiều diễn từ giáo huấn của ngài - từ các Thông điệp *Non Abbiamo Bisogno* và *Mit Brennender Sorge* đến *Divini Redemptoris* - Đức giáo hoàng Piô XI đã nhắc lại rõ ràng về vai trò xã hội của quyền tư hữu và lên án các hình thức của chủ nghĩa toàn trị làm suy giảm phẩm giá con người, bóp nghẹt đời sống xã hội, đề cao Nhà nước hơn giá trị thực của nó, và phân biệt chủng tộc. Ít nhất ba nhận thức sâu sắc trong giáo huấn xã hội của ngài vẫn đặc biệt phù hợp đối với ngày nay: nhận thức rằng sự bất công không chỉ liên quan đến hành vi cá nhân mà còn cả các cấu trúc kinh tế và thể chế; tầm quan trọng của nguyên tắc bổ trợ, điều này kêu gọi việc củng cố cấu trúc của các hiệp hội và các cộng đồng, đồng thời tránh tập trung quyền lực thêm nữa; và mối nối kết giữa phẩm giá của lao động, tiền lương công bằng và khả năng thực sự để các gia đình có một cuộc sống xứng phẩm giá.

32. Trong bối cảnh bi tráng của Chiến tranh Thế giới Thứ hai, và những năm tái thiết sau đó, giáo huấn của Đức giáo hoàng Piô XII đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển của Học thuyết Xã hội. Điều này đặc biệt đúng với các sứ điệp truyền thanh *Giáng Sinh* của ngài, trong đó ngài đã sơ phác chiếc khung của một trật tự quốc tế dựa trên công lý, hòa bình và sự nhìn nhận phẩm giá con người. Trong những sứ điệp này, vị giáo hoàng đã đề xuất một cuộc đối thoại với xã hội dựa trên sự cổ vũ luật tự nhiên được hiểu là một tập hợp các nguyên tắc khách quan đi trước lợi ích của các cá nhân và các Nhà nước, và phải điều chỉnh cả đời sống nội bộ của các quốc gia lẫn các mối quan hệ đối với nhau. Đức Piô XII cũng gán cho các hiệp hội nghề nghiệp, các công đoàn và các tổ chức trung gian khác nhau một vai trò quyết định trong trật tự kinh tế và xã hội. Ngài công nhận những hình thức tổ chức xã hội này là một sự bảo vệ thiết yếu cho sự cân bằng dân sự và để bảo vệ công ích. Ngài khẳng định sự cần thiết của một nền pháp trị vững mạnh để ngăn ngừa sự lạm dụng quyền lực, và ngài công nhận dân chủ là phương tiện để bảo đảm việc thực thi quyền bính đúng đắn. Đồng thời, ngài cảnh báo chống lại bất kỳ cố gắng nào nhằm xây dựng luật pháp dựa trên lợi ích hay vũ lực, nhắc lại rằng một trật tự quốc tế được sắp xếp theo lợi thế của kẻ mạnh sẽ đặt các dân tộc yếu hơn vào thế bị áp bức và sẽ làm suy yếu nghiêm trọng sự tin tưởng giữa các quốc gia. Cuối cùng, Đức Piô XII nhận diện sự mất cân bằng kinh tế sâu xa giữa các quốc gia là một trong những yếu tố đẩy mạnh các xung đột. [26] Ba nguyên tắc vẫn còn đặc biệt quan trọng đối với thời đại của chúng ta, hiện đang được in dấu các hình thức mới của quyền lực toàn cầu cũng như sự bất bình đẳng đang ngày càng gia tăng: nhu cầu luật pháp phải được ưu tiên hơn lợi ích; sự ý thức rằng các chênh lệch kinh tế là mảnh đất sản sinh căng thẳng và bạo lực; và sự cần thiết của một mạng lưới các hiệp hội có khả năng làm trung gian giữa cá nhân và Nhà nước. Những nguyên tắc này tiếp tục cung cấp các tiêu chí quan trọng cho phép Học thuyết Xã hội giải thích động lực của toàn cầu hóa và thúc đẩy một trật tự quốc tế công bằng và hòa bình hơn.

Những năm của Công đồng Vatican II

33. Một giai đoạn mới trong giáo huấn xã hội của Giáo hội bắt đầu với thánh Gioan XXIII, người đã nhấn mạnh hơn vào chiều kích toàn cầu của các vấn đề xã hội và sự đề cập về các quyền. Trong *Mater et Magistra*, ngài đã trình bày đức tin Kitô giáo như một ánh sáng có khả năng kết hợp trời và đất. Ngài nhắc lại rằng trong khi sứ mạng chính yếu của Giáo hội là thánh hóa và rao giảng những điều tốt lành vĩnh cửu, thì Giáo hội vẫn không phớt lờ những nhu cầu cụ thể trong cuộc sống hàng ngày của con người, và quan tâm đến mọi điều thiện hảo đích thực của con người. [27] Dựa trên tầm nhìn thống nhất này về con người, Đức Gioan XXIII nhấn mạnh rằng đời sống xã hội đòi hỏi sự cân bằng giữa một bên là sáng kiến của các công dân và các nhóm – là những người được kêu gọi tự tổ chức và làm việc cùng nhau - và bên kia là hành động của Nhà nước, có bổn phận điều phối và hỗ trợ mà không bóp nghẹt tự do và trách nhiệm của các cá nhân. Do đó, ngài đã lưu ý về việc trả lương công bằng cho lao động, về sự tham gia của người lao động, và về những sự chênh lệch ngày càng tăng giữa các quốc gia. Vài năm sau, trong *Pacem in Terris*, Đức Gioan XXIII lần đầu tiên không chỉ hướng đến các tín hữu mà còn đến tất cả những người thiện chí, liên kết một cách hữu cơ phẩm giá của con người với sự nhìn nhận các quyền và các nghĩa vụ cơ bản, và đề xuất một hướng đi cho xã hội - cả ở bình diện quốc tế nữa - dựa trên sự thật, công lý, tình yêu và tự do. [28] Trong thời hiện nay, được đánh dấu bởi sự xung đột lan rộng và các hình thức mới của sự phụ thuộc lẫn nhau trên toàn cầu, những khía cạnh sau đây trong tư tưởng của ngài vẫn có ý nghĩa đặc biệt: nhân giới phổ quát trong lời kêu gọi của ngài; việc ngài qui chiếu đến nhân quyền như một khuôn khổ chung; và niềm xác tín của ngài rằng nền hòa bình trường cửu đòi hỏi phải có các thể chế và các mối quan hệ giữa các dân tộc, được thúc đẩy bởi phẩm giá của mọi con người.

34. Công đồng Vatican II đánh dấu một bước ngoặt trong nhận thức của Giáo hội về chính mình trong thế giới ngày nay. Trong Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, Công đồng đã trình bày hình ảnh một Giáo hội gần gũi với con người, gắn bó với thế giới và quan tâm suy ngẫm về thực tế cụ thể của các hoàn cảnh lịch sử, hơn là các khái niệm trừu tượng. Bản văn đề cập các vấn đề lớn như về hôn nhân và gia đình, đời sống kinh tế và xã hội, cộng đồng chính trị, chiến tranh và hòa bình. Văn kiện này khẳng định rằng các cấu trúc kinh tế và thể chế chỉ đúng đắn trong mức độ chúng phục vụ cho sự phát triển toàn diện của con người và thúc đẩy sự tham gia có trách nhiệm của mọi người. [29] Tầm quan trọng của văn kiện công đồng này đối với Học thuyết Xã hội của Giáo hội không chỉ nằm ở việc mở ra những chân trời cho sự suy tư các chủ đề, mà còn ở phương pháp phân định của nó mời gọi chúng ta giải thích những thay đổi lịch sử được hướng dẫn bởi Tin Mừng và bởi chuyên môn của con người. Cách tiếp cận này cho thấy rằng đối thoại với thế giới không phải là một lựa chọn chiến thuật của Giáo hội, mà là một diễn tả cụ thể của sứ mạng Giáo hội, bởi vì Tin Mừng - giống như men - có khả năng biến đổi các cấu trúc xã hội từ bên trong và kiến tạo những nẻo đường nhắm tới một nhân tính cao cả hơn. Tuyên ngôn *Dignitatis*

Humanae có thể được bao gồm trong cùng bối cảnh. Ở đây, Công đồng nhìn nhận rằng tự do tôn giáo là một quyền cơ bản xuất phát từ phẩm giá con người, điều phải được pháp luật bảo đảm để đề phòng việc người ta bị buộc phải hành động trái với lương tâm của họ hoặc bị cản trở trong việc tìm kiếm và tuyên xưng sự thật cả trong riêng tư lẫn công khai. [30] Nguyên tắc này rất phù hợp ngày nay và tiếp tục cung cấp cho Học thuyết Xã hội những tiêu chí quyết định để bảo vệ các cá nhân và xây dựng các xã hội đa nguyên và hòa bình.

35. Trong triều đại giáo hoàng của thánh Phaolô VI, nổi lên một nhận thức về hòa bình, theo đó hòa bình không chỉ đơn thuần là sự vắng mặt của chiến tranh, mà còn thể hiện trong tầm mức phát triển toàn diện của con người. Trong *Populorum Progressio*, ngài mô tả sự phát triển như một quá trình chuyển đổi từ điều kiện sống kém nhân văn sang điều kiện sống nhân văn hơn. Ngài còn hiểu nó như một tiến trình quan tâm đến “mỗi người và toàn thể con người”, [31] tức là mọi chiều kích của con người và tất cả mọi người không trừ ai. Vì lý do này, Đức Phaolô VI có thể khẳng định rằng sự phát triển được hiểu theo cách này thực sự là “tên gọi mới của hòa bình”, [32] bởi vì nó nhắm xóa bỏ tận gốc rễ bất công và xung đột, và tạo ra các cơ hội cho một cuộc sống xứng phẩm giá hơn cho mọi người. Việc thiết lập Ủy ban Giáo hoàng *Iustitia et Pax* (Công lý và Hòa bình) cũng nên được nhìn trong ánh sáng này như một nỗ lực định thức hóa cách nhận hiểu nói trên ở các bình diện giáo hội và quốc tế, trong khi lưu ý đến khoảng cách ngày càng tăng giữa các nước giàu và các nước nghèo, và nhu cầu cần có các chính sách thực sự thúc đẩy điều kiện sống nhân văn hơn cho tất cả mọi người.

36. Trong *Octogesima Adveniens*, được viết nhân dịp kỷ niệm 80 năm *Rerum Novarum*, Đức Phaolô VI đã áp dụng quan điểm này vào xã hội hậu công nghiệp, được đánh dấu bởi quá trình đô thị hóa, bởi các hình thức nghèo đói mới và những thay đổi văn hóa nhanh chóng làm bật ra câu hỏi về tương lai của các cá nhân và các cộng đồng. Đức Phaolô VI tin rằng mặc dù Tin Mừng được rao giảng, được viết ra và được sống trong một bối cảnh lịch sử và văn hóa rất khác với bối cảnh của chúng ta, nhưng sứ điệp của Tin Mừng không “lỗi thời”. [33] Thay vào đó, nó trao một tầm nhìn về nhân vị con người, về các mối tương quan, về quyền bính và về công ích vẫn có khả năng hướng dẫn các lựa chọn kinh tế, chính trị và văn hóa ngày nay. Nói cách khác, Tin Mừng vẫn phù hợp vì nó cung cấp các tiêu chí để nhận ra điều gì nhân văn hay điều gì phi nhân, điều gì giải phóng hay điều gì áp bức trong các hoàn cảnh không ngừng thay đổi. Đối với Học thuyết Xã hội của Giáo hội, di sản đòi hỏi khắt khe nhất của Đức Phaolô VI chính là điều này: chừng nào trên thế giới còn có những người bị loại trừ khỏi sự phát triển phù hợp với phẩm giá con người, thì cộng đồng Kitô giáo không thể bằng lòng với một lời rao giảng hòa bình thuần lý thuyết. Thay vào đó, khởi đi từ chính nơi mà người ta bị gạt ra ngoài lề, ta phải cho phép Phúc Âm đưa ra phán quyết về những cơ cấu kinh tế và chính trị mà có thể trở thành những “cơ cấu tội lỗi” thực sự - như Đức giáo hoàng Gioan Phaolô II sau này nhắc nhở chúng ta. [34] Do đó, không một ai hay một dân tộc nào sẽ bị coi là có thể bị loại bỏ trong các tiến trình phát triển.

Huấn quyền gần đây

37. Giáo huấn xã hội phong phú của thánh Gioan Phaolô II nằm ở giao lộ cuộc khủng hoảng của các hệ thống ý thức hệ lớn của thế kỷ 20 và sự khởi đầu của toàn cầu hóa kinh tế. Thông điệp *Laborem Exercens* của ngài, được viết 90 năm sau khi *Rerum Novarum* được ban hành, đã mở ra một con đường mới để suy ngẫm về lao động. Nó nêu việc trả lương công bằng như phương tiện cụ thể để xác thực tính chính đáng của toàn bộ hệ thống kinh tế xã hội, bởi vì điều này cho thấy liệu người lao động có được đối xử như một con người hay chỉ đơn thuần là một chi phí sản xuất. [35] Lao động không được coi chỉ như một vấn đề cần giải quyết hay một phương tiện tạo ra thu nhập, mà là một điều tốt cơ bản cho con người, một nguyên tắc của hoạt động kinh tế và là chìa khóa cho toàn bộ vấn đề xã hội. Thông qua lao động, con người phát huy sự tự do, sáng tạo và khả năng hợp tác của mình, góp phần nâng cao văn hóa và đạo đức của xã hội. [36] Trong cái nhìn này, các tình trạng bất ổn về việc làm, các con đường sự nghiệp phân mảnh và sự tự động hóa không được đánh giá chỉ dựa trên hiệu năng, mà còn liên quan đến phẩm giá của người lao động, quyền được trả lương đầy đủ, và khả năng thực sự tham gia vào xã hội.

38. Với Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* của ngài, đánh dấu kỷ niệm 20 năm *Populorum Progressio*, Đức Gioan Phaolô II đã khảo sát lại tai họa của sự kém phát triển. Ngài thừa nhận sự thất bại của nhiều nỗ lực nhằm đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của các dân tộc nghèo và hỗ trợ họ trong tiến trình công nghiệp hóa, lưu ý khoảng cách dai dẳng và thực sự ngày càng giãn rộng giữa Bắc và Nam bán cầu. [37] Ngài cũng lên án các cơ chế kinh tế, tài chính và thương mại do các nền kinh tế mạnh nhất quản lý, được cấu trúc để ưu tiên lợi ích riêng của họ, trong khi bóp nghẹt các nền kinh tế yếu hơn, và ngài yêu cầu các cơ chế ấy phải được thẩm tra nghiêm túc về mặt đạo đức, chứ không chỉ về mặt kỹ thuật. [38] Trong bối cảnh này, sự liên đới được hiểu là một trách nhiệm cụ thể cùng được chia sẻ giữa các cá nhân, các dân tộc và quốc gia - một hình thức tình thân hữu xã hội hay bác ái chính trị hướng tới “nền văn minh tình thương” mà Đức Phaolô VI đề xuất. [39]

39. Nhân kỷ niệm 100 năm *Rerum Novarum*, Thông điệp *Centesimus Annus* đã đưa ra một suy tư về sự sụp đổ của hệ thống Xô Viết và sự trỗi dậy của nền dân chủ và nền kinh tế thị trường. Thánh Gioan Phaolô II nhắc lại sứ điệp của Đức Piô XII rằng Giáo hội coi trọng nền dân chủ trong mức độ mà nó bảo đảm sự tham gia đầy hiệu quả của công dân, cho phép họ bầu cử và thay đổi các nhà lãnh đạo của họ một cách hòa bình, và ngăn chặn quyền lực bị độc chiếm bởi các nhóm ưu tú nhỏ được thúc đẩy bởi các lợi ích riêng hoặc có tính ý thức hệ. [40] Tương tự, Giáo hội chỉ công nhận tiềm năng tích cực của thị trường và sáng kiến tư nhân nếu chúng vẫn tuân theo luật luân lý và được hướng dẫn bởi nguyên tắc liên đới, mà không hy sinh những người dễ bị tổn thương nhất cho lý lẽ duy lợi nhuận. [41] Điều này bổ sung một di sản đặc biệt phù hợp với Học thuyết Xã hội của Giáo hội. Việc khẳng định mối nối kết giữa phẩm giá của lao động, sự liên đới giữa các dân tộc, sự đánh giá có phê bình về nền dân chủ và nền kinh

tế thị trường tiếp tục cung cấp các tiêu chí để đánh giá các hình thức mới của bóc lột, loại trừ và khủng hoảng trong môi trường chính trị.

40. Trong Thông điệp xã hội *Caritas in Veritate*, Đức giáo hoàng Bênêdictô XVI đã tìm cách đánh giá lại và mở rộng khái niệm phát triển được trình bày trong *Populorum Progressio*, diễn giải nó dưới ánh sáng của toàn cầu hóa. Ngài lưu ý rằng sự phát triển phải có nghĩa là “tăng trưởng thực sự, ích lợi cho mọi người và thực sự bền vững”. [42] Nghĩa là, tiến bộ kinh tế phải thực sự bao hàm hết mọi người và phải tôn trọng các giới hạn của việc sáng tạo. Tuy nhiên, ngài tái khẳng định rằng ở các nước giàu có, đang nổi lên những dạng nghèo mới cũng như các hình thức loại trừ chưa từng có, trong khi ở các khu vực nghèo hơn, các nhóm thiểu số nhỏ sống trong sự tiêu thụ thừa mứa bên cạnh những hoàn cảnh nghèo đói đến mất tính người. [43] Ngoài ra, ngài ghi nhận rằng hệ thống kinh tế và tài chính toàn cầu mới, được đánh dấu bằng sự di chuyển rộng lớn của vốn và phương tiện sản xuất, đã làm suy giảm quyền lực chính trị của các nhà nước, và suy giảm khả năng ảnh hưởng của họ đến các quá trình kinh tế. [44] Vì lý do này, Đức Bênêdictô XVI nhắc lại rằng hoạt động kinh tế không có khả năng giải quyết các vấn đề xã hội duy chỉ thông qua việc mở rộng tư duy thương mại, mà phải được định hướng nhằm tới công ích, điều mà cộng đồng chính trị phải gánh vác trách nhiệm không thể thay thế của mình. [45]

41. Đức Bênêdictô XVI đặt bác ái vào trung tâm phân tích của ngài, tuyên bố rằng nó “là cốt lõi của Học thuyết Xã hội của Giáo hội,” [46] với điều kiện là nó luôn được kết hợp với sự thật. Ngài cũng ghi nhận với mối lo ngại rằng có một xu hướng bác bỏ sự liên quan về mặt đạo đức trong chính các lĩnh vực xã hội, pháp luật, chính trị và kinh tế. Tính độc đáo trong đóng góp của ngài nằm ở chỗ chỉ ra rằng sự phát triển, công lý, các thể chế và thị trường không phải là những thực tại trung lập, mà là những không gian nơi mà bác-ái-trong-sự-thật phải tìm thấy sự thể hiện trong lịch sử. Giáo huấn này đặc biệt phù hợp ngày nay trong bối cảnh những bất bình đẳng đang gia tăng, những áp lực trong thị trường tài chính, sự khủng hoảng môi trường, và tình trạng thiếu niềm tin vào chính trị. Nó là lời mời gọi đánh giá mọi mô hình phát triển theo khả năng bao gồm và bền vững của nó, xây dựng lại mối tương quan giữa kinh tế và chính trị dựa trên công ích, và thừa nhận vai trò quan trọng và tạo sinh của bác ái trong đời sống công cộng.

42. Giáo huấn xã hội của Đức giáo hoàng Phanxicô phát triển theo hướng của *Gaudium et Spes*, mời gọi chúng ta nhìn lịch sử qua lăng kính của những niềm hy vọng và những sự mong manh của con người, và đưa chúng vào đối thoại với Tin Mừng. Cách tiếp cận này xuất hiện rõ ràng nhất trong *Evangelii Gaudium*, nơi ngài tuyên bố rằng lời rao giảng của Kitô giáo có một chiều kích xã hội nội tại, và kêu gọi một Giáo hội có khả năng lắng nghe tiếng kêu than của người nghèo, người di cư và nạn nhân của các hình thức nô lệ mới. Cũng phù hợp rất khớp với quan điểm này, đó là sự nhấn mạnh của Đức Phanxicô về một Giáo hội hiệp hành, một Giáo hội “cùng nhau bước đi”, tìm cách đọc các dấu chỉ của thời đại

dưới ánh sáng Tin Mừng và cho phép mình được Phúc Âm hóa bởi người nghèo, là những người mà Giáo hội cùng chia sẻ lịch sử với họ. [47]

43. Trong *Laudato Si'*, Đức Phanxicô đã cung ứng sự xử lý quan trọng và có tính hệ thống đầu tiên trong một Thông điệp xã hội đối với cuộc khủng hoảng môi trường, cho thấy rằng đó không phải là một vấn đề riêng lẻ, mà là khía cạnh sinh thái của cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội hiện nay. Đề xuất của ngài về một hệ sinh thái toàn diện đã kết hợp việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta với sự ưu tiên lựa chọn người nghèo, và khẳng định mạnh mẽ rằng “tiếng kêu than của trái đất và tiếng kêu than của người nghèo” [48] không thể tách rời. Trong cách nhìn này, mục đích phổ quát của của cải được đưa lên hàng đầu, cùng với sự phê phán kiểu thức kỹ trị vốn tìm cách giảm trừ mọi thứ thành một đối tượng để thống trị; sự bảo vệ lao động của con người đang bị đe dọa bởi tâm thức vứt bỏ; và nhu cầu về công lý giữa các thế hệ. Cuối cùng, ngài ủng hộ cuộc đối thoại chân thành giữa những người làm việc trong các lĩnh vực chính trị và tài chính, để không bên nào trở thành tự quy chiếu.

44. Đối mặt với sự đổ vỡ của cấu trúc xã hội, một “cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra từng phần”, sự toàn cầu hóa cá nhân chủ nghĩa, và tác động của đại dịch đối với các mối gắn kết cộng đồng, Đức Phanxicô, trong *Fratelli Tutti*, đã tìm cách khôi phục giấc mơ về một nhân loại lựa chọn tình thân hữu xã hội và tình huynh đệ phổ quát. Ngài đề xuất một nền văn hóa gặp gỡ, một “nền chính trị tốt hơn” với khả năng tìm kiếm công ích, những nẻo đường hòa giải, và một thế giới bảo đảm “đất đai, nhà ở và việc làm cho tất cả mọi người”. [49] Cuối cùng, trong *Dilexit Nos*, ngài đã chỉ ra rằng những công cuộc xã hội quan trọng này không thể tách rời khỏi mối tương quan cá vị với Chúa Kitô. Hướng về lời Chúa, ngài nhắc chúng ta rằng sự đáp trả chân thật nhất đối với tình yêu của Trái tim của Chúa Giêsu là tình yêu thương cụ thể dành cho anh chị em của chúng ta, và ngài khẳng định rằng “chúng ta phải đáp lại tình yêu bằng tình yêu, không có cách nào tốt hơn.” [50]

Giải thích lịch sử dưới ánh sáng đức tin

45. Khi xem xét tổng quan lịch sử này, ta thấy rõ ràng Học thuyết Xã hội của Giáo hội không phải là kết quả của một dự án được lập ra trên bàn giấy, mà đó là sản phẩm của một quá trình kiên nhẫn, trong đó mỗi vị giáo hoàng - cùng với Công đồng Vatican II - đã có một sự đóng góp độc đáo dưới ánh sáng của “những điều mới mẻ” của mỗi thời đại cụ thể. Đáp lại những thách đố của thời đại mình, mỗi vị đã giải thích những thay đổi lịch sử theo Phúc Âm, làm sáng tỏ những khía cạnh khác nhau của một di sản duy nhất: phẩm giá con người, giá trị của lao động, mục đích phổ quát của của cải, sự liên đới và nguyên tắc hỗ trợ, sự chăm sóc công trình tạo dựng, và tầm quan trọng cốt lõi của hòa bình và tình huynh đệ. Kết quả là một sự phát triển hài hòa, dù không phải lúc nào cũng theo con đường thẳng, được đánh dấu bằng những điểm nhấn khác nhau, những nhận thức tiếp tục tiến bộ, và đôi khi là những thay đổi trong quan điểm nhưng không đoạn tuyệt với những gì đến trước đó, mà cho phép những hàm ý của nó được chín

muối. Nếu ngày nay chúng ta có thể nói về một tập hợp các nguyên tắc và các tiêu chí chung, đó là bởi vì cách giải thích lịch sử dựa trên đức tin này chưa bao giờ bị gián đoạn, luôn luôn mở ra với những thách đố do mỗi thế hệ đặt ra. Giờ đây tôi muốn hướng sự chú ý của chúng ta đến những nguyên tắc lớn của Giáo huấn Xã hội, là điều hướng dẫn sự phân định của các tín hữu trong đời sống cá nhân và cộng đồng, để nắm hiểu một cách hiệu quả hơn sự nhất quán và khả năng của các nguyên tắc ấy trong việc hướng dẫn thời đại chúng ta.

CHƯƠNG HAI - CÁC NỀN TẢNG VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI

46. Giáo huấn Xã hội của Giáo hội là một thực tại sống động, trong đối thoại với lịch sử, với các nền văn hóa và các khoa học. Đồng thời, nó chứa đựng một tập hợp các chân lý bất biến. Vì lý do này, nó có thể được coi là một dạng thức khôn ngoan có khả năng hướng dẫn đời sống cá nhân và xã hội của các tín hữu ngay cả hôm nay. Trong chương thứ hai này, tôi muốn tập trung vào một số nền tảng và nguyên tắc của Giáo huấn Xã hội của Giáo hội sẽ giúp chúng ta hiểu được “những điều mới mẻ” của thời đại mình, đặc biệt là xét đến phẩm giá cố hữu của con người. Để bảo vệ con người trong thời đại trí tuệ nhân tạo, tôi tin rằng ngày nay chúng ta cần phải suy ngẫm lại về công ích, về mục đích phổ quát của của cải, về nguyên tắc bổ trợ, về sự liên đới và công bằng xã hội. Tôi tin chắc rằng mối tương quan hài hòa giữa các nguyên tắc này đòi hỏi chúng phải được xem xét một cách tổng thể, để làm rõ cách mà chúng liên hệ với nhau và bổ sung cho nhau.

47. Khi đưa ra những suy tư này, trước hết và trên hết, tôi hy vọng sẽ giúp các tín hữu giáo dân và những người thiện chí khám phá lại bản phận của mình trong việc thực hiện các nguyên tắc nêu trên trong cuộc sống hàng ngày, trong các mối tương quan gia đình, trong công việc và trong sự dấn thân xã hội. Như vậy, họ sẽ cho phép mình được thôi thúc bởi mục đích thể hiện tình yêu của Thiên Chúa trong những sự kiện cụ thể của cuộc sống. Đồng thời, tôi muốn khuyến khích các cơ sở giáo dục và các trường đại học đem lại động lực mới cho các nguyên tắc này, và áp dụng chúng một cách phù hợp và hiệu quả trong việc giải quyết cuộc cách mạng kỹ thuật số. Bằng cách này, việc nghiên cứu thần học và triết học sẽ có thể tiếp tục khám phá và hỗ trợ cho hành trình mục vụ của Giáo hội, và góp phần vào nhiệm vụ của Huấn quyền trong việc soi sáng lương tâm của các tín hữu và hướng dẫn các nỗ lực của họ để làm cho đời sống xã hội chúng ta trở nên công bằng và huynh đệ hơn.

Các nền tảng của Học thuyết Xã hội

Con người: hình ảnh của Thiên Chúa Ba Ngôi

48. Học thuyết Xã hội của Giáo hội đưa chúng ta đến tận cốt lõi của đức tin: mẫu nhiệm Thiên Chúa hằng sống như được mặc khải trong Chúa Giêsu Kitô, là sự hiệp thông của các Ngôi vị - Cha, Con

và Thánh Thần - là chính tình yêu trong tương quan, được diễn tả trong sự trao hiến chính mình cho nhau và trong chia sẻ với thế giới. [51] Như Công đồng đã nhắc lại, con người được mời gọi hiệp thông với Thiên Chúa và “chỉ có thể khám phá trọn vẹn chính mình cách đích thực trong sự chân thành tự hiến”. [52] Thật vậy, ơn gọi sâu xa nhất của con người là đi vào năng động tình yêu Ba Ngôi được đón nhận và chia sẻ.

49. Nếu mầu nhiệm Thiên-Chúa-là-Tình-Yêu là nguồn mạch của Học thuyết Xã hội, thì chúng ta thấy biểu hiện cụ thể nhất của nó nơi khuôn mặt của Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể. Qua việc trở thành con người, Con Thiên Chúa bước vào lịch sử của chúng ta và mang lấy xác thịt con người, mang theo tình yêu kết hợp Người với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Trong Người, “mầu nhiệm nhân tính trở nên thực sự sáng tỏ” [53] bởi vì nhân tính của Người hoàn toàn tự do, mở ra với tha nhân, có khả năng xây dựng những mối tương quan lành mạnh tốt đẹp, và hết lòng hiến mình cách trọn vẹn. Những ai tin vào Người sẽ dẫn thân vào công cuộc đổi mới vĩ đại bắt đầu với mầu nhiệm khổ nạn, cái chết và sự phục sinh của Người, và họ cộng tác trong việc xây dựng Nước Thiên Chúa, học cách đón nhận mọi con người nam nữ như anh chị em, là con cái của một Cha. Bằng cách này, cả việc rao giảng Tin Mừng lẫn đời sống Kitô giáo, được hướng dẫn bởi hành động của Chúa Thánh Thần, đều nhằm mang lại những hệ quả xã hội trên thế giới. [54]

50. Ở cốt lõi của nhận thức Kitô giáo về con người là sự khẳng định nổi tiếng của Kinh Thánh rằng con người nam và nữ được tạo dựng theo hình ảnh và giống như (x. St 1,26-27) Thiên Chúa Ba Ngôi. Được tạo dựng để tương quan, mỗi con người đều được Thiên Chúa hoạch định và muốn đưa vào mối hiệp thông với Ngài, với người khác và với tạo vật. Phẩm giá con người không phụ thuộc vào khả năng, của cải hay địa vị trong cuộc sống của họ, cũng không phụ thuộc vào những lựa chọn đúng hay sai; thay vào đó, nó là một quà tặng có trước và siêu vượt trên mỗi người, được Thiên Chúa ban cho như biểu hiện của tình yêu bất tuyệt của Ngài. Vì lý do này, con người luôn luôn là “con đường cho Giáo hội” [55] và là trái tim của mọi nẻo đường phát triển nhân bản toàn diện đích thực. [56]

Phẩm giá bình đẳng của tất cả mọi người

51. Thánh Gioan Phaolô II tuyên bố rằng “cảm thức được nâng cao này về nhân phẩm và về tính độc đáo của nhân vị, cũng như về sự tôn trọng dành cho hành trình lương tâm, chắc chắn tiêu biểu cho một trong những thành tựu tích cực của nền văn hóa hiện đại.” [57] Tuyên bố này tiếp nối đường lối đã được Công đồng Vatican II nêu ra khi ghi nhận sự nhìn nhận ngày càng tăng đối với phẩm giá cao cả của mọi con người, tính ưu việt của họ so với vật chất, cũng như các quyền và nghĩa vụ phổ quát và bất khả xâm phạm của họ. [58] Thật quan trọng phải bảo đảm rằng sự tiến triển này trong niềm trân trọng phẩm giá con người không bị làm lu mờ bởi áp lực của các ý thức hệ mới hay các lợi ích rất quyền lực trong thế giới hôm nay. Trong số những ý thức hệ này, tôi cho rằng đặc biệt nguy hiểm là ý thức hệ cho rằng

mỗi người phải kiếm được hoặc chứng minh danh giá của bản thân, đến mức gán giá trị lớn hơn cho những người có hiệu năng và hiệu quả nhiều hơn. Từ quan điểm này, con người cuối cùng bị giảm trừ chỉ còn là một phương tiện để đạt được các kết quả, một nguồn lực để sử dụng và bóc lột, và không còn được nhìn nhận là một cứu cánh tự thân đúng đắn, không bao giờ cho phép ai lợi dụng. Tuy nhiên, giá trị của con người không phụ thuộc vào những gì họ đạt được hoặc sản xuất. Có những quyền áp dụng cho mọi người chỉ đơn giản bởi vì họ là con người, và không một quyền lực nào của con người có thể hợp pháp phủ nhận chúng hay tùy tiện hạn chế chúng. [59]

52. Khi chúng ta nói về phẩm giá, không phải lúc nào chúng ta cũng dùng từ này theo cùng một cách. Đôi khi chúng ta đề cập đến phẩm giá đạo đức, cụ thể là cách một người định hướng các lựa chọn và hành động của mình. Lúc khác, chúng ta nghĩ đến phẩm giá xã hội, đề cập đến điều kiện sống của một người và sự tôn trọng cụ thể mà xã hội dành cho người đó. Trong những trường hợp khác, chúng ta đề cập đến phẩm giá hiện sinh, nghĩa là cách một người nhận thức về giá trị của bản thân và giá trị của cuộc sống. Những khía cạnh này của phẩm giá có thể được bồi đắp hoặc bị suy giảm. Ngoài những khái niệm này, còn có một cấp độ quan trọng và thâm sâu hơn, đó là phẩm giá theo hữu thể. Đây là phẩm giá thuộc về mỗi con người chỉ đơn giản do sự tồn tại, do được Thiên Chúa muốn, tạo nên và yêu thương. [60] Không tội lỗi, thất bại, sự sỉ nhục hay loại trừ nào có thể làm giảm giá trị sâu xa của một sự sống con người mà Chúa đã muốn và kêu gọi vào hiện hữu. [61]

53. Do đó, phẩm giá nền tảng của mỗi người không phải là cái gì đạt được hay kiếm được, cũng không cần phải được biện minh. Tuyên ngôn Dignitas Infinita gần đây đưa ra một tổng lược tư tưởng của Giáo hội về chủ đề này: “Mỗi con người đều sở hữu một phẩm giá vô hạn, được đặt nền một cách bất khả nhượng trong chính hữu thể của họ, tồn tại trong và vượt trên mọi hoàn cảnh, tình trạng hay tình huống mà người đó có thể gặp phải” [62] - nói cách khác, luôn luôn như thế và không có ngoại lệ. Phẩm giá của mỗi con người có thể được mô tả là vô hạn, như thánh Gioan Phaolô II đã tuyên bố, [63] vì hai lý do: thứ nhất, bởi vì tình yêu của Thiên Chúa, Đấng kêu gọi chúng ta làm bạn với Ngài, là vô hạn; và thứ hai, tình yêu của Ngài là hoàn toàn vô điều kiện, theo nghĩa rằng ngay cả khi chúng ta tìm kiếm đến không cùng, chúng ta cũng sẽ không bao giờ tìm thấy bất cứ điều gì có thể xóa bỏ hay phủ nhận nó.

Giá trị tối thượng của nhân quyền

54. Với lòng biết ơn, Giáo hội thừa nhận rằng “phong trào hướng tới việc xác định và công bố các quyền con người là một trong những nỗ lực có ý nghĩa nhất để đáp ứng hiệu quả những đòi hỏi tất yếu của phẩm giá con người.” [64] Về điều này, thánh Gioan Phaolô II đã tuyên bố rằng Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền, được Liên Hiệp Quốc công bố vào ngày 10 tháng 12 năm 1948, vẫn là một trong những diễn đạt cao nhất của lương tâm con người trong thời đại chúng ta. [65] Đó là “một cột mốc trên con đường dài và khó khăn của nhân loại.” [66] Vì lý do này, từ quan điểm Kitô giáo, nhân quyền không

phải là một sự bổ sung bên ngoài cho con người, mà là một biểu hiện của phẩm giá nội tại, mà cộng đồng quốc tế được kêu gọi bảo vệ và thăng tiến.

55. Nhân quyền là bất khả xâm phạm, vì chúng “vốn có nơi nhân vị và nhân phẩm.” [67] Vì thế, chúng là phổ quát và bất khả chuyển nhượng. [68] Chính vì chúng được đặt nền trên phẩm giá chung của mọi con người nam nữ, nên chúng có những hệ quả thực tiễn và những hiệu ứng pháp lý, bởi vì “sẽ là vô ích nếu tuyên bố nhân quyền mà đồng thời không làm gì để bảo đảm bền vững tôn trọng chúng, sự tôn trọng của tất cả mọi người, ở mọi nơi và cho mọi người.” [69] Trong số những quyền này, quyền đầu tiên là quyền sống, từ khi thụ thai đến khi kết thúc tự nhiên, [70] nếu không có quyền này thì không thể thực thi bất kỳ quyền nào khác. Khi quyền nền tảng này bị phủ nhận - như trong các trường hợp cố ý phá thai, giết người vô tội và an tử - chúng ta đứng trước những lựa chọn mà Giáo hội coi là sai trái nghiêm trọng. [71]

56. Nhìn vào thời của chúng ta, ta không thể bỏ qua thực tế rằng việc bảo vệ nhân quyền đã phải đối mặt với hai mối nguy hiểm đặc biệt nghiêm trọng. Thứ nhất, những quyền này được tuyên bố theo nghĩa thuần túy hình thức, trong khi tiến bộ công nghệ vẫn tiếp diễn song song với những vi phạm ngầm hoặc công khai đối với phẩm giá con người. Thứ hai, thực ra là gốc rễ của mối nguy hiểm thứ nhất, đó là sự thiếu khả năng nhận ra nền tảng tính phổ quát của chúng, vì chúng ta đã từ bỏ “việc tìm kiếm những nền tảng vững chắc chống đỡ các quyết định và luật pháp của chúng ta”. [72] Đức giáo hoàng Phanxicô khẩn thiết kêu gọi chúng ta không nên xem thường vấn đề này. Ngài chỉ ra rằng khi lý trí nghiêm túc xem xét bản tính con người, nó có khả năng khám phá ra những giá trị áp dụng cho hết mọi người, vì những giá trị này rút ra từ bản tính của con người. Nếu nhiệm vụ tìm kiếm này bị bỏ, có thể hình dung rằng những quyền được coi là bất khả xâm phạm hôm nay, trong tương lai sẽ bị những người nắm quyền chất vấn hoặc phủ nhận, có lẽ sau khi đạt được chỉ một sự đồng thuận biểu kiến từ những người dân bị hoảng sợ hoặc bị thao túng. [73]

57. Cùng với ý thức cao hơn về giá trị của mỗi con người và các quyền của họ, sự nhìn nhận quyền của các nhóm thiểu số cũng tăng lên. Tuy nhiên, vẫn còn một quãng đường dài phải đi để bảo đảm rằng quyền của rất nhiều người phụ nữ được bảo đảm một cách bình đẳng và thực sự trên toàn thế giới. Thực tế là “có những phụ nữ nghèo gấp đôi khi phải chịu đựng những tình cảnh bị loại trừ, ngược đãi và bạo lực, vì họ thường ít có khả năng bảo vệ các quyền của mình.” [74] Do đó, việc chỉ đơn giản tuyên bố rằng nam và nữ bình đẳng về quyền và phẩm giá là chưa đủ; cần phải phản ánh điều này trong các quyết định cụ thể, chẳng hạn như trong luật pháp, trong sự tiếp cận việc làm, trong giáo dục, trong các trách nhiệm xã hội và chính trị, và trong cách xã hội lắng nghe và trân trọng những đóng góp của phụ nữ. Chừng nào khoảng cách này còn tồn tại, chúng ta không thể nói xã hội nhìn nhận thực sự và đầy đủ rằng phụ nữ có cùng phẩm giá như nam giới.

58. Điều quan trọng là các cá nhân, từng người và mọi người, cùng với gia đình của họ. Các phong trào xã hội, các ý thức hệ tập thể, và những tuyên bố chính trị to tát ủng hộ một cộng đồng dân chúng đều vô giá trị nếu chúng không dẫn đến sự phát triển của những con người - nam và nữ - với những quyền bất khả nhượng của họ. Tương tự, sẽ không đủ việc chúng ta hô hào tự do cá nhân hay doanh nghiệp tư nhân nếu sau đó chúng ta để cho vô số người tiếp tục sống mà không có việc làm xứng đáng, không có sự bảo vệ hay sự tiếp cận những nhu cầu cơ bản.

Các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội

Nguyên tắc về công ích

59. Mỗi người nam nữ đều sở hữu một phẩm giá bất khả nhượng, cùng với những quyền mà không một thế lực con người nào có thể phản bội hay vô hiệu hóa, sự nhận nhận này đòi hỏi chúng ta phải định hình cách chúng ta sống cùng nhau, bao gồm các lựa chọn kinh tế và chính trị của chúng ta, và việc xây dựng các thành phố của chúng ta. Từ đó nảy sinh nguyên tắc chính đầu tiên của Học thuyết Xã hội mà tôi muốn nhấn mạnh: công ích. Chúng ta có thể mô tả nó như là sự thể hiện xã hội của phẩm giá được công nhận nơi mỗi con người. Khi Đức Bênêdictô XVI đề cập đến các giá trị không thể thương lượng mà Giáo hội phải luôn bảo vệ, ngài đã bao gồm trong đó “việc thúc đẩy công ích”. [75] Đối với một Kitô hữu, việc vượt ra khỏi những giới hạn hẹp hòi của lợi ích cá nhân và dân thân, trong phạm vi khả năng của mình, phục vụ công ích, đó là một giá trị không thể thương lượng, cũng như chính việc thăng tiến sự sống.

60. Công đồng Vatican II khẳng định rằng công ích bao gồm “tổng thể các điều kiện xã hội cho phép người ta, trong tư cách là những nhóm hay những cá nhân, đạt được sự viên mãn của mình một cách trọn vẹn và dễ dàng hơn”. [76] Định nghĩa này cung cấp cho chúng ta một điểm tham chiếu khởi đầu rất giá trị, bởi vì công ích không thể bị thu hẹp thành chỉ một danh sách các điều kiện hay các cơ chế. Nó không phải là tổng thể các lợi ích cá nhân, cũng không phải là sự đồng qui của các lợi ích cụ thể của họ; đó là một thiện ích lớn hơn thuộc về tất cả mọi người, và nó chỉ có thể đạt được, nuôi dưỡng và bảo vệ bằng những nỗ lực tập thể của chúng ta. Chúng ta có thể nói rằng hành động xã hội đạt đến sự viên mãn khi nó được điều hướng nhắm tới thiện ích chung này, cũng như hành động đạo đức của một người tìm thấy sự viên mãn trong việc lựa chọn điều thiện đích thực. [77]

61. Theo nghĩa này, chúng ta có thể nói rằng toàn thể “lớn hơn tổng các phần của nó” [78] và chính vì lý do này, “duy chỉ tổng số các lợi ích cá nhân thì không có khả năng tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn cho toàn thể gia đình nhân loại.” [79] Quả vậy, thật là một ảo tưởng khi nghĩ rằng chỉ cần theo đuổi sự tiến bộ của bản thân - mà không cần quan tâm đến người khác - là đủ để đóng góp vào thiện ích của mọi người. Quan điểm này bỏ qua giá trị cố hữu và đặc thù của công ích, vốn là kết quả của một “sự phụ thuộc lẫn nhau” [80] tạo ra một mạng lưới lợi ích xã hội mở rộng và tác động đến mọi người. Công ích

là một “thặng dư”, kết quả của sự tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau kết nối các hành động, sáng kiến, nỗ lực và quyết định khác nhau. Nếu chúng ta cộng các lợi ích cá nhân lại với nhau, chúng ta không thể giải thích sự tồn tại của “thặng dư” này, thứ siêu vượt trên chúng và đồng thời làm giàu cho chúng.

62. Chính việc theo đuổi công ích mang lại sức sống cho một dân tộc, được hiểu không chỉ đơn thuần là một tập hợp các cá nhân, mà là một thực tại sống động trong đó mọi người học cách nhìn nhận rằng họ được nối kết với nhau và cùng nhau trách nhiệm cho các việc chung (res publica). Theo nghĩa này, mọi người đóng góp vào việc xây dựng dân tộc mình thông qua “một nỗ lực từ từ và cam go đòi hỏi phải có một khát vọng hội nhập và sẵn sàng đạt được điều này thông qua sự phát triển của một nền văn hóa gặp gỡ hòa bình và đa diện.” [81] Làm việc cùng nhau vì công ích có nghĩa là có một tầm nhìn chung. Thật rõ là có nhiều sự khác biệt về thực tiễn và về ý thức hệ giữa người ta, cũng như những lợi ích khác biệt nhau và những bất đồng thường xuyên, nhưng điều đó không có nghĩa là không thể đi vào đối thoại để thiết lập một tập hợp các thỏa thuận cơ bản cho phép tạo ra một tầm nhìn chung, nhờ đó mọi người có thể cùng nhau tiến tới.

63. Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm sự gắn kết, sự thống nhất và sự tổ chức đúng đắn xã hội dân sự, để công ích có thể được theo đuổi với sự đóng góp của mọi người. Về mặt thực tiễn, điều này có nghĩa là các cơ quan công quyền có nhiệm vụ tế nhị là “hài hòa các lợi ích cục bộ khác nhau với các yêu cầu của công lý,” [82] tìm kiếm sự cân bằng giữa lợi ích cá nhân và công ích, mà không bỏ lại những người dễ bị tổn thương nhất. Khi chính trị từ bỏ tầm nhìn dài hạn và tự thu hẹp lại thành những tính toán ngắn hạn hay những sự phân cực vô ích, thì ngôn ngữ về công ích sẽ mất đi uy tín, đồng thời, bất bình đẳng và chia rẽ xã hội sẽ gia tăng.

64. Điều này cũng áp dụng cho chính trị quốc tế. Khi khoảng cách giữa các quốc gia giãn rộng, một tâm thức đối đầu và gây hấn bắt đầu hình thành, và con đường khó khăn hướng tới một thế giới đoàn kết và huynh đệ hơn phải chịu những lực cản mới và đau đớn. Trong bối cảnh này, việc nói về một hành trình chung hướng tới sự phát triển công bằng hơn cho toàn thể nhân loại “nghe có vẻ điên rồ.” [83] Tuy nhiên, chúng ta không được mất hy vọng. Tôi mời mọi người cùng suy nghĩ về các cách thức hợp tác và các cơ chế quốc tế hiệu quả hơn, có khả năng bảo vệ công ích toàn cầu mà không làm tổn hại đến sự đa dạng hợp pháp của các dân tộc và quốc gia. Thật vậy, việc thúc đẩy công ích không bao giờ có thể tách rời khỏi sự tôn trọng quyền tồn tại của các dân tộc, quyền bảo tồn bản sắc riêng và quyền đóng góp những phẩm chất độc đáo của họ cho cộng đồng các quốc gia. [84] Hơn nữa, bất kỳ toan tính hay kế hoạch nào nhằm xóa bỏ hoặc áp chế một quốc gia đều là vô đạo đức trầm trọng và do đó không thể chấp nhận được.

Nguyên tắc về mục đích phổ quát của của cải

65. “Trong số nhiều hàm ý của công ích, thì ý nghĩa trước hết chính là nguyên tắc về mục đích phổ quát của của cải.” [85] Trước hết, nguyên tắc này nhắc chúng ta rằng của cải của trái đất - đất, nước,

không khí và các tài nguyên thiên nhiên - được Thiên Chúa ban cho toàn thể gia đình nhân loại để duy trì sự sống của tất cả mọi người, và mỗi người đều có quyền của mình đối với việc sử dụng những của cải đó, cả trong hiện tại và tương lai. Thánh Gioan Phaolô II nhắc lại rằng “Thiên Chúa đã ban trái đất cho toàn thể nhân loại để nuôi sống tất cả các thành viên của nó, không loại trừ hay biệt đãi bất cứ ai.” [86] Vì thế, “sẽ không phù hợp với kế hoạch của Thiên Chúa nếu sử dụng món quà này theo cách mà lợi ích của nó chỉ đổ dồn cho một số ít người được chọn.” [87] Ngày nay, chúng ta được kêu gọi nhìn nhận rằng mục đích phổ quát này không chỉ áp dụng cho của cải vật chất, mà còn cho của cải có tính phi vật chất và văn hóa.

66. Chắc chắn có một quyền tư hữu, với ý nghĩa và mục đích chuyên biệt của nó, nhưng nó luôn luôn phụ thuộc vào mục đích phổ quát của của cải. Theo Đức giáo hoàng Gioan Phaolô II, sự phụ thuộc này là quy tắc vàng của hành vi xã hội và là “nguyên tắc đầu tiên của toàn bộ trật tự đạo đức và xã hội.” [88] Trong truyền thống của Giáo hội, tài sản được coi là một phương tiện để bảo vệ và quản lý của cải sao cho chúng có thể phục vụ tốt hơn cho công ích. Vì “truyền thống Kitô giáo chưa bao giờ công nhận quyền tư hữu là tuyệt đối hoặc bất khả xâm phạm,” [89] chức năng xã hội của nó không được coi là một quan điểm thần học đơn thuần, mà là một giáo lý của Giáo hội, đã có trong Kinh Thánh và trong các văn liệu của các Giáo phụ. Vì lý do này, Đức giáo hoàng Phanxicô nhắc chúng ta rằng sự liên đới, khi được thực thi trọn vẹn nhất, cũng có nghĩa là “trả lại cho người nghèo những gì thuộc về họ”. [90]

67. Ngày nay, trong số những của cải được dành cho tất cả mọi người, chúng ta cũng phải bao gồm các dạng tài sản mới, chẳng hạn như bằng sáng chế, thuật toán, nền tảng kỹ thuật số, cơ sở hạ tầng công nghệ và dữ liệu. Trong bối cảnh mà sự giàu có của các quốc gia ngày càng phụ thuộc vào tri thức và công nghệ, khi những của cải này vẫn tập trung trong tay một số ít người, mà không có các hình thức chia sẻ và tiếp cận phù hợp, một sự mất cân bằng mới được tạo ra, trái ngược với mục đích phổ quát của của cải. Đến lượt nó, điều này làm gia tăng khoảng cách giữa những người được bao gồm và những người bị loại trừ, giữa những người có thể tham gia vào cuộc cách mạng kỹ thuật số và những người vẫn ở bên lề. Hơn nữa, việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta và trách nhiệm của chúng ta đối với người nghèo và các thế hệ tương lai đòi hỏi rằng việc sử dụng các của cải của công trình tạo dựng và những khả năng mới do công nghệ mang lại phải được điều chỉnh theo cách tôn trọng môi trường, tránh lãng phí và ngăn chặn các hình thức bóc lột mới.

Nguyên tắc hỗ trợ

68. Nguyên tắc hỗ trợ cũng xuất phát từ chính nhận thức về con người đã hướng dẫn suy nghĩ của chúng ta về phẩm giá và về công ích. Nếu mọi con người nam nữ đều được kêu gọi làm chủ cuộc sống của chính mình và đóng góp vào việc hình thành xã hội, thì các cơ chế xã hội cũng phải tôn trọng và hỗ trợ cho trách nhiệm này. Học thuyết Xã hội của Giáo hội đề cập đến nguyên tắc hỗ trợ như là nguyên tắc

theo đó vai trò của các cá nhân, các gia đình, các cộng đồng địa phương và các tổ chức trung gian không nên bị thay thế bởi các thẩm quyền cấp cao hơn. Hơn nữa, các cơ chế cấp cao hơn phải nhìn nhận, bảo vệ và thúc đẩy sự tự do và sự sáng tạo của các thực thể cấp thấp hơn, phối hợp các đóng góp của họ để họ có thể hợp tác một cách hữu hiệu vì công ích. [91]

69. Bắt đầu từ Đức Lê-ô XIII và những khởi đầu của giáo huấn xã hội hiện đại, Giáo hội đã nhấn mạnh rằng cả cá nhân lẫn gia đình không nên bị Nhà nước thôn tính, mà nên được phép hành động tự do, trong chừng mực có thể, mà không phương hại đến công ích. [92] Thánh Gioan Phaolô II đã tiếp nhận và phát triển quan điểm này, lưu ý rằng cộng đồng chính trị phục vụ xã hội dân sự và rằng Nhà nước phải bảo vệ công ích, can thiệp khi cần thiết, nhưng không thay thế vĩnh viễn trách nhiệm của các tổ chức trung gian và các cơ chế xã hội. [93] Nguyên tắc bổ trợ không biện minh cho việc Nhà nước can thiệp, mà đúng hơn là hướng dẫn hành động của Nhà nước. Thật vậy, sự can thiệp của nhà nước là cần thiết nhằm cho phép tất cả các chủ thể xã hội hoàn thành sứ mạng của mình mà không bị kìm hãm. Cộng đồng chính trị có trách nhiệm tạo điều kiện cho phép các cá nhân, gia đình, hiệp hội và các tổ chức trung gian chu toàn sứ mạng của mình trong xã hội, mà không bị thay thế hoặc bị chế giảm xuống thành những người hỗ trợ đơn thuần. [94]

70. Nguyên tắc này khuyến khích chúng ta vượt ra ngoài mọi hình thức quản lý đời sống xã hội mang tính gia trưởng hoặc dựa trên phúc lợi, mà thay vào đó thúc đẩy một nền văn hóa chia sẻ trách nhiệm trong một Nhà nước coi trọng sáng kiến của công dân, và một xã hội dân sự có khả năng tạo lập những mối liên kết và huy động các năng lực để phục vụ công ích. Theo nguyên tắc bổ trợ, các quyết định được đưa ra ở cấp độ gần nhất có thể với những người liên quan, nhờ đó củng cố đời sống cộng đồng và tránh cho người ta việc phải nhận những quyết định như chuyện đã rồi. Bằng cách này, người dân có thể tham gia vào tiến trình ra quyết định. Khi các gia đình, các hiệp hội, các cộng đồng địa phương, các tổ chức tình nguyện và những người được gọi là thuộc “khu vực thứ ba” được công nhận và được hỗ trợ, đời sống xã hội trở nên dễ tiếp cận hơn với mọi người, các dịch vụ trở nên phù hợp với nhu cầu thực tế hơn, và các giải pháp trở nên sáng tạo và tôn trọng phẩm giá của mỗi người hơn. [95]

71. Nguyên tắc bổ trợ đặc biệt áp dụng trong bối cảnh cuộc cách mạng kỹ thuật số. Ở đây, cấp cao nhất không phải là Nhà nước, mà là các tác nhân kinh tế và công nghệ chủ chốt thực thi quyền lực thực tế (*de facto*) đối với các điều kiện của cuộc sống hàng ngày. Cấp độ này, độc quyền về chuyên môn, dữ liệu và quyền ra quyết định, bao gồm các công ty và các nền tảng nắm giữ việc xác định các điều kiện truy cập, các quy tắc hiển thị, các hình thức tương tác, và thậm chí cả các cơ hội kinh tế. Nguyên tắc bổ trợ yêu cầu các quy trình như vậy không được áp đặt từ trên xuống một cách mờ ám và đơn phương, mà thay vào đó phải hướng tới công ích với sự minh bạch, trách nhiệm giải trình và các hình thức tham gia có ý nghĩa (bao gồm những sự kiểm tra độc lập, sự minh bạch liên quan đến các thuật toán, quyền truy cập công bằng vào dữ liệu và các con đường khiếu nại). [96]

72. Trong bối cảnh này, các nhà nước và các tổ chức xuyên quốc gia được kêu gọi bảo đảm các quy tắc công bằng và các biện pháp bảo vệ hiệu quả, để các cộng đồng địa phương, các tổ chức trung gian, các trường học, đại học, các tổ chức và hiệp hội tôn giáo có tiếng nói và có thể đóng góp vào việc phân định các lựa chọn ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của người dân, chẳng hạn như công việc làm, sự tiếp cận các dịch vụ, sự quản lý dữ liệu và môi trường kỹ thuật số. Khi nói đến các quyết định liên quan đến dòng chảy kinh tế và các nền tảng kỹ thuật số, cũng như sự quản trị dữ liệu và các thuật toán, chúng ta không thể cho phép một số ít các tác nhân tự ý quyết định các quy trình này; thay vào đó, chúng ta phải xây dựng các hình thức hợp tác biết tôn trọng các cấp độ khác nhau của cộng đồng toàn cầu và làm cho họ cùng chịu trách nhiệm về công ích. [97]

Nguyên tắc liên đới

73. Sau khi xem xét về công ích và nguyên tắc hỗ trợ, tôi muốn suy ngẫm về nguyên tắc liên đới. Nguyên tắc này xuất phát từ một tầm nhìn về con người nảy sinh từ đức tin, đó là mỗi con người được tạo ra theo hình ảnh Thiên Chúa và là thành phần của một mạng lưới tương quan ràng buộc họ với những người khác, với các cộng đồng cụ thể và với công trình tạo dựng. Thánh Phaolô VI ghi nhận rằng các nghĩa vụ liên đới, công bằng và bác ái bắt nguồn từ các mối liên kết huynh đệ nhân bản và siêu nhiên gắn kết các cá nhân và các cộng đồng. [98] Tình huynh đệ không chỉ là khát vọng của các tín hữu, mà còn là một thực tế xã hội và chính trị được thể hiện trong các lựa chọn và các công cuộc chung. Vì thế, liên đới là sự nhìn nhận cụ thể rằng tương lai của mỗi cá nhân nối kết với tương lai của tất cả; quả thực, “không ai được cứu một mình”. [99] Mối gắn kết chặt chẽ giữa nguyên tắc hỗ trợ và liên đới vì thế trở nên rất rõ ràng. Khi nguyên tắc hỗ trợ không được nối kết với liên đới, nó cuối cùng trở thành chỉ là sự bảo vệ các lợi ích riêng biệt; khi liên đới không được hỗ trợ bởi nguyên tắc hỗ trợ, nó suy thoái thành một hình thức phúc lợi không thúc đẩy trách nhiệm. [100] Mối nối kết tương liên này cũng liên quan đến trách nhiệm tham gia đích thực. Liên đới được thể hiện khi mỗi người, cả cá nhân và tập thể, tham gia vào đời sống cộng đồng - bằng cách được cập nhật thông tin, liên can với người khác, lên tiếng và đóng góp vào các quyết định và các lựa chọn công cộng - đồng thời cũng đảm nhận trách nhiệm thực sự để đạt được công ích thông qua việc ra quyết định cùng với nhau.

74. Ở nhiều vùng, chúng ta đang kinh nghiệm một loại “liên đới trên thực tế”, vì cuộc sống của chúng ta đan kết với nhau; những mạng lưới kỹ thuật số kết nối mọi người và các cộng đồng trên khắp thế giới trong thời gian thực, và các nền kinh tế và truyền thông toàn cầu, có nghĩa là các sự kiện ở một nơi có một tác động vượn rất xa. Tuy nhiên, mạng lưới tương quan này chỉ cấu thành sự liên đới theo ý nghĩa đầy đủ nhất khi nó trở thành một lựa chọn có ý thức. Đức tin mời gọi chúng ta nhìn thực tế này như một lời kêu gọi: chúng ta không chỉ là hàng xóm của nhau, mà còn được giao phó cho nhau, để mỗi người trong chúng ta có thể chịu trách nhiệm, nhiều nhất có thể, đối với cuộc sống và những thương tích

của anh chị em mình. Sự liên đới nảy sinh chính khi chúng ta quyết định không dừng đứng với những gì xảy ra với người xung quanh mình, mà thay vào đó chuyển hóa những mối ràng buộc không tránh được – như kinh tế, văn hóa và công nghệ - thành những con đường chia sẻ, hợp tác và chăm sóc lẫn nhau, trong tinh thần “suy nghĩ và hành động vì cộng đồng”. [101]

75. Giáo huấn xã hội của Giáo hội nhấn mạnh rằng sự liên đới vừa là một nguyên tắc vừa là một nhân đức. Là một nguyên tắc, nó biểu đạt trật tự khách quan của các mối tương quan giữa các cá nhân, các nhóm và các dân tộc, hướng đến ý thức về sự phụ thuộc lẫn nhau, trong đó thiện ích của mỗi người phụ thuộc vào thiện ích của những người khác. Là một nhân đức, nó đòi hỏi một “quyết tâm vững chắc và kiên trì” [102] để phấn đấu cho công ích, đặc biệt chú ý đến những người cần giúp đỡ nhất. Đức giáo hoàng Phanxicô ghi nhận rằng liên đới là “một cách làm nên lịch sử” [103] kiến tạo các cộng đồng chứ không chỉ là những đám đông các cá nhân. Vì lý do này, nó đòi hỏi một lối sống khiêm tốn và chia sẻ, khả năng từ bỏ lợi ích trước mắt để tạo cơ hội cho những người khác trong tương lai, và sẵn sàng thách thức những thói quen và những đặc quyền - bao gồm cả những thói quen và đặc quyền liên quan đến tiêu dùng kỹ thuật số và sử dụng công nghệ - khi chúng không cho phép người ta sống đúng phẩm giá.

76. Trong một thế giới được đánh dấu bởi sự kết nối ngày càng chặt chẽ giữa con người, các cộng đồng và các quốc gia, sự liên đới cũng mang một chiều kích toàn cầu. Đức Bênêđictô XVI đã rất nhấn mạnh mối gắn kết giữa phát triển, công lý và trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai, ngài tuyên bố rằng sự phát triển đích thực đòi hỏi sự liên đới và công bằng giữa các thế hệ, [104] cũng như đòi hỏi sự ý thức về những mối ràng buộc gắn kết chúng ta với môi trường tự nhiên. Ngày nay, trách nhiệm này cũng mở rộng đến hạ tầng kỹ thuật số và thông tin. Giống như môi trường tự nhiên, “hệ sinh thái kỹ thuật số” có thể được bảo tồn hay được khai thác, chia sẻ hoặc độc chiếm. Sự liên đới đòi hỏi rằng các quyết định liên quan đến các dữ liệu, các thuật toán, các nền tảng và trí tuệ nhân tạo phải tính đến không chỉ lợi ích trước mắt cho một số ít người, mà còn tính đến cả tác động trên mọi dân tộc và các thế hệ tương lai.

Nguyên tắc công bằng xã hội

77. Đối với cộng đồng Kitô giáo, công bằng xã hội là một cách cụ thể để đi theo Chúa Giêsu và trung thành với Tin Mừng. Trong Tân Ước, Chúa Giêsu loan báo “tin mừng cho người nghèo” (Lc 4,18) và đồng hóa mình với những người thấp hèn, người bệnh, người bị giam cầm và người khách lạ (x. Mt 25,31-46). Do đó, Người dạy chúng ta rằng công lý được sinh ra và được hoàn thành trong tình huynh đệ, bởi vì cách chúng ta tiếp cận và liên hệ với những người bé mọn nhất giữa chúng ta sẽ trở thành thước đo cụ thể mối tương quan của chúng ta với Thiên Chúa và với anh chị em mình. Tuy nhiên, công lý không chỉ liên quan đến hành vi của các cá nhân, mà còn liên quan đến cách thức mà các cơ cấu xã hội được hình dung và được tổ chức. Về phương diện này, Công đồng Vatican II nhắc chúng ta rằng mọi thiết chế đều được kêu gọi phục vụ nhân vị và nhân phẩm. [105] Do đó, công bằng xã hội được đặc trưng bởi khả

năng của một trật tự xã hội, kinh tế và chính trị cho phép mọi người - đặc biệt là những người yếu thế nhất - sống một cuộc sống thực sự có phẩm giá, mà không bỏ lại ai phía sau.

78. Huân quyền gần đây đã nhấn mạnh rằng công bằng xã hội bắt đầu với những người thấp kém nhất giữa chúng ta. Thánh Gioan Phaolô II nói về một sự ưu tiên lựa chọn người nghèo [106] phải hướng dẫn cả những lựa chọn cá nhân và xã hội, trong khi Đức Phanxicô lên án một “nền văn hóa ‘vứt bỏ’” [107] tạo ra những hình thức loại trừ mới. Từ quan điểm này, công bằng xã hội đòi hỏi chúng ta phải nhìn vào các cá nhân và các cộng đồng, bắt đầu từ những người dễ bị tổn thương nhất: người nghèo, người nhập cư, người tị nạn, người di cư nội địa, các nạn nhân của bạo lực và những người sống ở những vùng ngoại biên đô thị hay những vùng ngoại biên hiện sinh.

79. Ý niệm về “công bằng xã hội” giúp chúng ta nhận ra rằng bất công không chỉ phát sinh từ những lựa chọn sai lầm của các cá nhân, mà còn từ các cấu trúc, các cơ chế và các hệ thống kinh tế và văn hóa tạo ra sự bất bình đẳng gần như tự động. Trong chiều hướng này thánh Gioan Phaolô II đã nói về các cơ cấu tội lỗi [108] chống lại ý muốn của Thiên Chúa và đòi hỏi một cam kết hoán cải cá nhân và xã hội. Theo quan điểm này, công bằng không chỉ đơn thuần là sự phân phối các nguồn lực công bằng hơn, hay sự sửa chữa những bất công hiện hành, mà nó còn mang một chiều kích phục hồi. Nó nhắm hàn gắn những mối dây liên kết bị đổ vỡ và tái hòa nhập những người bị loại trừ, có xét đến những vết thương do bất công gây ra, như chiến tranh, chủ nghĩa thực dân, sự phân biệt chủng tộc hoặc giới tính, bạo lực chống lại các cộng đồng dân tộc và sự bóc lột. Điều này có thể bao gồm việc khôi phục phẩm giá và tiếng nói cho những người đã bị bỏ quên, thúc đẩy các tiến trình chữa lành ký ức tập thể, phản đối các luật và các thực hành phân biệt đối xử, và cung cấp sự hỗ trợ cụ thể cho những người vẫn đang gánh lấy hậu quả của những sai trái đã phải chịu đựng trong quá khứ.

80. Trong thời đại ngày nay, công bằng xã hội cũng phải vật lộn với môi trường được định hình bởi các công nghệ kỹ thuật số. Sự lan rộng của các mạng lưới toàn cầu, các nền tảng và hệ thống trí tuệ nhân tạo đang thay đổi cách chúng ta thu thập thông tin, giao tiếp và tiếp cận các dịch vụ. Sự công bằng đòi hỏi chúng ta phải ngăn chặn sự nổi lên của các hình thức loại trừ và tước đoạt tự do mới: các cá nhân và cộng đồng bị cản trở hoặc bị từ chối tiếp cận các công nghệ cơ bản, các cộng đồng bị phơi ra cho sự giám sát có tính xâm phạm, và các nhóm xã hội bị trừng phạt bởi các thuật toán mờ ám bám vào định kiến và kỳ thị. Trong thời đại kỹ thuật số, một trật tự xã hội công bằng bảo đảm cho mọi người quyền tiếp cận bình đẳng đối với các cơ hội, bảo vệ các thành viên non trẻ nhất và yếu thế nhất trong xã hội, chống lại sự thù hận và thông tin sai lệch, và đưa việc sử dụng dữ liệu và công nghệ vào sự giám sát của công chúng, để nguyên tắc chỉ đạo không chỉ là lợi nhuận mà là phẩm giá của mỗi người và lợi ích chung của tất cả mọi người.

81. Một phép thử cho công bằng xã hội ngày nay là cách đối xử với người di cư, người tị nạn và những người buộc phải di chuyển do nghèo đói, bạo lực, biến đổi khí hậu và thảm họa môi trường. Cách

một xã hội đối xử với họ cho thấy liệu cảm thức về công bằng của xã hội đó được thúc đẩy bởi nỗi sợ hãi hay bởi tinh thần huynh đệ. Đức giáo hoàng Phanxicô đã kêu gọi chúng ta xem những người di cư không chỉ đơn thuần là một vấn đề cần được quản lý, mà là một hình ảnh sống động của Dân Chúa đang di chuyển. [109] Họ là những người có phẩm giá, có các nguồn lực và những ước mơ, họ có quyền được đối xử tôn trọng và muốn trở thành các thành viên tích cực của các xã hội chào đón họ. Công bằng xã hội trong lĩnh vực này gắn với ít nhất hai cam kết có tính bổ sung nhau. Một mặt, điều này có nghĩa là bảo vệ những niềm hy vọng chính đáng của những người buộc phải rời đi bằng cách bảo đảm các tuyến đường an toàn và hợp pháp, những điều kiện tiếp nhận có phẩm giá, và những lộ trình hội nhập thực sự. Mặt khác, nó có nghĩa là cố gắng cho quyền được ở lại quê hương trong hòa bình và an ninh bằng cách giải quyết các nguyên nhân gốc rễ buộc người dân phải di cư, bao gồm cả những nguyên nhân liên quan đến bất công kinh tế và khủng hoảng khí hậu. Khi những quyền này được tôn trọng, di cư có thể trở thành cơ hội gặp gỡ và làm phong phú lẫn nhau giữa các dân tộc.

Sự phát triển nhân bản toàn diện

82. Trong Thông điệp *Populorum Progressio*, Đức giáo hoàng Phaolô VI khẳng định rằng sự phát triển chỉ chân thực nếu nó “toàn diện”, nghĩa là nó có thể “thúc đẩy sự phát triển của mỗi người và của toàn thể con người”. [110] Trong những thập niên tiếp theo, Học thuyết Xã hội của Giáo hội đã nhắc lại và suy ngẫm về cách diễn đạt này để chỉ ra những cách thức thực tiễn theo đó các nguyên tắc vàng - về phẩm giá, công ích, mục đích phổ quát của của cải, tính bổ trợ, sự liên đới, và công bằng xã hội - được thực hiện trong đời sống thực tế. Nói “phát triển nhân bản toàn diện”, chúng ta muốn nói đến một tiến trình trong đó sự phát triển của các cá nhân và các dân tộc bao trùm mọi chiều kích của hiện sinh và đồng thời mở ra tương lai cho các thế hệ tiếp theo.

83. Đối với các cá nhân cũng như các quốc gia, phát triển vừa là nghĩa vụ vừa là quyền. Cần có những điều kiện tối thiểu để cho phép mỗi người và mỗi dân tộc tiến triển phù hợp với phẩm giá của họ, mà không bị giữ trong tình trạng phụ thuộc hoặc bị loại trừ khỏi việc tiếp cận các nhu yếu phẩm. Phát triển thực sự có tính nhân bản khi nó đặt con người làm trung tâm thay vì tích lũy của cải, và khi nó liên quan đến các dân tộc cũng như các cá nhân. Sự công bằng đòi hỏi việc nhìn nhận các quyền của xã hội và các quyền của các dân tộc, và bao gồm trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai. Phát triển không thực sự mang tính nhân bản nếu nó làm tăng mức tiêu thụ cho một số người trong khi chuyển gánh nặng chi phí sang những người khác, hoặc hạ thấp toàn bộ các khu vực xuống vai trò phụ thuộc, ngăn cản họ phát huy hết tiềm năng của mình. [111] Phát triển có tính toàn diện khi nó không giới hạn trong lĩnh vực kinh tế, mà còn thúc đẩy chất lượng cuộc sống trong các chiều kích tinh thần, văn hóa, đạo đức và quan hệ, đồng thời tôn trọng ngôi nhà chung của chúng ta, tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và lối sống của họ. [112]

84. Ngày nay, khái niệm phát triển nhân bản toàn diện là một chuẩn mực để đánh giá sinh thái toàn diện, vốn đã trở thành một chiều kích thiết yếu của Học thuyết Xã hội của Giáo hội. Thật vậy, chất lượng phát triển được đo bằng khả năng hội nhập sự công bằng cho con người và việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta, và thúc đẩy các điều kiện sống xứng phẩm giá, sự tiếp cận các nhu yếu phẩm, các mối quan hệ xã hội công bằng, sự chăm sóc công trình tạo dựng và sự quan tâm đến các thế hệ tương lai. Theo đó thì sự tiến bộ thực sự không phải là điều làm tăng phúc lợi cho một số người bằng cách làm suy thoái hệ sinh thái, chuyển gánh nặng chi phí sang các cộng đồng thiệt thòi nhất, hoặc làm tổn hại đến điều kiện sống của những thế hệ sau chúng ta.

85. Nhìn trong ánh sáng này, sự phát triển nhân bản toàn diện là chiếc khung qua đó chúng ta có thể diễn giải những thay đổi của thời chúng ta, bao gồm cả những thay đổi do cuộc cách mạng kỹ thuật số mang lại. Những đổi mới công nghệ, bao gồm cả trí tuệ nhân tạo, không phải là trung lập, bởi vì chúng có thể thúc đẩy sự tham gia và công bằng, hoặc làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng, sự kiểm soát và loại trừ. Vì lý do này, chúng phải được đánh giá bằng một câu hỏi quan trọng: Liệu chúng có thực sự giúp các cá nhân và các dân tộc trở nên nhân văn và huynh đệ hơn, đồng thời tôn trọng ngôi nhà chung của chúng ta và các thế hệ tương lai? Chính tại đây, các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội trở thành các tiêu chí cụ thể để phân định về các vấn đề mà chúng ta sẽ đề cập trong các chương tiếp theo.

Một cuộc kiểm điểm cho Giáo hội

86. Tóm lại, tôi muốn đề cập đến một điểm đặc biệt gần gũi với trái tim tôi. Học thuyết Xã hội không chỉ là một thông điệp gửi đến xã hội; nó còn là một cuộc tự vấn lương tâm cho Giáo hội – là một ngôi nhà và trường học hiệp thông luôn được kêu gọi bảo đảm rằng các nguyên tắc được nêu trong chương này phải được áp dụng, đặc biệt là bên trong các cơ cấu của chính Giáo hội. Trong bối cảnh Giáo hội, công ích mang hình thức của một cách tiếp cận sứ mạng mang tính hiệp hành để phục vụ cho Nước Thiên Chúa. Thật vậy, Giáo hội là “chủ thể về mặt lịch sử và cộng đồng của tính hiệp hành và sứ mạng”. [113] Điều này đòi hỏi phải chú ý đến cách thức đưa ra quyết định và cách thực thi trách nhiệm. Văn kiện Chung kết của Thượng Hội đồng xác định một văn hóa của sự minh bạch, của trách nhiệm giải trình và sự đánh giá là những thực hành chủ chốt giúp cho sự chuyển hóa sứ mạng thừa sai. [114]

87. Trong nhận thức này, nguyên tắc hỗ trợ trở thành nguyên tắc hướng dẫn cho việc quản trị và đời sống mục vụ. Nó liên quan tới việc nhìn nhận và hỗ trợ các tín hữu và các tổ chức giáo hội trung gian trong việc thực thi trách nhiệm của mình, trân trọng các đặc sủng và các kỹ năng, và tránh bất kỳ hình thức gia trưởng nào bóp nghẹt sự tự do của Phúc Âm. Trong thực tiễn, sự tham gia của những người đã lãnh Phép Rửa vào các tiến trình đưa ra quyết định và việc họ chia sẻ trách nhiệm trong sứ mạng được thực hiện thông qua các cơ quan tham gia thực sự, chứ không chỉ mang tính hình thức. [115]

88. Đối với cộng đoàn Kitô hữu, sự liên đới tìm thấy nguồn mạch của nó trong mầu nhiệm Chúa Kitô và được nuôi dưỡng bởi Bí tích Thánh Thể. Sự liên đới đến từ sự hiệp thông trong đức tin và các Bí tích: Bí tích Phép Rửa và Bí tích Thêm sức kết hợp chúng ta trong Chúa Kitô, để chúng ta trở thành một Thân thể và một Thần Khí, một trái tim và một linh hồn (x. Ep 4,4; Cv 4,32). Bí tích Thánh Thể, là bí tích của sự hiệp nhất, nuôi dưỡng sự thuộc về Thân thể Chúa Kitô của chúng ta, và dạy chúng ta cách chia sẻ. Các cảm quan đa dạng trong Giáo hội và những xác tín mạnh mẽ thúc đẩy mỗi người là một nguồn của sự phong phú nếu chúng luôn được neo giữ trong xác quyết rằng sự hiệp nhất là một món quà nhận được và là một trách nhiệm phải chu toàn.

89. Sống sự công bằng trong Giáo hội có nghĩa là thanh lọc các mối tương quan và các cơ cấu Giáo hội khỏi những sự bóp méo dẫn đến sự bất bình đẳng, sự thiếu minh bạch và sự lạm dụng quyền lực. Về khía cạnh này, việc lắng nghe các nạn nhân của những sự lạm dụng về tâm linh, kinh tế, cơ chế, tình dục và quyền lực, cũng như những sự lạm dụng lương tâm, là một phần không thể thiếu của hành trình hướng tới công lý, bao gồm việc thừa nhận những tổn hại đã gây ra, việc bồi thường thích đáng và việc thực hiện các bước để ngăn chặn điều đó tái diễn. Mọi quyền lực đều phục vụ cho sự hiệp thông và cho sứ mạng. Mọi quyền bính đều phục vụ cho Dân Chúa. Sứ vụ phục vụ này được thể hiện không chỉ qua đức tin của chúng ta được cử hành và được sống trong các Bí tích, và trong việc áp dụng phong cách hiệp hành, mà còn trong việc chia sẻ của cải cụ thể. Theo gương của Giáo hội sơ khai, các nguồn lực của Giáo hội cần được chia sẻ để không ai trong chúng ta phải thiếu thốn (x. Cv 4,34), và để việc quản lý chúng có thể hỗ trợ sứ mạng rao giảng Tin Mừng cho những người nghèo nhất. Nên khuyến khích những đánh giá thường xuyên việc thực hiện các trách nhiệm sứ vụ, không phải như những phán xét đối với cá nhân, mà như những công cụ để học hỏi và sửa chữa trong định hướng sứ mạng. [116] Chỉ trong mức độ chúng ta mở lòng đón nhận sự tác động của Chúa Thánh Thần, những nguyên tắc này của Học thuyết Xã hội mới được nhập thể vào đời sống Giáo hội. Bằng cách này, Giáo hội sẽ có thể nêu chứng tá đáng tin cậy cho xã hội rằng việc cùng nhau tìm kiếm công ích, với sự chia sẻ trách nhiệm và với tình huynh đệ, không phải là một điều không tưởng, nhưng là một khả năng thực sự. [117]

CHƯƠNG BA - CÔNG NGHỆ VÀ SỰ THỐNG TRỊ - SỰ CAO CẢ CỦA NHÂN TÍNH DƯỚI ÁNH SÁNG NHỮNG TRIỂN VỌNG CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

90. Sau khi nhắc lại những nguyên tắc soi sáng Học thuyết Xã hội, giờ đây tôi muốn tập trung vào một số thách thức đang định hình sâu sắc cách sống của chúng ta ngày nay. Hình ảnh Kinh Thánh đi kèm với những suy tư này là hình ảnh của một dự án xây dựng. Một mặt, đó là Tháp Babel, nơi nỗ lực tập thể đi theo một kế hoạch thống trị và rốt cục làm mất nhân tính (x. St 11,1-9). Mặt khác, đó là những

tàn tích của Giêrusalem, được xây dựng lại từng phần dưới sự chỉ đạo của Nokhemia như một dự án về trách nhiệm cùng chia sẻ (x. Nkm 2-6). Chúng ta được kêu gọi suy ngẫm về những “công trường xây dựng” vĩ đại của thời đại chúng ta và tự hỏi: Chúng ta đang xây dựng cái gì? Khi sự phát triển công nghệ nhanh chóng biến đổi các ngôn ngữ, các mối tương quan, các cơ chế và các dạng quyền lực, thì các tín hữu chúng ta phải và có thể lựa chọn những dự án nào để thực hiện và bằng cách nào, để bảo vệ và trân trọng sự cao cả của nhân tính là món quà mà chúng ta được ban tặng. Đây là sự lựa chọn không chỉ cho tương lai mà còn cho hiện tại của chúng ta, vì trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới nổi lên khác đã là một phần trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

91. Tôi tin chắc rằng cách thức cụ thể để sống các mối tương quan xã hội theo ánh sáng Tin Mừng không được thiết lập một lần cho tất cả, mà vẫn là một nhiệm vụ được giao phó, từ thế hệ này sang thế hệ khác, cho cộng đoàn Kitô hữu. Dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, Giáo hội để mình được soi sáng bởi Lời Chúa, đọc các dấu chỉ của thời đại và sáng tạo tìm kiếm những cách thức mới để tương quan giữa các dân tộc và quốc gia ngày càng phù hợp hơn với những đòi hỏi của Nước Thiên Chúa. [118] Vì lý do này, tôi khuyến khích tất cả mọi người trong Giáo hội đừng sợ hãi những thách thức hiện tại, mà hãy lắng nghe lẫn nhau và vững vàng đón nhận trách nhiệm của mình trong việc xây dựng một xã hội nhân văn và huynh đệ hơn.

Kiểu thức kỹ trị và quyền lực kỹ thuật số

92. Trong Thông điệp *Laudato Si'*, Đức giáo hoàng Phanxicô đã lên án sự thống trị ngày càng tăng của một kiểu thức kỹ trị [119] trong thế giới toàn cầu hóa của chúng ta: xu hướng chỉ để cho logic về hiệu năng, về sự kiểm soát và lợi nhuận định hình các quyết định cá nhân, xã hội và kinh tế. Điều này cho thấy rõ rằng công nghệ không chỉ là một công cụ. Khi nó trở thành tiêu chuẩn để đánh giá mọi thứ, nó bắt đầu áp đặt về điều gì quan trọng và điều gì có thể bị loại bỏ, biến công trình tạo dựng thành một đối tượng khai thác và con người thành những bánh răng đơn thuần trong một hệ thống hướng tới hiệu năng ngày càng cao hơn.

93. Kiểu thức này đã lan rộng nhanh chóng trong những năm gần đây, một phần được thúc đẩy bởi sự bành trướng của trí tuệ nhân tạo, khoa học nhận thức, công nghệ nano, robot và công nghệ sinh học. Bản thân những đổi mới này có thể phục vụ rất nhiều cho sự phát triển nhân bản toàn diện và việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta. Tuy nhiên, chính vì sức mạnh của chúng, chúng cũng có thể đẩy nhanh sự bành trướng của kiểu thức kỹ trị và do đó đòi hỏi một khuôn thức mới về chính trị, đạo đức và tâm linh. Nhiều quyền lực hơn không nhất thiết có nghĩa là một điều gì đó tốt hơn. Về khía cạnh này, những lời của Romano Guardini vẫn còn phù hợp: “Con người thời nay chưa được đào tạo để biết sử dụng quyền lực.” [120]

94. Nguy cơ nhân loại trở thành nạn nhân của chính những thành tựu của mình đã được thánh Phaolô VI nhận ra rõ ràng, ngài cảnh báo rằng “tiến bộ khoa học phi thường nhất, kỳ tích kỹ thuật đáng kinh ngạc nhất và tăng trưởng kinh tế kỳ diệu nhất, nếu không đi kèm với tiến bộ đạo đức và xã hội đích thực, về lâu dài sẽ chống lại con người.” [121] Vì lý do này, tiến bộ công nghệ - tự nó vốn có giá trị - đòi hỏi sự phân định cẩn thận về tầm nhìn nhân học hướng dẫn nó và các cứu cánh mà nó theo đuổi. Nếu sự phát triển công nghệ tiến bộ mà không có sự tiến bộ đạo đức và xã hội tương ứng, kết quả có thể là sự gia tăng phương tiện mà không có sự phát triển về nhân tính: “có nhiều hơn” mà không “trở nên tốt hơn”. Trong diễn biến như vậy, có nguy cơ các cá nhân sẽ được đánh giá chủ yếu dựa trên kết quả mà họ tạo ra. [122]

95. Ở đây, chúng ta phải nhận ra một khía cạnh quan trọng khác mà tôi đã lưu ý trên kia. Trong nhiều trường hợp trong bối cảnh kỹ thuật số, quyền kiểm soát các nền tảng, hạ tầng, dữ liệu và năng lực tính toán không thuộc về các Nhà nước, mà thuộc về các tác nhân kinh tế và công nghệ lớn. Các thực thể này thực sự thiết lập các điều kiện truy cập, ấn định các quy tắc hiển thị và định hình chính các khả năng tham gia. Khi quyền lực như vậy tập trung trong tay một số ít người, nó có xu hướng trở nên mờ ám và né tránh sự giám sát của công chúng, làm tăng nguy cơ về các hình thức phát triển méo mó, dẫn đến những sự lệ thuộc, những loại trừ, thao túng và bất bình đẳng mới.

96. Đứng trước sự tập trung quyền lực này trong thế giới kỹ thuật số, các tiêu chí để phân xét và phân định trong tình huống mới này là các nguyên tắc vàng của Học thuyết Xã hội: phẩm giá bất khả nhượng của con người, công ích, mục đích phổ quát của của cải, nguyên tắc hỗ trợ, sự liên đới và công bằng xã hội. Chúng đòi hỏi chúng ta phải đánh giá xem liệu sức mạnh của các hạ tầng kỹ thuật số và các thuật toán có thực sự thúc đẩy sự tham gia và trách nhiệm, bảo vệ những người dễ bị tổn thương, bảo đảm sự tiếp cận công bằng các cơ hội và luôn hướng tới lợi ích của tất cả mọi người hay không. Trên cơ sở này, giờ đây chúng ta có thể khảo sát kỹ hơn trí tuệ nhân tạo là gì, những khả năng mà nó mở ra và những rủi ro gắn liền với nó.

Trí tuệ nhân tạo

97. Ở đây, tôi không có ý định đưa ra một đối sách toàn diện liên quan đến trí tuệ nhân tạo, cũng như không đưa ra một cái nhìn tổng quan về các tài liệu liên quan rộng lớn, vì đã có những đóng góp có thẩm quyền, kể cả trong bối cảnh Giáo hội. [123] Tôi chỉ giới hạn mình ở việc nhắc lại một vài yếu tố thiết yếu cho một sự phân định đạo đức và xã hội nhằm bảo vệ tính ưu việt của con người, để bảo đảm rằng chính trí tuệ con người, với lương tâm và tự do của nó, sẽ luôn hướng dẫn những đổi mới kỹ thuật và xác định một cách có trách nhiệm việc sử dụng cũng như giới hạn của chúng.

98. Để bước vào cuộc thảo luận này, nên nêu hai điểm cần lưu ý. Thứ nhất, bất kỳ tuyên bố nào liên quan đến AI đều có nguy cơ nhanh chóng trở nên lỗi thời, do tốc độ phát triển đáng kể của các hệ

thống này. Thứ hai, tất cả chúng ta, kể cả những người thiết kế chúng, đều chỉ hiểu biết rất hạn chế về cách thức hoạt động thực tế của chúng. Thật vậy, các hệ thống AI hiện nay được “phát huy” nhiều hơn là “xây dựng”, vì các nhà phát triển không trực tiếp thiết kế từng chi tiết, mà thay vào đó tạo ra một khuôn thức trong đó trí tuệ “phát triển”. Kết quả là, các khía cạnh khoa học cơ bản - chẳng hạn như các biểu thị nội bộ (internal representations) và các quy trình tính toán của những hệ thống này - hiện vẫn chưa được biết đến. Do đó, xuất hiện một nhu cầu cấp thiết về một cam kết hai mặt: một mặt, một sự đào sâu nghiên cứu khoa học; mặt khác, thực hành sự phân định đạo đức và tâm linh.

99. Không thể đưa ra một định nghĩa duy nhất, toàn diện về Trí tuệ Nhân tạo (AI). Tuy nhiên, điều có thể khẳng định là chúng ta phải tránh quan niệm sai lầm khi đánh đồng loại “trí tuệ” này với trí tuệ của con người. Các hệ thống này chỉ đơn thuần bắt chước một số chức năng nhất định của trí tuệ con người. Khi làm như vậy, chúng thường vượt trội hơn trí tuệ con người về tốc độ và khả năng tính toán, mang lại lợi ích hữu hình trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, sức mạnh này vẫn hoàn toàn gắn với việc xử lý dữ liệu. Cái gọi là trí tuệ nhân tạo không trải qua những kinh nghiệm, không có cơ thể, không cảm nhận được niềm vui hay nỗi đau, không trưởng thành thông qua các mối tương quan và không hiểu từ bên trong ý nghĩa của tình yêu, công việc, tình bạn hay trách nhiệm. Chúng cũng không có lương tâm đạo đức, vì chúng không phán xét thiện ác, không nắm bắt được ý nghĩa cuối cùng của các tình huống, hoặc chịu trách nhiệm về các hậu quả. Chúng có thể bắt chước ngôn ngữ, hành vi và các kỹ năng phân tích, hay thậm chí mô phỏng sự đồng cảm và thấu hiểu, nhưng chúng không hiểu những gì chúng tạo ra, vì chúng thiếu góc nhìn về tình cảm, mối quan hệ và tâm linh mà qua đó con người trưởng thành trong sự khôn ngoan. Ngay cả khi những công cụ này được mô tả là có khả năng “học hỏi”, cách thức học hỏi của chúng cũng khác với con người. Đó không phải là kinh nghiệm của những người cho phép bản thân được cuộc sống định hình và trưởng thành theo thời gian xuyên qua những lựa chọn, sai lầm, sự tha thứ và lòng trung thành. Thay vào đó, nó là một hình thức thích ứng thống kê dựa trên dữ liệu và phản hồi, có thể rất hiệu quả, nhưng không hàm ý sự trưởng thành bên trong.

Một công cụ quý giá đòi hỏi sự cảnh giác

100. Dựa trên những điều đã nói, chúng ta có thể hiểu rõ hơn tại sao AI có thể là một công cụ quý giá và đồng thời, tại sao nó đòi hỏi một cách tiếp cận thận trọng và có chừng mực. Trong những năm gần đây, việc sử dụng AI trong đời sống cá nhân đã mở rộng đáng kể, thúc đẩy sự suy ngẫm nhiều hơn về cả những cơ hội mà nó mang lại lẫn những rủi ro gắn liền với sự lan rộng nhanh chóng của nó. Trong sử dụng cá nhân, cách riêng ba khía cạnh cần được xem xét kỹ: sự dễ dàng trong việc thu được kết quả, ấn tượng về tính khách quan, và sự mô phỏng giao tiếp của con người. Tốc độ và sự đơn giản trong việc truy cập thông tin, các phân tích phức tạp, nội dung truyền thông và sự hỗ trợ thực tiễn rõ ràng làm cho cuộc sống dễ dàng hơn. Tuy nhiên, chúng cũng có thể khuyến khích sự phụ thuộc thái quá cũng như việc

tìm kiếm các câu trả lời có sẵn, đồng thời làm suy yếu khả năng sáng tạo và phán đoán cá nhân. Tính khách quan bề ngoài của các phản hồi và các đề xuất mà những hệ thống này cung cấp có thể khiến chúng ta bỏ qua thực tế rằng chúng phản ánh những giả định văn hóa của những người đã thiết kế và huấn luyện chúng, với tất cả những điểm mạnh và hạn chế của họ. Việc bắt chước nhân tạo sự giao tiếp tích cực của con người - những lời khuyên, sự đồng cảm, tình bạn và thậm chí cả tình yêu - có thể hấp dẫn và đôi khi thực sự hữu ích. Tuy nhiên, đối với những người dùng kém tinh ý hơn, nó cũng có thể dẫn dắt sai, tạo ra ảo tưởng về một tương quan với một chủ thể cá vị thực sự. Khi các lời nói được mô phỏng, chúng không xây dựng được các tương quan chân thực, mà chỉ là vẻ bề ngoài. Việc bắt chước nhân tạo sự quan tâm hoặc hỗ trợ có thể trở nên đặc biệt rủi ro khi nó xuất hiện trong các bối cảnh thiếu các mối tương quan thực sự và các gắn kết tình cảm. Ở đây, nguy hiểm không phải là việc một người có thể tin rằng họ đang giao tiếp với một người khác, mà là họ có thể dần dần đánh mất chính mong muốn hình thành các kết nối con người thực sự.

101. Mở rộng quan điểm của chúng ta về việc sử dụng AI trong xã hội, chúng ta thấy rằng nó hiện đang được đưa vào các quy trình ra quyết định trong nhiều lĩnh vực và ở nhiều cấp độ: trong giao tiếp, quản lý và kiểm soát. Những lợi ích về hiệu quả và tiềm năng cải thiện một số dịch vụ là rõ ràng, tuy nhiên việc áp dụng chúng một cách nhanh chóng và thiếu cân nhắc sẽ khiến chúng ta phải đối mặt với một loạt rủi ro, bao gồm cả xu hướng bỏ qua tác động đến môi trường. Các hệ thống AI hiện tại đòi hỏi một lượng năng lượng và nước khổng lồ, ảnh hưởng đáng kể đến lượng khí thải carbon dioxide và đặt ra những yêu cầu nặng nề đối với tài nguyên thiên nhiên. Khi độ phức tạp của chúng tăng lên, đặc biệt là trong trường hợp các mô hình ngôn ngữ lớn, nhu cầu về sức mạnh tính toán và dung lượng lưu trữ cũng tăng lên, điều này đòi hỏi một mạng lưới rộng lớn về máy móc, cáp, trung tâm dữ liệu và cơ sở hạ tầng tiêu tốn nhiều năng lượng. Vì lý do này, điều cần thiết là phải phát triển các giải pháp công nghệ bền vững hơn nhằm giảm tác động đến môi trường và giúp bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta. [124]

Trách nhiệm, tính minh bạch và sự quản trị AI

102. Việc sử dụng AI không bao giờ chỉ là vấn đề thuần túy kỹ thuật: khi nó đi vào các quy trình ảnh hưởng đến cuộc sống của con người, nó tác động đến các quyền, các cơ hội, địa vị và sự tự do. Các quyết định quan trọng và nhạy cảm - liên quan đến việc làm, tín dụng, sự tiếp cận các dịch vụ công cộng hay thậm chí thanh danh của một người - có nguy cơ bị giao hoàn toàn cho các hệ thống tự động không biết đến “lòng trắc ẩn, sự thương xót, sự tha thứ, và trên hết là niềm hy vọng rằng con người có thể thay đổi,” [125] và do đó có thể dẫn đến các hình thức loại trừ mới. Có những cách sử dụng rõ ràng có hại, chẳng hạn như sự thao túng thông tin hay những vi phạm quyền riêng tư. Tuy nhiên, cũng có một mối nguy hiểm tinh vi hơn, bởi vì khi các hệ thống AI tự thể hiện mình là trung lập và khách quan, chúng

cuối cùng lại phản ánh và củng cố các khuôn mẫu hay các thành kiến ý thức hệ của những người thiết kế và phát triển chúng.

103. Thật vậy, trong thực tế việc giao phó cho một thuật toán quyền lựa chọn ai xứng đáng hay không, mà không ai chịu trách nhiệm về phán xét đó, là giao phó nhiệm vụ định nghĩa lại các ranh giới của khả năng con người. Trong quá trình này, trách nhiệm chính trị cũng bị mất đi, chứ không chỉ là sự đồng cảm đối với những người bị loại trừ, điều mà xét cho cùng cũng có thể được giả tạo. Việc loại trừ những người dễ bị tổn thương được che đậy bằng một lớp vỏ bọc trung lập và khách quan, khiến việc phản đối nó cũng trở nên khó khăn. Bằng cách này, sự bất công không bị chú ý, và lòng trắc ẩn, xót thương và tha thứ - được hiểu không chỉ là những vẻ bề ngoài mà là những hành động chính trị thực sự - sẽ dần dần biến mất khỏi tầm nhìn.

104. Từ đó dẫn đến một hệ quả đơn giản nhưng đầy thuyết phục: chúng ta không thể coi AI là trung lập về mặt đạo đức. Trong thực tế, mọi công cụ kỹ thuật đều thể hiện các lựa chọn và các ưu tiên thông qua những gì nó đo lường, bỏ qua và tận dụng, và cách nó phân loại con người và các tình huống. Nếu một hệ thống được thiết kế hoặc sử dụng theo cách đối xử với một số cuộc sống như là kém giá trị, hoặc loại trừ họ mà không có khả năng khiếu nại, thì nó không chỉ đơn thuần là một công cụ “để sử dụng tốt”, vì nó đã đưa ra các tiêu chí mâu thuẫn với phẩm giá bất khả nhượng của con người. Vì lý do này, sự phân định đạo đức không thể chỉ giới hạn ở việc chất vấn liệu chúng ta đang sử dụng một hệ thống cho những mục đích tốt hay xấu; nó cũng phải xem xét cách mà hệ thống đó được thiết kế, và xem xét tầm nhìn nào về con người và xã hội được đưa vào các dữ liệu và các mô hình hướng dẫn nó. [126]

105. Để AI tôn trọng phẩm giá con người và thực sự phục vụ công ích, trách nhiệm phải được xác định rõ ràng ở mọi giai đoạn: từ những người thiết kế và phát triển các hệ thống này đến những người sử dụng chúng và dựa vào chúng để đưa ra các quyết định cụ thể. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, các quy trình nội bộ dẫn đến kết quả vẫn còn mơ hồ, khiến việc phân công trách nhiệm và sửa lỗi trở nên khó khăn hơn. Chính ở đây trách nhiệm giải trình trở nên quan trọng: khả năng nhận diện ai phải “chịu trách nhiệm” về các quyết định, biện minh cho chúng, giám sát chúng và, khi cần thiết, thách thức chúng và khắc phục mọi thiệt hại gây ra. [127]

106. Việc kêu gọi sự thận trọng, sự nghiêm khắc đánh giá, và ngay cả, đôi khi, một tốc độ tương đối chậm trong việc ứng dụng AI không có nghĩa là chống lại sự tiến bộ; đúng hơn, đó là thực thi trách nhiệm đối với gia đình nhân loại. Nhu cầu này càng trở nên cấp thiết hơn khi thường xuyên xảy ra sự mất cân bằng giữa tốc độ tăng trưởng công nghệ và sự phát triển chậm hơn của nhận thức, các chuẩn mực, các biện pháp bảo vệ và các cơ chế có khả năng quản lý tác động của nó. Thật là không đủ việc chỉ nại đến đạo đức một cách trừu tượng; cần phải có các khuôn khổ pháp lý vững chắc, sự giám sát độc lập, người dùng được thông tin đầy đủ, và một hệ thống chính trị không thoái thác trách nhiệm của mình. Nếu không, sự thay đổi sẽ được quản lý chỉ bởi tư duy kỹ trị và được trình bày như là cần thiết và tất

yếu, rốt cục áp đặt các quy tắc được định hình bởi những người kiểm soát dữ liệu, cơ sở hạ tầng và năng lực tính toán.

107. Chúng ta không thể hài lòng với việc chỉ kêu gọi đạo đức hóa các máy móc - điều gọi là "sự phù hợp" của AI với các giá trị con người - mà không có đủ can đảm để nhấn mạnh một điều kiện nữa: khả năng thảo luận công khai về các khuôn khổ đạo đức liên quan và đưa chúng vào các tiêu chuẩn chung của công bằng xã hội. Nếu không, những người kiểm soát AI sẽ áp đặt tầm nhìn đạo đức của riêng họ, điều sẽ trở thành hạ tầng vô hình của các hệ thống này. Một trí tuệ nhân tạo (AI) có đạo đức hơn là chưa đủ nếu tính đạo đức ấy được ấn định bởi một số ít người. Điều cần thiết là một sự tham gia chính trị tích cực hơn, có khả năng điều tiết mọi thứ chậm lại khi mọi thứ đang tăng tốc, và bảo vệ các cơ hội cho các cộng đồng vẫn có thể tham gia và chất vấn.

108. Trong thực tế, cũng như đối với mọi sự chuyển đổi công nghệ lớn, AI có xu hướng khuếch đại quyền lực của những người đã sở hữu nguồn lực kinh tế, chuyên môn và quyền truy cập dữ liệu. Dưới ánh sáng của công ích và mục đích phổ quát của của cải, điều này làm dấy lên những lo ngại nghiêm trọng, vì các nhóm nhỏ nhưng có ảnh hưởng lớn có thể định hình các phương thức thông tin và tiêu thụ, ảnh hưởng đến các quy trình dân chủ và điều khiển động lực kinh tế theo hướng có lợi cho họ, làm suy yếu công bằng xã hội và sự liên đới giữa các dân tộc. Vì lý do này, thật thiết yếu việc sử dụng AI, đặc biệt khi nó liên quan đến dịch vụ công cộng và các quyền cơ bản, phải được hướng dẫn bởi các tiêu chí rõ ràng và sự giám sát hiệu quả, dựa trên sự tham gia và nguyên tắc hỗ trợ. Các cộng đồng và các tổ chức trung gian không được bị giảm xuống thành những người thụ động tiếp nhận các quyết định được đưa ra ở nơi khác; họ phải có thể đóng góp vào việc phân biệt và giám sát. Hơn nữa, quyền sở hữu dữ liệu không thể chỉ đặt trong tay tư nhân mà phải được điều chỉnh một cách thích hợp. Dữ liệu là sản phẩm của nhiều người đóng góp và không nên được coi là thứ để bán đi hoặc giao phó cho một số ít người được chọn. Cần phải suy nghĩ một cách sáng tạo để quản lý dữ liệu như một tài sản chung hay được chia sẻ, với tinh thần tham gia, như thánh Gioan Phaolô II đã gợi ý liên quan đến tài sản tập thể. [128]

109. Các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội cung cấp một khuôn thức để hiểu thực tế mới này. Trong một thế giới nơi dữ liệu, tài nguyên tính toán và ảnh hưởng điều tiết vẫn nằm trong tay một số ít người, thì nói về lợi ích chung có nghĩa là vạch trần hình thức mới này của sự bất đối xứng về nhận thức, kinh tế và chính trị và gọi tên các độc quyền mới của AI. Nói về mục đích phổ quát của của cải có nghĩa là tìm cách bảo đảm quyền truy cập phổ quát về cả công nghệ lẫn giáo dục cần thiết để sử dụng chúng. Nói về tính hỗ trợ, đó là kêu gọi việc bảo vệ khả năng của các cộng đồng trong việc đưa ra những sự lựa chọn và sửa chữa, thay vì giới hạn vai trò của họ chỉ là giám sát sau khi các tiêu chuẩn đã được thiết lập ở nơi khác. Nói về sự liên đới, đó là đòi chúng ta phải nhận ra những người lao động ẩn danh, thường bị bóc lột, những người duy trì các hệ thống thuật toán. Nói về công bằng, đó là đòi phải chất vấn về sự phân bổ quyền lực toàn cầu vốn quyết định ai thực sự có thể đào tạo những mô hình này và ai chỉ đơn

thuần là bị chúng chi phối. Tương tự, điều đó có nghĩa là thừa nhận rằng công bằng xã hội không chỉ là mục tiêu cần được bảo vệ sau khi công nghệ được triển khai, mà còn là một điều kiện phải định hình chính khâu thiết kế từ ban đầu của chúng.

110. Cuối cùng, tôi muốn sử dụng cụm từ “giải giáp”, một cụm từ rất gần gũi với trái tim tôi. Giải giáp AI có nghĩa là giải phóng nó khỏi não trạng chạy đua “vũ trang”, điều mà ngày nay không chỉ giới hạn trong bối cảnh quân sự, mà còn là một hiện tượng kinh tế và nhận thức. Điều này gắn với một cuộc chạy đua để có được các thuật toán ngày càng mạnh mẽ hơn và các tập dữ liệu đồ sộ hơn, được thúc đẩy bởi mong muốn bảo đảm sự thống trị về địa chính trị hoặc thương mại. Giải giáp có nghĩa là bác bỏ giả định rằng sức mạnh kỹ thuật sẽ tự động mang lại quyền cai trị. Giải giáp không có nghĩa là từ chối công nghệ, mà là ngăn chặn nó thống trị con người. Nó có nghĩa là giải phóng công nghệ khỏi sự kiểm soát độc quyền và mở ra cho thảo luận và tranh luận, nhờ đó làm cho nó thân thiện với con người và khôi phục nó vào sự đa dạng của các nền văn hóa và các lối sống của con người. Nhiệm vụ của chúng ta ngày nay không chỉ là về đạo đức hay kỹ thuật. Nó mang tính sinh thái theo nghĩa sâu xa nhất, bởi vì nó liên quan đến một chiều kích mới của ngôi nhà chung của chúng ta. AI đã là một môi trường mà chúng ta đang lọt trong đó, cũng như một thể lực mà chúng ta phải tương tác. Vì lý do này, việc chỉ điều chỉnh nó là không đủ; nó phải được giải giáp, trở nên thân thiện và dễ tiếp cận.

111. Tôi muốn gửi lời kêu gọi đặc biệt đến những người phát triển trí tuệ nhân tạo. Theo một nghĩa nào đó, sự đổi mới công nghệ có thể nói lên sự tham gia của con người vào hành động sáng tạo của Thiên Chúa. Do đó, các nhà phát triển phải gánh vác một trách nhiệm đạo đức và tâm linh đặc biệt, bởi vì mỗi lựa chọn thiết kế đều phản ánh một tầm nhìn về nhân tính. Cũng như người sáng tạo một tác phẩm nghệ thuật hay văn học phải xem xét các giá trị mà nó chuyển tải, thì các nhà phát triển cũng được kêu gọi phải đưa các giá trị vào các dự án của mình một cách nghiêm túc: với sự minh bạch, với trách nhiệm đối với các cộng đồng nhận ảnh hưởng, và với sự chú ý cẩn thận để bảo đảm rằng điều đang được phát huy là một điều tốt đẹp thực sự.

Điều không được để mất

112. Sau khi xem xét các vấn đề về trách nhiệm và sự quản trị AI, giờ đây chúng ta phải quay trở lại câu hỏi trung tâm của mình: bảo vệ nhân tính của chúng ta có nghĩa là gì? Sự rủi ro vượt quá cả việc sử dụng sai trái một số công nghệ nào đó. Nghiêm trọng hơn, kiểu thức kỹ trị lan rộng mà chúng ta đang lọt thỏm trong đó, và nó được khuếch đại bởi cuộc cách mạng kỹ thuật số và AI, đang đe dọa bình thường hóa một tầm nhìn chống lại con người. Trong tầm nhìn đó, sự viên mãn của cuộc sống được đánh đồng với việc sở hữu nhiều hơn, giảm thiểu điểm yếu, loại bỏ sự không chắc chắn, và thực hiện quyền kiểm soát hoàn toàn. Khi hiệu năng trở thành thước đo giá trị tối thượng, con người dễ bị cám dỗ coi mình như một dự án cần được khai thác hơn là như những nhân vị được kêu gọi để tương quan và hiệp thông.

113. Trong thực tế, việc nâng bất kỳ chiều kích nào của hiện sinh con người lên mức tuyệt đối luôn là một sai lầm. Thật vậy, sự hỗn loạn không chỉ phát sinh từ sự khan hiếm; ngay cả sự tăng trưởng không kiểm soát cũng có thể gây ra sự bần cùng. Trong một hệ sinh thái, sự cân bằng bị phá vỡ khi một loài bành trướng bằng cách bắt các loài khác phải trả giá; trong cuộc sống con người, điều tương tự xảy ra khi một năng lực nào đó tự cho mình là thước đo của mọi thứ. Do đó, trí thông minh, khi được tuyệt đối hóa, sẽ che khuất các chiều kích thiết yếu khác của cuộc sống, chẳng hạn như tình cảm, ý chí, sự dần thân và các mối tương quan. Tương tự, sức mạnh kỹ thuật, nếu không được cân bằng, sẽ không làm cho chúng ta có khả năng hơn; nó làm cho chúng ta bị cô lập hơn, yếu đuối hơn và do đó dễ bị thống trị và bị loại trừ. Điểm quan trọng này không chống lại trí thông minh, mà là lời nhắc nhở rằng khi trí thông minh trở nên tự quy chiếu, thì mục đích thực sự của nó - là phục vụ sự sống và con người - sẽ bị mất đi.

114. Chất lượng của một nền văn minh không được đo bằng sức mạnh của các phương tiện, mà bằng sự quan tâm mà nó có thể cung ứng, bằng khả năng nhận ra người khác như một con người chứ không chỉ là một chức năng. Khả năng quan tâm đến nhau là một chiều kích nền tảng của nhân tính, một chiều kích được học hỏi và hoàn thiện xuyên qua kinh nghiệm sống. Đọc truyện cho trẻ em, bầu bạn với người già và sắp xếp nhà cửa sao cho ấm cúng là những cử chỉ đơn giản thường bắt nguồn từ cuộc sống gia đình. Chúng dạy chúng ta trân trọng sự quan tâm ở cấp độ xã hội và rèn luyện chúng ta nhận ra người khác là những con người đáng được quan tâm. Công nghệ cũng có thể hỗ trợ sự quan tâm lẫn nhau giữa con người, ví dụ, bằng cách cung cấp các công cụ giúp chúng ta dự đoán và sắp xếp mọi việc, mà không làm suy yếu tự do và khả năng phán đoán của con người. Xét cho cùng, con người là chủ thể của các mối tương quan và chịu trách nhiệm về các quyết định của chính mình.

Những diễn ngôn nền: chủ nghĩa siêu nhân và chủ nghĩa hậu nhân bản

115. Trong nỗ lực làm sáng tỏ những giả định văn hóa đi kèm với cuộc cách mạng kỹ thuật số đang diễn ra, tôi muốn chuyển sự chú ý của chúng ta đến một số dòng tư tưởng diễn giải sự tiến bộ như vượt qua điều kiện của con người, và thường được gộp lại dưới các nhãn hiệu chủ nghĩa siêu nhân và chủ nghĩa hậu nhân bản. Những quan điểm này tạo thành bối cảnh ý thức hệ hiện diện trong một số trung tâm quyền lực công nghệ và chiếm lĩnh trí tưởng tượng tập thể dưới một dạng đơn giản hóa, đặc biệt là trên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội. Chúng có xu hướng thúc đẩy sự nhiệt tình đối với các công nghệ mới xuyên qua một tầm nhìn tương lai về một “con người được gia cố” hay “hỗn hợp người-máy”.

116. Chủ nghĩa siêu nhân và chủ nghĩa hậu nhân bản bao gồm một loạt các dòng tư tưởng và cảm nhận, gây khó khăn cho việc định nghĩa chúng theo một cách duy nhất và rõ ràng. Chúng có thể được ví như một quần đảo gồm các “đảo” khái niệm, riêng biệt nhưng được kết nối bởi một “biển” giả định chung, cụ thể là vai trò trung tâm của công nghệ và khát vọng vượt qua những giới hạn của điều kiện con

người. Nhìn chung, chủ nghĩa siêu nhân hình dung việc nâng cao con người thông qua các công nghệ - chẳng hạn như y sinh học, kỹ thuật cơ thể, các thiết bị và các thuật toán - với mục đích tăng cường hiệu suất và khả năng. Chủ nghĩa hậu nhân bản, đặc biệt là ở các hình thức cực đoan hơn, còn đi xa thêm: nó thách thức chủ nghĩa qui nhân và hình dung sự lai ghép giữa con người, máy móc và môi trường, thậm chí còn dự đoán một ngưỡng mà nhân loại vượt qua chính mình trong một giai đoạn tiến hóa mới. Ngay cả khi những ý tưởng như vậy vẫn chủ yếu mang tính suy đoán, chúng vẫn có được sự phù hợp bằng việc thay đổi hình dung của tập thể và do đó ảnh hưởng đến các lựa chọn xã hội, kinh tế và chính trị. [129]

117. Từ quan điểm của Học thuyết Xã hội của Giáo hội, vấn đề chủ chốt không phải là chính việc sử dụng công nghệ, mà là tầm nhìn nằm dưới nó. Nếu con người được đối xử như thứ gì đó cần được hoàn thiện hoặc vượt qua, thì người ta sẽ dễ dàng chấp nhận rằng một số cuộc sống ít hữu ích hơn, ít được mong muốn hơn hoặc ít xứng đáng hơn. Nhân danh sự tiến bộ, “những hy sinh cần thiết” có thể bắt đầu được biện minh, đặt gánh nặng lên những người dễ bị tổn thương nhất trong việc theo đuổi cái được cho là sự tối ưu hóa giống loài. Về khía cạnh này, lời cảnh báo trên kia của thánh Phaolô VI vẫn giữ nguyên giá trị tiên lượng: quả thực, những tiến bộ khoa học và công nghệ, khi tách rời khỏi sự tiến bộ về đạo đức và xã hội, cuối cùng sẽ chống lại nhân tính. [130] Vì lý do này, cần phải có sự phân biệt rõ ràng. Việc tích hợp công nghệ vào một tầm nhìn có tính liên hệ và lấy con người làm trung tâm, đó là một chuyện; việc được hướng dẫn bởi một quan điểm coi thường những giới hạn của con người và hứa hẹn một hình thức “cứu rỗi” thuần túy có tính kỹ thuật, đó lại là một chuyện hoàn toàn khác.

Giới hạn, trái tim và sự cao trong của con người

118. Mọi tương quan của chúng ta với cuộc sống dường như đang gặp khủng hoảng ngày nay. Mọi thứ có vẻ như một “giới hạn” - sự bất lực, bệnh tật, tuổi già, đau khổ, dễ bị tổn thương - có xu hướng được xem chủ yếu là một khiếm khuyết cần được sửa chữa, hơn là một thực tại mà qua đó nhân tính của chúng ta trưởng thành và mở ra cho tương quan. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng nhân tính triển nở không phải bất chấp những hạn chế, mà thường là thông qua chúng. Ánh sáng của đức tin cung cấp một góc nhìn về thực tại giúp chúng ta nhận ra điều mà chúng ta gọi là “sự bất trắc” của những thứ thuộc về thế giới này. Mặc dù việc nỗ lực làm giảm bớt nỗi đau khổ gắn với cuộc sống con người là điều đúng đắn, nhưng cũng nên thừa nhận sự hữu hạn cơ bản của chúng ta, biết rằng “kinh nghiệm tôn giáo, cách riêng là đức tin Kitô giáo, đề xuất rằng chúng ta sống - mà không đơn giản hóa quá mức - sự hàm hồ này giữa sự vĩ đại và giới hạn của con người, diễn giải nó dưới ánh sáng mối tương quan nguyên thủy và nền tảng của chúng ta với Thiên Chúa.” [131]

119. Chính trong những giới hạn của mình mà chúng ta hiểu ý nghĩa của những điều sau đây: lòng trắc ẩn, cũng như sự quan tâm chân thành đến nhu cầu của người khác; lòng quảng đại, có thể nảy sinh ngay cả giữa bóng tối và thất bại; kinh nghiệm tâm linh và sự thờ phượng Thiên Chúa. Chúng ta

hiều điều này ở nhiều khoảnh khắc khi những giới hạn của chúng ta được thấy rõ: khi chúng ta bị từ chối, khi chúng ta chịu đựng bệnh tật hay sự mất mát người thân yêu, khi chúng ta gặp phải điểm yếu hoặc thất bại của chính mình. Một cách kỳ diệu, chính trong những khoảnh khắc như vậy mà chúng ta có thể khám phá ra một sự khôn ngoan mới, cảm nhận rõ ràng sự gần gũi của người khác và gặp gỡ sự hiện diện của Chúa.

120. Ngay cả khi những giới hạn được kinh nghiệm như nỗi đau khổ nội tâm, sự khôn ngoan con người dạy chúng ta không nên phủ nhận hay kìm nén nó, mà phải hội nhập nó. Loại bỏ hoàn toàn đau khổ cuối cùng cũng có nghĩa là dập tắt cả tình yêu và khát vọng. Những người yêu thương và khao khát không thể tránh việc trải qua thử thách và đau khổ; và qua nhiều năm tháng, chúng ta mang trong mình những bài học để lại dấu ấn như những vết sẹo, những ký ức về một hành trình được định hình bởi tự do và thất bại, những ước mơ và những chán nản. Chỉ nhờ sự tương tác của những yếu tố này mà những điều kỳ diệu của tâm hồn mới xảy ra bên trong chúng ta, cho phép chúng ta cảm nhận được sự phong phú của nhân tính. [132] Từ bỏ cuộc phiêu lưu này, vừa bi thảm vừa huy hoàng, nhân danh sự siêu việt được cho là vượt qua mọi giới hạn, có thể có những ý nghĩa nào đó, nhưng đó sẽ không còn là con người nữa.

121. Sự hư hỏng đạo đức của những hạn chế nơi chúng ta trong tư cách là những hữu thể thụ tạo – tức sự dữ rõ ràng khuấy động lòng người – tàn phá xã hội và cuộc sống, đôi khi đạt đến những hình thức cực đoan phi nhân tính. Nhưng ngay cả những biểu hiện đau đớn này của những hạn chế nơi chúng ta vẫn mở ra cho điều tốt đẹp. Ngay cả khi con người tự làm mình mất nhân tính và gây ra bi kịch, thì một ánh sáng nhỏ vẫn tiếp tục lóe lên bên trong con người, một ánh sáng có thể được thắp lại, với ân sủng của Chúa, trên con đường hoán cải và hòa giải. Như Viktor Frankl đã ghi nhận xác đáng, trong những khoảnh khắc kinh hoàng, “chúng ta nhận biết sự thật về con người. Sau tất cả, con người là sinh vật đã phát minh ra các phòng hơi ngạt ở Auschwitz; tuy nhiên, anh ta cũng là sinh vật đã bước vào những phòng hơi ngạt đó một cách đĩnh đạc, thầm thì đọc Kinh Lạy Cha hay Kinh Shema Yisrael.” [133]

122. Sự hữu hạn, khi được chân thành chấp nhận, không làm giảm giá trị của chúng ta mà mở ra cho chúng ta khuôn mặt của Thiên Chúa và tha nhân. Thật vậy, chính vì chúng ta kinh nghiệm những giới hạn – tình trạng dễ bị tổn thương, đau khổ và thất bại – mà chúng ta có thể nhận ra phẩm giá bất khả xâm phạm của mỗi người, của chính chúng ta và của người khác. Trong chính kinh nghiệm này, chúng ta vẫn có khả năng trực giác về một tình huynh đệ lớn hơn chính mình và nhận hiểu sự bất công như một điều đáng xấu hổ. Văn hóa và nghệ thuật đích thực bảo tồn tia lửa này, chống lại sự bình thường hóa sự dữ. Vì lý do này, một số tác phẩm đã mang ý nghĩa gần như tiên tri: Bản giao hưởng số 9 của Beethoven có thể được xem như một khát vọng về sự hiệp nhất; Guernica như một tố cáo sự phi nhân hóa; Danh sách Schindler như một lời kêu gọi không được lãng quên quá khứ.

123. Lịch sử không chỉ xuất hiện như một ghi chép về bạo lực của con người, mà còn như bằng chứng cho thấy nhân loại có khả năng tạo ra các cơ chế bảo vệ cuộc sống chung của chúng ta. Trong hai thế kỷ qua, điều này có thể được thấy trong một số thành tựu mang tính biểu tượng: việc thành lập Hội Chữ Thập Đỏ Quốc tế (1863), với tính trung lập trong hoạt động bảo đảm sự chăm sóc nhân ái cho tất cả mọi người; quá trình lâu dài dẫn đến việc bãi bỏ chế độ nô lệ, không chỉ tiêu biểu cho một sự thay đổi về mặt pháp lý mà còn là một sự chuyển hóa về lương tâm; việc thành lập Liên Hiệp Quốc (1945) và Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948), diễn đạt rõ một ngôn ngữ chung để khẳng định, ít nhất là như một lý tưởng chung, về tính phổ quát của phẩm giá con người; và Công ước về Người Tị Nạn năm 1951, công nhận nghĩa vụ bảo vệ những người chạy trốn khỏi sự đàn áp và nguy hiểm. Trong mỗi trường hợp này, khát vọng điều tốt đẹp đã được thể hiện cụ thể trong các bối cảnh công cộng - luật pháp, thể chế và thực hành - có khả năng hạn chế việc lạm dụng quyền lực và bảo vệ những người dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, không một sự phát triển nào trong số này diễn ra mà không gặp phải sự phản kháng, những lợi ích hẹp hòi, hay sự trì trệ thuộc văn hóa. Tiến bộ về mặt đạo đức hầu như luôn diễn ra xuyên qua một hành trình dài và đầy cam go, thường được đánh dấu bằng những cản ngại. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến các tiến trình hòa bình bị đình trệ hoặc việc thực hiện chậm chạp các cam kết về môi trường. Chính sự mong manh của những thành tựu này càng cho thấy trách nhiệm của những người khởi xướng và duy trì chúng thật quý giá biết bao.

124. Một số sự kiện cho thấy rõ rằng lịch sử cũng có thể thay đổi khi các cá nhân thực sự coi trọng phẩm giá của mọi người: phong trào dân quyền ở Hoa Kỳ, gắn liền với lời chứng của Martin Luther King Jr., hay sự chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi sau khi Nelson Mandela được trả tự do và quyết tâm của ông không thí nộ tương lai cho lòng thù hận. Trong những bối cảnh khác nhau, nhiều phụ nữ dũng cảm và quảng đại cũng được thấy nổi bật, bao gồm thánh Laura Montoya, thánh Teresa thành Calcutta, Dorothy Day, Marie Skłodowska-Curie, Maria Montessori, Elisabeth Elliot, Wangari Maathai, Benazir Bhutto và vô số những người khác từ mọi châu lục, những người mà sự cống hiến của họ đã góp phần làm cho lịch sử trở nên nhân văn hơn.

125. Bên cạnh những dấu chỉ công khai này, còn có một câu chuyện kín đáo nhưng mang tầm quyết định hơn. Chúng ta thấy điều đó ở các cộng đoàn tu sĩ chọn phục vụ ở những nơi nghèo khó và nguy hiểm. Chúng ta cũng thấy điều đó ở các vị tuấn đạo của tình huynh đệ và công lý, chẳng hạn như thánh Maximilian Mary Kolbe, thánh Oscar Romero và Chân phước Enrique Angelelli; và nơi những chứng nhân đã thể hiện niềm hy vọng của Tin Mừng cũng như phẩm giá con người giữa những điều kiện khắc nghiệt, thường là vô nhân đạo, như Đáng đáng kính Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Trên hết, điều đó được thấy rõ ở những “vị tuấn đạo của đời sống thường nhật” – những người chăm sóc, giáo dục, đồng hành và an ủi mà không phô trương, như các bậc cha mẹ, y tá, bác sĩ, tình nguyện viên và những người ở bên cạnh người già hoặc người bị ruồng bỏ. Chứng từ của họ cho thấy rằng lòng tốt không tự

nhiên mà có, mà cần sự kiên trì, cần kỷ ước và sự hoán cải nội tâm cần thiết để bắt đầu lại, ngay cả sau thất bại.

126. Chính sự đan kết này của các cơ chế công lý, những chứng nhân đáng tin cậy, và sự trung thành hằng ngày đã nâng đỡ niềm hy vọng và cung cấp hướng đi rõ ràng cho sự tiến bộ công nghệ mà không cho phép trái tim đi thụt lùi. Vì lý do này, nhân tính - với tất cả sự cao cả và tổn thương của nó - không bao giờ bị thay thế hoặc vượt qua. Chúng ta có thể đón nhận sự tiến bộ công nghệ giúp giảm bớt đau khổ và mở ra những khả năng mới, miễn là chúng ta không từ bỏ chính yếu tính của nhân tính, đó là khả năng tương quan và yêu thương. Điều này dẫn đến một câu hỏi quan trọng: nếu tồn tại thật sự cái “hơn cả con người”, thì nó được tìm thấy ở đâu? Đức tin Kitô giáo trả lời câu hỏi đó bằng cách chỉ ra một sự viên mãn không phát sinh từ sự thần thánh hóa công nghệ, mà thông qua ân sủng của Thiên Chúa được đón nhận trong Chúa Kitô.

Cái đích thực “hơn cả con người”: ân sủng và nhân bản Kitô giáo

127. Cụm từ “hơn cả con người” không phải là một lĩnh vực độc quyền của lời hứa công nghệ. Trong nhiều thế kỷ, truyền thống Kitô giáo đã khẳng định rằng con người không bị giới hạn bởi những ranh giới của bản tính riêng của mình; thay vào đó, họ được kêu gọi siêu vượt trên chính mình, không phải qua việc trốn tránh thực tại hay coi thường những giới hạn của mình, mà qua sự viên mãn của mình trong tình yêu. Đức tin nhìn nhận một sự mở ra cho sự “vượt quá”, bắt nguồn từ một ân ban của Thiên Chúa. Sự biến đổi này là công trình của Chúa Thánh Thần. Như thánh Tôma Aquinô đã dạy, quá trình nâng cao và biến đổi này “vượt qua mọi khả năng của bản tính thụ tạo”, [134] vì một khoảng cách vô hạn ngăn cách bản tính hữu hạn của chúng ta với sự sống của Thiên Chúa. [135] Tuy nhiên, vẫn có thể bước vào trung tâm của sự sống vô tận đó, ngay cả khi chúng ta bước đi xuyên qua những giới hạn của thế giới này. Người làm cho cuộc đi qua này có thể xảy ra chỉ có thể là Đấng Vĩnh Cửu, Đấng trao hiến chính mình. Thật vậy, chính Thiên Chúa là Đấng vượt qua sự bất cân xứng “vô hạn”. [136] Trong Ngài, sự tái tạo con người diễn ra. “Ai ở trong Đức Kitô, người ấy là một thụ tạo mới; mọi sự cũ đã qua đi, này, mọi sự đã trở nên mới” (2 Cr 5,17).

128. Khi chúng ta đón nhận khả năng siêu vượt trên chính mình nhờ ân sủng Thiên Chúa, chúng ta không phủ nhận bản tính của mình, cũng không trở nên ít là người hơn. Ngược lại, như Đức giáo hoàng Phanxicô đã giải thích, “Chúng ta trở nên trọn vẹn là con người khi chúng ta trở nên hơn cả con người, khi chúng ta để Thiên Chúa đưa ta vượt trên chính mình để đạt được sự thật trọn vẹn nhất của hữu thể chúng ta.” [137] Đây chính là sự vượt thoát căn bản khỏi những giấc mơ Prometheus: điều cứu rỗi con người không phải là sự tự túc được gia cố, mà là một mối tương quan có sức giải phóng, một sự hiệp thông có sức biến đổi. Trong ánh sáng này, một công nghệ duy chỉ phân loại và khai thác triệt để những gì đã tồn tại có thể - dù không hữu ý - trở thành một cản trở cho sự thay đổi và phát triển. Đối với một

thuật toán, lỗi là một khiếm khuyết cần được sửa chữa; nhưng đối với một người, lỗi có thể là một xúc tác cho sự thay đổi sâu sắc. Tương lai của một người không thể tính toán được, mà phụ thuộc vào sự tự do của người đó - được nâng cao bởi ân sủng vô tận của Chúa - và tùy thuộc vào các mối tương quan được vun xới.

Hai thành phố và hai tình yêu

129. Tư tưởng nhân bản Kitô giáo không bác bỏ khoa học hay công nghệ, mà đón nhận chúng với lòng biết ơn và tinh thần hiện thực, và đặt nền tảng cho chúng trong một ơn gọi cao cả hơn. Trí tuệ sáng tạo của con người là một món quà có thể làm giảm bớt đau khổ và mở ra những khả năng mới, nhưng nó phải luôn được điều hướng nhằm tới công ích, công bằng, sự chăm sóc những người dễ bị tổn thương và công trình tạo dựng. Theo nghĩa này, sự lựa chọn thực sự không phải là giữa sự nhiệt tình và nỗi sợ hãi, mà là giữa hai con đường phát triển: một sự tiến bộ phục vụ các cá nhân và các dân tộc, hoặc một sự tiến bộ khiến họ phải phục tùng não trạng quyền lực. Cuối cùng, câu hỏi then chốt vẫn là câu hỏi do thánh Gioan Phaolô II nêu ra: liệu AI có “làm cho cuộc sống của con người trên trái đất ‘nhân văn hơn’ trong mọi khía cạnh của cuộc sống đó không? Liệu nó có làm cho cuộc sống xứng đáng với con người hơn không?” [138] Nếu câu trả lời là có, thì chúng ta có thể nhìn nhận đó là một cơ hội cần được đón nhận một cách có trách nhiệm, trên con đường kiên nhẫn cùng nhau xây dựng lại, tương tự như việc xây dựng lại Giêrusalem được kể trong sách Nôkhemia. Tuy nhiên, nếu quyền lực gia tăng trong khi trái tim héo úa và các mối liên kết giữa con người rạn nứt, thì chúng ta sẽ phải đối mặt với một hình thức tháp Babel mới - một công trình to tát nhưng về cơ bản lại phi nhân tính.

130. Việc đặt câu hỏi về khả năng con đường tiến bộ này cùng với cách chúng ta diễn giải và sống theo nó cuối cùng là vấn đề xem xét chính trái tim mình. Cách chúng ta hiểu và định hình các mối tương quan, công việc và các cơ chế, trên thực tế cho thấy các giá trị nền tảng của chúng ta. Cuối cùng, tất cả đều xuất phát từ những gì chúng ta trân trọng nhất. Đó là một tình yêu hướng dẫn chúng ta về những gì chúng ta thực sự trân quý, cả với tư cách cá nhân và xã hội, và định hướng cuộc sống và hành động của chúng ta. Thánh Augustinô đã mô tả lịch sử loài người như một cuộc đấu tranh giữa hai tình yêu, tạo ra hai cách sống trong thế giới và sống cùng nhau - hay hai “thành phố”, đó là: một mặt, tình yêu đối với Thiên Chúa và tha nhân; mặt khác, tình yêu ích kỷ đối với bản thân. “Hai tình yêu đã xây dựng nên hai thành phố: thành phố trần gian, tình yêu bản thân đến mức khinh thường Thiên Chúa; thành phố thiên đường, tình yêu đối với Thiên Chúa đến mức khinh miệt bản thân.” [139] Cũng như trong suốt lịch sử, ngày nay hai tình yêu này tiếp tục tranh giành vị trí thống trị trong trái tim chúng ta. Thời đại AI cũng không ngoại lệ: việc xây dựng Tháp Babel hay việc xây dựng lại Giêrusalem bắt đầu từ bên trong mỗi người chúng ta.

CHƯƠNG BỐN - BẢO VỆ NHÂN TÍNH TRONG THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI

- SỰ THẬT, LAO ĐỘNG, TỰ DO

131. Sau khi đã sơ phác bối cảnh mà thách thức của sự chuyển đổi công nghệ được đặt ra, đặc biệt là những thách thức liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI) và các trào lưu chủ nghĩa siêu nhân và hậu nhân bản, chúng ta không thể dừng lại chỉ ở mức độ phân tích tổng quát. Khi ngôn ngữ và công cụ thay đổi, các hành động hàng ngày và các mối tương quan xã hội cũng thay đổi. Vì lý do này, chúng ta phải tập trung vào một số lĩnh vực mà những chuyển đổi này có những hệ quả đặc biệt cụ thể, và đôi khi là bi thảm. Dựa trên các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội của Giáo hội, sự chuyển đổi kỹ thuật số mời gọi chúng ta khám phá lại sự thật như một lợi ích chung, để bảo vệ phẩm giá của lao động và bảo vệ tự do chống lại mọi hình thức lệ thuộc và thương mại hóa.

Sự thật như một lợi ích chung

Sự thật và dân chủ

132. Việc sử dụng các nền tảng kỹ thuật số và các hệ thống AI đang dẫn đến những thay đổi sâu sắc trong giao tiếp công cộng và chính trị. Các công cụ có thể thúc đẩy đối thoại và sự tham gia thường được dùng để xây dựng các câu chuyện bị bóp méo và làm mờ những ranh giới giữa sự thật và sự giả tạo, trộn lẫn các sự kiện với các quan điểm. Thông tin sai lệch không bắt đầu từ AI, nhưng ngày nay nó lại được khuếch đại mạnh mẽ bởi AI. Khả năng thao túng nội dung, hình ảnh và video dẫn mọi người đến những quan điểm thiên vị hoặc gây hiểu lầm. Vấn đề này có cả chiều kích văn hóa và đạo đức, vì chất lượng giao tiếp công cộng phụ thuộc trực tiếp vào niềm tin xã hội và ngược lại, định hình niềm tin đó. Đồng thời, thông tin trung thực không xuất phát từ sự kiểm soát tập trung hoặc tự động. Trong diễn ngôn công cộng, sự thật của các sự kiện có một chiều kích lý tính, vì nó đòi hỏi sự xác minh, sự kiểm tra chéo các nguồn và sự lập luận có trách nhiệm. Hơn nữa, nó mang tính liên hệ sâu sắc, được xây dựng qua các mối liên kết của sự tin tưởng và những thực hành chung, cũng như sự trao đổi trung thực với người khác và với thế giới. Chỉ có việc cùng nhau theo đuổi tính xác thực của các sự kiện, được coi là công ích, mới có thể cung cấp một nền tảng vững chắc cho giao tiếp công bằng.

133. Những người nắm quyền trên các nguồn lực công nghệ và kinh tế mạnh mẽ, cùng với giá trị nhân lực để can thiệp, sẽ sở hữu các khả năng đáng kể trong việc ảnh hưởng đến sự thay đổi văn hóa. Cuối cùng, họ có thể ảnh hưởng đến một số lượng lớn người dân về sự thật về nhân loại, về thế giới, về ý nghĩa của hiện hữu, về gia đình và thậm chí cả về Thiên Chúa. Đây là quyền lực thuần túy tách biệt khỏi sự thật, nó ngấm ngấm hoặc công khai áp đặt những gì nó muốn người khác chấp nhận là đúng. Cội rễ của nó nằm ở một “căn bệnh” sâu xa hơn và thường không được nhận ra: đó là sự kiện rằng “con người hiện đại tin tưởng một cách sai lầm rằng họ là tác giả duy nhất của chính mình, của cuộc sống và xã hội của mình. Đây là một giả định đến từ việc ích kỷ khép kín với chính mình.” [140] Do đó, người ta tin

rằng họ có thể kiến tạo thực tại, và rằng bất cứ điều gì phù hợp nhất với yêu sách của họ đều tương ứng với những gì là đúng. Thánh Gioan Phaolô II đã suy ngẫm về những hậu quả của “cuộc khủng hoảng chân lý” này, đến mức ngài tuyên bố rằng “một khi mất đi ý niệm về một chân lý phổ quát về điều thiện, có thể nhận biết được bằng lý trí con người, thì chắc chắn ý niệm về lương tâm cũng thay đổi.” [141] Trong một bối cảnh như vậy, những chân lý có hiệu lực phổ quát, vốn đi trước chúng ta và lương tâm phải chấp nhận, không còn được công nhận nữa. Điều này đã khiến Đức giáo hoàng Phanxicô đặt câu hỏi một cách hiện thực: “Luật pháp là gì nếu không có niềm xác tín, phát sinh từ sự suy ngẫm lâu đời và sự khôn ngoan vĩ đại, rằng mỗi con người đều thánh thiêng và bất khả xâm phạm?” Ngài kết luận: “Nếu xã hội muốn có tương lai, nó phải tôn trọng sự thật về phẩm giá con người chúng ta và tuân theo sự thật đó. Giết người không phải là sai chỉ vì nó không được xã hội chấp nhận và bị pháp luật trừng phạt, mà là vì một niềm xác tín sâu xa hơn. Đây là một sự thật không thể thương lượng mà người ta đạt được bằng cách sử dụng lý trí và được chấp nhận trong lương tâm. Một xã hội cao quý và tử tế, trước hết vì nó ủng hộ việc theo đuổi sự thật và nó tuân thủ những sự thật cơ bản nhất.” [142]

134. Tìm kiếm sự thật là một yếu tố thiết yếu của nền dân chủ, bản thân nền dân chủ là một phương tiện đóng góp vào công ích. Khi những câu hỏi về sự thật mất đi sức hấp dẫn, và chủ nghĩa thực dụng chiếm ưu thế, bằng lòng với những gì có vẻ hữu ích hoặc hiệu quả, thì đời sống dân chủ sẽ suy yếu. Xét cho cùng, dân chủ không chỉ bao gồm các quy tắc và các qui trình, mà trên hết là sự tương hợp vững chắc với thực tế, và là một sự dân thân thực sự cho thiện ích của các cá nhân và toàn xã hội. Sự thờ ơ với sự thật sẽ từ từ nhưng chắc chắn dẫn đến sự suy thoái thành chế độ toàn trị. Như triết gia Hannah Arendt đã viết, đối tượng lý tưởng của những chế độ như vậy không phải là những người cuồng nhiệt ý thức hệ, cho bằng là “những người mà đối với họ sự phân biệt giữa sự kiện và hư cấu (tức là thực tại của kinh nghiệm) và sự phân biệt giữa đúng và sai (tức là các chuẩn mực tư duy) không còn tồn tại nữa”. [143]

Truyền thông và trí tưởng tượng tập thể

135. Theo đó, thật quan trọng phải nhớ rằng truyền thông “không chỉ là việc truyền tải thông tin, mà còn là việc kiến tạo một nền văn hóa.” [144] Nội dung lưu hành trong các môi trường kỹ thuật số định hình cách người ta nhận thức thế giới và đưa vào ý thức tập thể những hình ảnh và câu chuyện định hướng các mong muốn của chúng ta và ảnh hưởng đến các lựa chọn hàng ngày của ta. Đây “không phải là một thế giới song song hay hoàn toàn ảo,” [145] vì những gì bắt nguồn từ trực tuyến giờ đây trở thành một phần cuộc sống của người ta, đặc biệt là những người trẻ tuổi.

136. Vì lý do này, những người kiểm soát các nền tảng kỹ thuật số và phương tiện truyền thông có khả năng đáng kể để ảnh hưởng đến trí tưởng tượng tập thể và trình bày một tầm nhìn cụ thể về thực tại như là điều đáng mong muốn. Quyền lực như vậy cần luôn luôn được hướng dẫn bởi việc theo đuổi sự thật và sự tôn trọng phẩm giá con người, để nền văn hóa được nuôi dưỡng trên internet không trở

thành một công cụ gây xao nhãng quá mức, đồng nhất hóa hoặc thống trị, mà là một môi trường trong đó tự do nội tâm và tư duy phê bình có thể trưởng thành.

Hướng tới một hệ sinh thái truyền thông

137. Nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta không phải là lên án hay tôn sùng các công cụ công nghệ, mà là sử dụng chúng trên cơ sở một nguyên tắc cơ bản, đó là, sự thật là lợi ích chung chứ không phải là tài sản của những người có quyền lực hay ảnh hưởng. Do đó, chúng ta phải thúc đẩy một hệ sinh thái truyền thông. Ở cấp độ chính sách công, điều này bao gồm việc thiết lập các chuẩn mực để việc ra quyết định đằng sau việc lựa chọn nội dung và việc phát triển nó trở nên minh bạch hơn và bảo vệ các dữ liệu cá nhân. Về các khía cạnh xã hội và văn hóa, điều này đòi hỏi phải tăng cường các tổ chức trung gian, báo chí nghiêm túc và các diễn đàn tranh luận, nơi mà sự lập luận có lý lẽ và sự xác minh có trọng lượng lớn hơn phản ứng tức thời. Đối với gia đình và trường học, ngày càng có nhu cầu về nhận thức giáo dục mới và về việc đào tạo để sử dụng đúng đắn và có phê bình các công cụ kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng thương mại và tài chính trực tuyến. Tại các trường đại học, thách thức chính nằm ở việc hội nhập kiến thức, trau dồi cả khả năng kết nối và tổng hợp kiến thức để nắm bắt sự phức tạp, và các kỹ năng cần thiết để xác minh các dữ kiện.

138. Các cộng đồng Kitô giáo cũng được kêu gọi cam kết minh bạch trong truyền thông và theo đuổi các sự kiện một cách trung thực. Đáng buồn thay, điều này không phải luôn luôn xảy ra. Chúng ta đã xâu xé chứng kiến sự xuất hiện của những sự thật đau lòng liên quan đến ngay cả các thành viên của Giáo hội và các thực thể trong Giáo hội. Đặc biệt, một số nhà báo, được thúc đẩy bởi niềm đam mê sự thật, đã đóng một vai trò quan trọng trong việc đưa những bất công và những lạm dụng ra ánh sáng. Tôi muốn nhắc lại những lời mà Đức giáo hoàng Phanxicô đã nói với các nhà báo: “Tôi cũng cảm ơn các bạn vì những gì các bạn nói với chúng tôi về những điều sai trái trong Giáo hội, vì đã giúp chúng tôi không che giấu nó, và vì tiếng nói mà các bạn đã nói thay cho các nạn nhân bị lạm dụng.” [146] Tuy nhiên, sự cảnh giác và minh bạch vẫn là trách nhiệm nặng nề hàng đầu của chính Giáo hội, và chúng ta không được chờ đợi người khác buộc chúng ta phải đối mặt với những sự thật khó chịu về chính mình.

Một liên minh giáo dục cho thời đại kỹ thuật số

139. Trong một thời đại mà sự thật thường bị bóp méo để phục vụ các lợi ích và các chiến lược truyền thông riêng, lĩnh vực giáo dục có tầm quan trọng quyết định. Tuy nhiên, những chuyển đổi công nghệ nhanh chóng cho thấy chúng ta chưa chuẩn bị tốt lắm ở bình diện giáo dục. Sự phổ biến của phương tiện truyền thông kỹ thuật số thúc đẩy một nền văn hóa tức thời và kích thích quá mức, dẫn đến sự mệt mỏi, chán chường và thờ ơ đối với nỗ lực cần thiết để tìm kiếm sự thật.

140. Trong khi đó, giáo dục là một hành trình dài đòi hỏi sự kiên nhẫn, và do đó cần thời gian để phát triển và gắn kết với thực tế vượt quá những vẻ bề ngoài. Đây là một vấn đề cơ bản bởi vì mọi công

nghệ đều định hình những người sử dụng nó. Vì thế, việc giáo dục mọi người về việc sử dụng AI bao gồm việc dạy họ quyết định khi nào và với mục đích gì thì không nên sử dụng nó. Tốc độ và sự dễ dàng trong việc đạt được những câu trả lời hay những bản tóm tắt có nguy cơ làm triệt tiêu mong muốn đặt câu hỏi, vốn là một quá trình cần phải có thời gian mới mang lại kết quả. Như Plato đã viết, những điều sâu sắc và quan trọng nhất chỉ được học sau nhiều thời gian và nỗ lực, bằng cách tham gia thảo luận với người khác, cùng nhau “đánh vào” những ý tưởng và những kinh nghiệm như đá lửa cho đến khi tia lửa hiểu biết được thắp lên trong chúng ta. [147] Do đó, chúng ta phải học cách kiềm chế việc sử dụng AI và bảo vệ những người trẻ của chúng ta khỏi lời hứa về cỗ máy hoàn hảo, khỏi sự cám dỗ tinh tế làm cho tư duy của con người dường như trở nên thừa thãi đúng khi mà nó được cần đến nhất.

141. Trong những năm gần đây, các tài liệu tâm lý và tâm thần học đã ghi nhận với sự nhấn mạnh ngày càng tăng về việc tiếp xúc sớm và không được giám sát với các thiết bị kỹ thuật số và mạng xã hội có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giấc ngủ, khả năng tập trung, kiểm soát cảm xúc và các mối tương quan, đặc biệt là trong những giai đoạn dễ bị tổn thương nhất của cuộc đời, đôi khi với những hậu quả bi thảm. Điều này càng trở nên trầm trọng hơn do dễ dàng tiếp cận với nội dung bạo lực hoặc hạ thấp nhân phẩm gây phản cảm, với chất liệu khiêu dâm và ám ảnh tình dục, với những thông điệp lăng nhục cơ thể và cảm xúc, và với những đề xuất bình thường hóa hành vi rủi ro. Các hiện tượng trực tuyến như dụ dỗ, tống tiền và bóc lột tình dục trẻ vị thành niên không phải là hiếm gặp, và trở nên nguy hiểm hơn do việc sử dụng các hồ sơ giả mạo, những thuật toán tạo điều kiện cho việc liên lạc nguy hiểm và các công cụ AI có khả năng thao túng các hình ảnh và video. Việc sở hữu thiết bị di động cá nhân ở độ tuổi quá sớm và sử dụng chúng mà không có sự giám sát của người lớn có thể làm trầm trọng thêm tình trạng dễ bị tổn thương của giới trẻ, thúc đẩy chứng nghiện và khiến họ bị cô lập, bị bắt nạt ngoài đời và trên mạng, cũng như bị áp lực phải chia sẻ hình ảnh riêng tư hoặc thông tin nhạy cảm.

142. Cha mẹ khó có thể tự mình chống lại ảnh hưởng của các mô hình kinh doanh kiếm tiền từ sự chú ý và thời gian. Do đó, điều thiết yếu là phải hình thành một liên minh giữa các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức giáo dục và gia đình có khả năng hỗ trợ cụ thể cho người lớn trong nhiệm vụ này. Cần có các chính sách công có tầm nhìn xa để chống lại lợi ích trước mắt của các nền tảng, được tập trung trong tay một số ít người, khi chúng xung đột với ích lợi của trẻ vị thành niên. Về phương diện này, sự can thiệp của các nhà lập pháp là phù hợp để đặt ra giới hạn độ tuổi, buộc các nhà cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm thay vì chuyển toàn bộ gánh nặng kiểm soát sang gia đình, và để cung cấp các biện pháp bảo vệ đặc biệt chống lại tất cả các hình thức bóc lột tình dục và bạo lực trực tuyến. Như vậy, trẻ em và thanh thiếu niên, những người được giao phó cho sự chăm sóc của chúng ta, có thể thực sự được bảo vệ như một kho báu quý giá. [148] Đồng thời, cũng cần phải dạy trẻ em, thanh thiếu niên và người trẻ tuổi cách nhận biết sự thao túng, cách bảo vệ phẩm giá của mình và tôn trọng phẩm giá của người khác trong môi trường kỹ thuật số. [149]

Vai trò trung tâm của các trường học

143. Trường học là nơi mà các thế hệ trẻ có thể học cách tìm kiếm và yêu mến sự thật, suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc sống, và nhận ra phẩm giá của mỗi người. Vì lý do này, nhiều bậc cha mẹ - những người muốn con cái mình phát triển khả năng hình thành các mối tương quan, phát triển các kỹ năng tư duy phê bình, và nắm bắt các giá trị vững chắc - đặt những kỳ vọng lớn vào trường học như những đối tác quý giá trong việc giáo dục con cái họ. Tuy nhiên, cha mẹ có quyền chính yếu và bất khả nhượng trong việc lựa chọn loại hình giáo dục và đào tạo cho con cái của họ, theo cách phù hợp với niềm tin đạo đức, văn hóa và tôn giáo của họ. Ngày nay, môi trường giáo dục đang phải đối mặt với một số thách thức cấp bách.

144. Thách thức đầu tiên là về mặt chính trị-xã hội. Cả trong mỗi quốc gia và trên khắp các khu vực khác nhau trên thế giới, vẫn tồn tại những bất bình đẳng đáng kể liên quan đến việc tiếp cận giáo dục cơ sở và giáo dục đại học. Ở nhiều quốc gia, các chính phủ vẫn chưa đầu tư các nguồn lực cần thiết để bảo đảm chất lượng giáo dục cho tất cả mọi người, dù bằng cách hỗ trợ thích đáng hệ thống trường công lập hay bằng cách hỗ trợ các cơ sở tư nhân cung cấp dịch vụ thiết yếu này. Khi một phần đáng kể của giáo dục, ở các cấp khác nhau, được giao cho các cơ sở tư nhân, việc tiếp cận giáo dục có thể trở nên phụ thuộc quá nhiều vào khả năng tài chính của gia đình, đặc biệt là khi thiếu sự hỗ trợ thích đáng từ phía nhà nước. Trước nguy cơ này, điều quan trọng là phải nhìn nhận và khuyến khích sự đóng góp của nhiều cơ sở giáo dục Công giáo tư nhân, những nơi bảo đảm sự tiếp cận toàn diện cho trẻ em và thanh thiếu niên thuộc mọi hoàn cảnh, ngay cả khi hoàn cảnh kinh tế của gia đình không cho phép điều đó.

145. Thách thức lớn thứ hai là về mặt sư phạm. Nhiều hệ thống giáo dục phải vật lộn để theo kịp sự thay đổi và hỗ trợ sự phát triển toàn diện của học sinh. Sự tiến bộ của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo đang nhanh chóng làm cho các chương trình giảng dạy được thiết kế cho một thời đại khác trở nên lỗi thời. Trong khi đó, việc tổ chức trường học, không gian vật lý, phương pháp đánh giá và vai trò của chính giáo viên cần được xem xét lại để thúc đẩy một nền giáo dục toàn diện đích thực, đáp ứng mọi khía cạnh của con người. Cần hỗ trợ việc huấn luyện thường xuyên cho giáo viên trong suốt cuộc đời nghề nghiệp của họ, để họ có thể tích cực tiếp cận với các công nghệ mới, giúp học sinh sử dụng chúng một cách có trách nhiệm, có phê bình và một cách sáng tạo, thay vì thụ động chịu ảnh hưởng của chúng.

146. Thách thức lớn thứ ba là về trí tuệ và liên quan đến kiến thức. Nếu không chú ý cẩn thận, một hệ thống giáo dục thiếu tình yêu đối với sự thật có thể xuất hiện, trong đó một dòng chảy thông tin không ngừng thay thế cho việc thực hành nghiên cứu, suy ngẫm và phân biệt cần thiết. Khi kiến thức ngày càng bị phân mảnh, sẽ trở nên khó khăn việc nắm bắt thực tại một cách toàn diện, việc đặt ra những câu hỏi sâu sắc về ý nghĩa, hay việc phát triển tư duy đích thực, có phê bình và sáng tạo. Nhiều nhà giáo dục đã báo cáo những dấu hiệu của sự phi nhân hóa, nơi người ta có thể “biết nhiều thứ” nhưng lại khó

tìm được hướng đi trong cuộc sống, một phần do thiếu khả năng để kết nối thông tin với kiến thức sâu sắc hơn hay để duy trì cảm thức về mục đích. Cần có một thái độ thực sự lành mạnh, đòi hỏi những nhịp điệu kết hợp sự tĩnh lặng, tập trung nghiên cứu, đọc sách và phân tích thận trọng, bởi vì nếu thiếu những yếu tố này, sự tự do bên trong có thể bị phương hại.

147. Học thuyết Xã hội của Giáo hội mời gọi các gia đình, trường học, các cộng đồng Kitô giáo và các tổ chức công cộng hình thành một liên minh giáo dục mới. Điều này được hình thành khi các nguyên tắc nền tảng được chuyển thành các mục tiêu giáo dục, bao gồm việc dạy cho học sinh ý thức về sự tiết chế và giới hạn; về sự nhìn nhận người khác và các thể hệ tương lai có quyền được hưởng những điều tốt đẹp được cung cấp cho chúng ta hoặc được tạo ra bởi tài năng của con người; về tự do và trách nhiệm; về một cảm thức siêu việt và về công ích. Các trường học không được kêu gọi chạy theo nhịp độ của thế giới kỹ thuật số, mà là cung cấp những gì mà chính lĩnh vực kỹ thuật số không thể cung cấp, đó là thời gian chung để học tập và để phát triển các mối tương quan đáng tin cậy.

Phẩm giá của lao động trong thời đại chuyển đổi kỹ thuật số

Giá trị của lao động

148. Kể từ khi Học thuyết Xã hội ra đời, bắt đầu với Rerum Novarum, Giáo hội đã nhấn mạnh việc bảo vệ người lao động và nhu cầu chống lại mọi hình thức bóc lột. Tuy nhiên, trên hết, Huấn quyền nhận ra trong lao động chiếc “chìa khóa thiết yếu” [150] để hiểu toàn bộ vấn đề xã hội, vì chính thông qua lao động của mình mà các cá nhân phát triển nhiều chiều kích của hiện hữu. Trong cái nhìn này, chúng ta có thể hiểu được trực giác tuyệt vời của thánh Bênêđictô xứ Nursia, người đã kết hợp cầu nguyện và lao động, cho thấy hoạt động hàng ngày là một phần sự đáp trả của con người trong tiếng gọi của Thiên Chúa. Được tạo dựng theo hình ảnh của Đấng Tạo Hóa, lao động của chúng ta cách nào đó tiếp nối công việc của Ngài, bởi vì nhờ đó chúng ta đóng góp vào sự tiến bộ của xã hội và công ích, sử dụng tốt những khả năng mà chúng ta đã nhận được, cải thiện và làm đẹp thế giới, hỗ trợ gia đình chúng ta, tham gia vào các mối tương quan hợp tác và - thông qua lắng nghe và đối thoại - học cách cùng nhau xây dựng điều gì đó mà không ai có thể đạt được một mình.

149. Vì những lý do này, công việc không duy chỉ là một công cụ; nó thể hiện và nâng cao phẩm giá cuộc sống của chúng ta. Nó là một yêu cầu của thân phận con người, một con đường hướng tới sự trưởng thành, phát triển và sự hoàn thiện cá nhân. Về phương diện này, việc hỗ trợ tài chính cho người nghèo đôi khi có thể cần thiết trong trường hợp khẩn cấp, nhưng nó không thể trở thành sự đáp ứng duy nhất, vì mục tiêu là giúp mỗi người có thể sống một cách có phẩm giá thông qua công việc của chính mình. [151]

150. Ngày nay, sự hội tụ của tự động hóa, robot và trí tuệ nhân tạo đang nhanh chóng biến đổi chính cấu trúc công việc. Người ta nói rằng điều này sẽ mang lại những cải tiến lớn cho tất cả mọi người.

Tuy nhiên, trong thực tế, “những cách thức mới” làm việc không nhất thiết tốt hơn, bởi vì “trong khi trí tuệ nhân tạo hứa hẹn sẽ thúc đẩy năng suất bằng cách đảm nhận các nhiệm vụ đơn điệu, nó thường buộc người lao động phải thích nghi với tốc độ và các yêu cầu của máy móc, thay vì máy móc được thiết kế để hỗ trợ những người làm việc. Kết quả là, trái ngược với những lợi ích được quảng cáo của trí tuệ nhân tạo, các phương pháp tiếp cận công nghệ hiện tại có thể một cách nghịch lý làm suy giảm kỹ năng của người lao động, khiến họ bị giám sát tự động và bị đẩy vào các phần việc cứng nhắc và lặp đi lặp lại. Nhu cầu theo kịp tốc độ của công nghệ có thể làm xói mòn ý thức tác động (agency) của người lao động, và kìm hãm các khả năng đổi mới mà họ được kỳ vọng mang lại cho công việc của mình.” [152] Chính là để tránh sự trôi dạt này, cần phải thiết kế các hệ thống lấy con người làm trung tâm chứ không chỉ tập trung vào hiệu suất.

Vấn đề thất nghiệp

151. Thánh Gioan Phaolô II nhận ra rằng thất nghiệp là một sự dữ nghiêm trọng. Thật vậy, khi nó đạt đến những quy mô khổng lồ, nó trở thành một thảm họa xã hội thực sự, đặc biệt đòi hỏi Nhà nước phải thực thi trách nhiệm. [153] Ngày nay, ở giữa “cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư”, mối lo ngại này thậm chí còn gay gắt hơn, vì sự đổi mới thường chỉ được theo đuổi để giảm chi phí và tăng lợi nhuận. [154] Trong một số bối cảnh, có một nỗi sợ chính đáng về sự thu hẹp đáng kể và nhanh chóng về số lượng việc làm sẵn có, điều này sẽ tạo ra một phản ứng dây chuyền ảnh hưởng sâu sắc đến các gia đình, những người trẻ và nền kinh tế địa phương. Trong nhiều lĩnh vực, điều này đã có thể được nhìn thấy nơi các hình thức mới của sự bất ổn và bất bình đẳng về việc làm, đặc trưng bởi mức lương quá cao cho một thiếu số chuyên môn cao cùng với mức lương giảm đối với phần lớn lực lượng lao động.

152. Chắc chắn là rất đáng mong muốn công nghệ giúp con người thoát khỏi những phần việc khó nhọc, lặp đi lặp lại hoặc nguy hiểm, và cung cấp sự hỗ trợ thông minh cho hoạt động của con người. Tuy nhiên, việc bảo vệ cơ hội việc làm và vai trò không thể thay thế của cá nhân vẫn phải là nguyên tắc chung. Việc theo đuổi lợi nhuận lớn hơn không thể biện minh cho những lựa chọn hy sinh việc làm một cách có hệ thống, bởi vì con người là một mục đích chứ không phải một phương tiện, và trật tự kinh tế phải luôn phụ thuộc vào phẩm giá con người và công ích.

153. Đồng thời, chúng ta phải thừa nhận rằng mọi quá trình chuyển đổi thực sự đều bao gồm những gián đoạn, bởi vì nó không đồng đều, rời rạc và đôi khi xung đột. Do đó, không tồn tại một mô hình thay đổi duy nhất hay giải pháp phổ quát nào, vì có những nơi và tình huống đòi hỏi những đáp ứng khác nhau. Với sự bất bình đẳng đặc trưng của thế giới chúng ta, sự lan rộng của trí tuệ nhân tạo và các hệ thống tính toán tạo ra những tác động khác nhau ở những nơi khác nhau. Các xã hội giàu có tự động hóa nhanh chóng và hỗn loạn, làm giảm nhu cầu về lực lượng lao động và tạo ra tình trạng thất nghiệp và ma sát thể chế. Ngược lại, các vùng rộng lớn trên thế giới vẫn bị mắc kẹt trong nền kinh tế hỗn hợp,

nơi lao động lương thấp của con người và công nghệ chưa hoàn thiện cùng tồn tại mà không đạt được sự chuyển đổi thực sự. Những khu vực này trở thành nơi có lao động bấp bênh, và là điểm nóng của sự bất ổn và di cư cưỡng bức. Do đó, cần phải tìm kiếm các giải pháp ở cấp quốc gia và địa phương thông qua sự liên can của các cộng đồng trung gian. Chúng ta cần các công cụ giúp thích ứng, bao gồm các mô hình được cấu trúc tốt, các sáng kiến địa phương, sự tiến hành phân phối lại và các quyền mới về tiếp cận hàng hóa thiết yếu. Trong khi không theo đuổi một sự hài hòa trừu tượng, chúng ta phải xây dựng các hình thức cụ thể cho sự chung sống của con người tại thời điểm chuyển đổi này.

154. Lao động vẫn là một chiều kích nền tảng của kinh nghiệm con người, bởi vì nó không chỉ là phương tiện sinh kế mà còn là bối cảnh cho sự thể hiện bản thân, các mối tương quan và sự đóng góp cho cộng đồng. Do đó, các vấn đề liên quan đến lao động không dừng lại chỉ ở thu nhập cần thiết cho sự sống còn của gia đình. Một xã hội dù có trình độ phát triển kỹ thuật cao mà chỉ bảo đảm việc làm cho một phần nhỏ dân số thì sẽ có nguy cơ nhiều người bị buộc phải nhàn rỗi, thiếu trách nhiệm và thiếu các nhiệm vụ và động lực hàng ngày, dẫn đến sự nghèo nàn về nhân tính và văn hóa. Điều này tạo ra một nghịch lý về tiến bộ vật chất và thoái hóa nhân học, làm suy yếu những nền tảng của một nền hòa bình xã hội công bằng và ổn định. Vì lý do này, Học thuyết Xã hội của Giáo hội nhấn mạnh rằng sự tiếp cận việc làm cho tất cả mọi người phải là ưu tiên hàng đầu trong các chính sách công và các quá trình kinh tế, đóng vai trò một tiêu chí để đánh giá chất lượng nhân văn của bất kỳ mô hình phát triển nào. [155] Hơn nữa, ở những khu vực trên thế giới nơi công việc có xu hướng giảm hoặc thay đổi mạnh mẽ do các quy trình công nghệ và tổ chức nằm ngoài tầm kiểm soát dân chủ, chúng ta phải suy nghĩ lại về bản chất của lao động và mối liên hệ của nó với quyền công dân, bảo đảm rằng tình trạng thất nghiệp không gây nguy hiểm cho sự tham gia xã hội.

155. Dựa trên xác tín này, chúng ta có thể trân trọng hơn lịch sử của Học thuyết Xã hội của Giáo hội sau Rerum Novarum. Các sáng kiến xuất phát từ truyền thống ấy, bao gồm các hiệp hội, công đoàn, hợp tác xã và các tổ chức phúc lợi, đã góp phần quyết định vào việc cải thiện luật lao động, bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất và thúc đẩy các điều kiện nhân đạo hơn. [156] Tuy nhiên, ngày nay những công cụ này tự chúng không còn đủ để đối mặt với những biến đổi do AI, do tổ chức thị trường mới và tính cạnh tranh hiểm khi quan tâm đến sự bền vững xã hội. Cần có những nỗ lực hợp tác mới giữa các nhà lãnh đạo chính trị, các tổ chức lao động, giới kinh doanh và cộng đồng khoa học, để nhanh chóng phát triển các quy định và các biện pháp bảo vệ chung phù hợp, kể cả ở cấp độ quốc tế. [157] Các công đoàn, mà Giáo hội luôn ủng hộ, được kêu gọi phải mở ra với các loại hình việc làm mới và các nhu cầu tương ứng của người làm việc, để đại diện cho họ và bảo vệ họ. Trong bối cảnh này, nếu không có những quyết định dũng cảm, viễn cảnh nghèo đói và bất bình đẳng gia tăng sẽ hiện ra rõ rệt, điều này sẽ khiến nhiều cá nhân bị gạt ra ngoài lề, bị bỏ rơi và bị bao vây bởi máy móc và các hệ thống tự động đã thay thế họ.

156. Trong giai đoạn chuyển đổi này, chỉ phản ứng khi các việc làm biến mất thì chưa đủ; chúng ta phải giám sát quá trình chuyển đổi từ trước. Một con đường khả thi là trước hết thiết lập các tiêu chí xã hội cho sự đổi mới. Ở đây, mỗi lần ứng dụng tự động hóa và trí tuệ nhân tạo cần phải đi kèm với các biện pháp có thể kiểm chứng để bảo vệ việc làm, sự đào tạo lại và sự tham gia của người lao động. Bằng cách này, công nghệ sẽ hướng đến việc giải phóng thời gian và các khả năng của con người, thay vì dẫn đến sự loại trừ. Thứ hai, chúng ta cần các chính sách chủ động giúp cho việc đào tạo liên tục và chuyển đổi nghề nghiệp trở nên dễ tiếp cận với tất cả mọi người, bảo đảm rằng chi phí thích ứng không đổ dồn chỉ trên các cá nhân. Cuối cùng, cần có cam kết của doanh nghiệp trong việc đưa chất lượng và phẩm giá lao động vào trong các chỉ số thành công của mình. Khi những có được những điều kiện này, sự đổi mới có thể là một đồng minh của công việc an toàn hơn, sáng tạo hơn và có phẩm giá hơn; còn nếu không có các điều kiện ấy, đổi mới sẽ có dễ trở thành yếu tố thúc đẩy sự bất công.

Một nền kinh tế coi trọng phẩm giá

157. Thị trường lao động là một lĩnh vực mà các rủi ro gắn với các công nghệ mới sẽ xuất hiện rõ ràng hơn. Do đó, cần phải nhớ rằng tự do kinh tế không phải là tuyệt đối; nó phải luôn được cân nhắc dựa trên công ích và phẩm giá của mọi người. Sáng kiến kinh doanh có thể là một thiên chức thực sự, tạo ra của cải và cải thiện cuộc sống, chứ không phải là một biến số chỉ phụ thuộc vào lợi nhuận. Điều này là có thể khi nó nhìn nhận rằng việc tạo ra những công việc có phẩm giá và đáng quý là một phần thiết yếu trong việc phục vụ của nó đối với xã hội. [158]

158. Với tinh thần ngôn sứ, Giáo hoàng Phanxicô đã cảnh báo chống lại một sự tự do kinh tế chỉ được tuyên bố bằng lời nói, trong khi các điều kiện thực tế ngăn cản nhiều người hưởng lợi từ nó. [159] Các mô hình kinh tế đề cao hiệu năng và thành công cá nhân thường coi việc đầu tư vào những người thiệt thòi hoặc những người có con đường phát triển chậm hơn là vô ích hoặc bất tiện, như thể tương lai của họ chỉ phụ thuộc vào khả năng theo kịp những “người chiến thắng”. Trong thực tế, một xã hội công bằng đòi hỏi một Nhà nước cảnh giác và các thể chế dân sự có khả năng vượt qua nỗi trăn trối duy hiệu năng, và bảo đảm rằng các nguồn lực, các giải pháp sáng tạo và các quy định sẽ ưu tiên những người dễ bị tổn thương nhất. [160] Thay vì chờ đợi những lợi ích của tăng trưởng cuối cùng đạt đến với người nghèo, cần phải đưa ra các quyết định để bảo đảm rằng sự tăng trưởng sẽ trở nên bao gồm ngay từ đầu. Kinh nghiệm của những thập niên gần đây cho thấy rằng trong các cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính, người nghèo luôn là người phải trả giá cao nhất, trong khi những lý thuyết hứa hẹn sẽ tự động xảy ra sự thịnh vượng chung thường được thấy là ảo tưởng.

159. Điều quan trọng là phải vượt quá các thước đo phát triển hiện tại – mà trong hơn tám mươi năm qua đã gắn liền với khái niệm Tổng Sản Phẩm Quốc Nội (GDP) - vì những thước đo này hầu như bỏ qua một cách có hệ thống các khía cạnh thiết yếu đối với phúc lợi toàn diện của con người và môi

trường. Việc phát triển các thông số và thước đo bổ sung cho GDP là rất quan trọng để cải thiện các cơ sở dữ liệu được dùng cho việc phân tích, ra quyết định chính trị và kinh tế cũng như thiết lập các ưu tiên khu vực, quốc gia và quốc tế. Việc giới thiệu các thông số mới sẽ cho phép đánh giá toàn diện và kịp thời về cách mà các quyết định lập pháp và các quy định tác động đến phẩm giá của lao động, sự thịnh vượng chung, sự giảm thiểu bất bình đẳng và bảo vệ môi trường. Nó cũng sẽ ảnh hưởng đến khái niệm về phát triển, các quá trình giáo dục, các tâm thế và công luận, cũng như về hòa bình, vốn chỉ thực sự tồn tại khi đặt nền trên công lý.

160. Trong những năm gần đây, tài chính ngày càng trở nên quan trọng và trải qua những đổi mới đáng kể, một phần do sự ra đời của tiền điện tử. Những suy ngẫm và ghi nhận trong giáo huấn của các vị tiền nhiệm của tôi, nhất là trong các Thông điệp của các ngài, đã nhấn mạnh rằng lĩnh vực trung gian tài chính, “khi hoạt động mà không có những nền tảng nhân học và đạo đức cần thiết, thì không chỉ dẫn đến những lạm dụng và bất công rõ ràng, mà còn cho thấy khả năng tạo ra khủng hoảng kinh tế mang tính hệ thống và toàn cầu.” [161] Tương tự như vậy là trường hợp thu nhập từ vốn có nguy cơ thay thế thu nhập từ lao động, điều thường chỉ ở rìa của các lợi ích chính của hệ thống kinh tế. Nhưng tiết kiệm được chuyển đổi thành tín dụng cho nền kinh tế thực, từ đó tạo ra cả việc làm được thuê mướn lẫn việc làm tự do, vẫn là yếu tố trung tâm cho sự phát triển và các khoản đầu tư phải đi kèm với các quá trình chuyển đổi đang diễn ra. Chức năng xã hội của tín dụng vẫn không thể thay thế. Tài chính vì lợi ích của chính nó thì về cơ bản khác với tài chính nhắm đến sự phát triển, sáng tạo và tiến hóa của công việc.

161. Quan điểm này cần phải trở thành một phần của tầm nhìn rộng hơn về động lực toàn cầu. Trong khi của cải của thế giới đã tăng lên về mặt tuyệt đối, nó ngày càng tập trung vào tay một số ít người, làm gia tăng bất bình đẳng cả trong và giữa các quốc gia. “Có một số ít người có quá nhiều, và quá nhiều người có quá ít, đó là logic của ngày nay.” [162] Những tiến bộ khoa học và công nghệ, ngay cả trong lĩnh vực y tế, không dễ tiếp cận với đại đa số người dân, như đã được chứng minh một cách rõ ràng trong đại dịch gần đây. Trong khi một số khu vực chi tiêu mạnh tay cho các can thiệp không cần thiết, hoặc các giấc mơ về việc thăng tiến cá nhân chỉ dành cho một số ít người được chọn, thì các khu vực khác trên thế giới lại thiếu các thiết bị thiết yếu cần thiết để cứu sống hàng triệu người. Nghĩ rằng các công nghệ mới sẽ tự động mang lại lợi ích cho tất cả mọi người, đó là đã bỏ qua bằng chứng. Trừ khi những chuyển đổi ở giai đoạn thiết kế dành ưu tiên cho việc ngăn ngừa những bất bình đẳng nhiều hơn và mới hơn, tiến bộ công nghệ chắc chắn sẽ tạo ra những bất bình đẳng về cấu trúc. Ngày nay, sự công bằng đòi hỏi sự tiếp cận những lợi ích của đổi mới, bao gồm sự chăm sóc, kiến thức, các công cụ và các cơ hội.

162. Các luật và các phương pháp phân phối lại công bằng chắc chắn là cần thiết để khắc phục những sự mất cân bằng, bao gồm cả hệ thống thuế làm giảm gánh nặng cho những người yếu nhất và yêu cầu nhiều hơn từ những người có nhiều nguồn lực hơn. Tuy nhiên, việc theo đuổi công bằng xã hội không

nên được coi là một vấn đề tách biệt chỉ xuất hiện sau khi tạo ra của cải, như thể nền kinh tế tồn tại chỉ để tạo ra của cải, và các chính trị gia chỉ can thiệp sau đó để phân phối nó. Thực tế, công bằng liên quan đến mọi giai đoạn của hoạt động kinh tế, từ việc thu thập tài nguyên đến tài chính, và từ sản xuất đến tiêu dùng; mọi lựa chọn đều có những hệ quả về mặt đạo đức. [163]

163. Hơn bao giờ hết, trong thời đại AI và robot, không còn có thể chỉ dựa vào “bàn tay vô hình” của thị trường. [164] Chính trị có nhiệm vụ định hướng các nền kinh tế và các công nghệ hướng tới công ích, thúc đẩy công việc làm xứng phẩm giá, sự hòa nhập xã hội và sự phân phối công bằng lợi ích của sự đổi mới. Vì nhiều quyết định kinh tế vượt qua các biên giới quốc gia, nên cũng cần có sự hợp tác quốc tế có khả năng xác định các chiến lược chung, đặc biệt là ưu tiên cho những quốc gia và người dân dễ bị tổn thương nhất, để thúc đẩy phát triển và khắc phục sự phụ thuộc vào phúc lợi. Tư duy đằng sau những lựa chọn này là phẩm giá khôn lường của mỗi người, công ích, và một thể giới thực sự được quản trị cho tất cả mọi người. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa hòa bình và phát triển, như những lời tiên tri của thánh Phaolô VI vào năm 1967, [165] vẫn còn áp dụng cho đến ngày nay, bởi vì sự thịnh vượng chỉ góp phần xây dựng và củng cố hòa bình nếu nó được phổ biến rộng rãi, bao trùm và bền vững.

164. Về mặt thực hành, trong thời đại trí tuệ nhân tạo và robot, việc bảo đảm rằng nền kinh tế ưu tiên cho phẩm giá con người có nghĩa là phải áp dụng một số tiêu chí nhất định để hành động kiên quyết. Thứ nhất, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: khi dữ liệu và thuật toán ảnh hưởng đến việc phân phối tín dụng, sự lựa chọn nhân sự hay sự tiếp cận các dịch vụ và các cơ hội, thì điều cần thiết là các quyết định phải dễ hiểu, có thể tranh luận và chịu sự giám sát, để các cá nhân không bị giảm xuống chỉ còn là những hồ sơ đơn thuần. Thứ hai, tính bao gồm và khả năng tiếp cận: các lợi ích của sự đổi mới phải đi kèm với các khoản đầu tư vào kỹ năng, hạ tầng và các dịch vụ thiết yếu, để bảo đảm rằng công nghệ không làm gia tăng khoảng cách giữa những người có và những người không có. Cuối cùng, các biện pháp để bảo đảm sự công bằng: thuế, bảo trợ xã hội và các chính sách công nghiệp phải khắc phục những sự mất cân bằng do sự tập trung của cải và quyền lực tạo ra. Thực vậy, những tiêu chí này không phải là sự ngáng trở đổi mới; đúng hơn, chúng làm cho sự đổi mới trở nên văn minh và nhân đạo.

Gia đình và giới trẻ: các điều kiện xã hội cho niềm hy vọng

165. Gia đình là một thiện ích xã hội cơ bản. Được xây dựng trên sự kết hợp bền vững giữa một người nam và một người nữ, nó là môi trường đầu tiên trong đó mọi người phát triển tiềm năng của mình, nhận thức được phẩm giá của họ và học được những hình thức sơ khai nhất của chân lý và sự thiện, hấp thu những thói quen chuẩn bị cho họ cuộc sống trong xã hội. [166] Là xã hội tự nhiên đầu tiên, được phú ban những quyền cơ bản, gia đình là tế bào nền tảng và không thể thay thế của mọi tổ chức cộng đồng. [167] Do đó, khi các dự án chính trị và các quyết định kinh tế lớn đẩy gia đình xuống vai trò thứ yếu hoặc gạt ra bên lề, thì sự phát triển đích thực của toàn bộ xã hội bị tổn hại. [168]

166. Tuy nhiên, gia đình là một thiện ích xã hội dễ bị tổn thương, chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi những chuyển đổi kinh tế và công nghệ đang định hình lại bản chất của công việc. Do đó, nó cần sự hỗ trợ về văn hóa, pháp lý và kinh tế. Tác động tàn phá của tình trạng thất nghiệp và bất ổn về việc làm đối với cấu trúc gia đình là điều ai cũng rõ. Trong ngắn hạn, việc giảm chi phí lao động hay việc tối đa hóa hiệu quả tài chính có vẻ có lợi, nhưng về lâu dài, điều này làm suy yếu chính những nền tảng của sự chung sống xã hội. Trong khi những thành công về công nghệ được ca ngợi, cấu trúc xã hội bị xói mòn dần dần, như thể bởi một loại virus thầm lặng.

167. Đối với người trẻ, tình trạng việc làm không ổn định là đặc biệt tàn khốc. Như các giám mục của Hoa Kỳ đã nhắc lại, công việc không duy chỉ là nguồn thu nhập mà còn là một cảnh vực quan trọng, nơi hình thành căn tính, vun đắp tình bạn và các mối tương quan, học hỏi trách nhiệm thực tiễn và nhận ra ơn gọi của mình. [169] Khi sự tiếp cận việc làm bị cản trở bởi tỷ lệ thất nghiệp cao, bởi hệ thống đào tạo không tương xứng, hoặc bởi các rào cản về cơ cấu, nhiều người trẻ nhận thấy con đường dẫn đến sự viên mãn về con người và nghề nghiệp của họ bị chặn lại. Nhu cầu thay đổi công việc nhiều lần trong cuộc đời đòi hỏi phải cung cấp sự cập nhật thường xuyên và sự đào tạo lại liên tục, để các thế hệ trẻ có thể đối mặt một cách vững vàng và độc lập với những rủi ro của một môi trường kinh tế vừa thay đổi vừa thường khó lường. [170]

168. Điều này làm phát sinh một trách nhiệm công cộng cụ thể. Nhà nước có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động kinh doanh bằng cách thúc đẩy các điều kiện thuận lợi cho việc làm, khuyến khích việc làm ở những nơi còn thiếu việc làm và bảo vệ nó trong thời kỳ khủng hoảng, vì nó là một thiện ích cơ bản cho gia đình và xã hội. [171] Cách riêng trong một thời đại chuyển đổi công nghệ liên tục, chúng ta cần một năng lực sáng tạo về chính trị để thúc đẩy “công việc”, và đặt gia đình và các thế hệ tương lai vào trung tâm; nếu không, sự tiến bộ kinh tế của chúng ta sẽ chuyển thành những hình thức bất ổn và loại trừ mới.

169. Việc hỗ trợ các gia đình và người trẻ trong quá trình chuyển đổi này đòi hỏi những lựa chọn giúp cho việc ổn định trở nên khả thi. Như đã lưu ý ở trên, các chính sách lao động cần thúc đẩy tính liên tục và chất lượng của việc làm, chống lại tình trạng bất an như một điều kiện sống bình thường, và khuyến khích các con đường thực tiễn để gia nhập lực lượng lao động và thăng tiến nghề nghiệp. Thứ hai, cần có các biện pháp để đảm bảo một lối sống lành mạnh, bởi vì nếu không có sự cân bằng thích hợp giữa công việc, giải trí và nghỉ ngơi, gia đình sẽ suy yếu và người trẻ sẽ khó phát triển ý thức trách nhiệm. Hơn nữa, điều thiết yếu là đầu tư vào giáo dục và đào tạo lại một cách dễ tiếp cận, để sự dịch chuyển nghề nghiệp do nền kinh tế kỹ thuật số yêu cầu không trở thành sự chọn lọc khắc nghiệt giữa những người có thể cập nhật kỹ năng của họ và những người không thể. Cuối cùng, các mối gắn bó xã hội cần được hỗ trợ, với các mạng lưới và các cộng đồng giáo dục đồng hành với các lựa chọn trong cuộc sống và ngăn ngừa sự bất ổn dẫn đến cô đơn hay nghiện ngập. Nếu được thực hiện, những chuyển đổi công

nghệ này có thể được xúc tiến mà không làm suy yếu khả năng xây dựng tương lai, điều làm nên sự thịnh vượng của một xã hội.

Bảo vệ tự do chống lại sự phụ thuộc và thương mại hóa

Những sự phụ thuộc và việc kiểm soát xã hội

170. Sau khi đã suy ngẫm về sự thật và giáo dục, công việc và gia đình, giờ đây chúng ta phải xem xét tác động của cuộc cách mạng kỹ thuật số đối với tự do của con người, đề cập các rủi ro đối với cả sức khỏe tâm thần của cá nhân lẫn những thách thức xã hội rộng lớn hơn. Không nên đánh giá thấp các hình thức nghiện ngập tinh vi hơn gắn với “nền kinh tế chú ý kỹ thuật số”, vì các nền tảng và các dịch vụ thường được thiết kế để thu hút thời gian và sự chú ý của người dùng, khai thác các điểm yếu của họ và làm suy yếu tự do nội tâm của họ. Khi các mô hình kinh doanh phát triển mạnh dựa trên điểm yếu của con người, con người được coi là một phương tiện chứ không phải là một cứu cánh; những người thiết kế hoặc tài trợ cho các hệ thống như vậy phải chịu trách nhiệm đạo đức không thể bỏ qua. Cần khẩn cấp thúc đẩy các công nghệ giúp củng cố sự tự do nội tâm bằng cách thúc đẩy giáo dục về sự tỉnh táo kỹ thuật số và bảo vệ trẻ vị thành niên, từ đó chống lại các mô hình khai thác điểm yếu.

171. Một nguy cơ khác, ít được nhận thấy hơn nhưng không kém nghiêm trọng, là sự kiểm soát xã hội được thực hiện nhờ việc thu thập dữ liệu khổng lồ và sử dụng các hệ thống thuật toán. Khi mọi hành động - di chuyển, mua sắm, các mối tương quan và các sở thích - đều để lại dấu vết, một dạng quyền lực mới xuất hiện, đó là quyền lực lập hồ sơ, dự đoán và tác động đến hành vi, mà thường các cá nhân không hoàn toàn nhận thức được. Nếu những loại dữ liệu này được sử dụng để đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến các cơ hội cụ thể - như tiếp cận tín dụng, việc làm hoặc các dịch vụ thiết yếu - thì có nguy cơ làm suy yếu tự do và phân biệt đối xử với những người dễ bị tổn thương nhất. Hơn nữa, sự kiểm soát được thực hiện không chỉ thông qua các lệnh cấm rõ ràng, mà còn thông qua cấu trúc hiển thị: điều gì được khuếch đại hoặc làm thành vô hình, điều gì được khen thưởng hoặc bị trừng phạt, cuối cùng sẽ định hình các ý kiến và các lựa chọn, thúc đẩy sự tuân thủ và tự kiểm duyệt. Vì lý do này, tự do trong thời đại kỹ thuật số không chỉ là vấn đề nội tâm mà còn là mối quan tâm của cộng đồng. Nó đòi hỏi các quy tắc rõ ràng, tính minh bạch, khả năng khiếu nại và những giới hạn tương xứng đối với việc sử dụng các công nghệ xâm phạm, để công nghệ vẫn phục vụ con người chứ không trở thành một hình thức kiểm soát lương tâm.

172. Gốc rễ của những vấn đề này nằm ở tư duy kỹ trị và hậu nhân văn, có xu hướng coi con người như một đồ vật để thao túng hay một nguồn lực để tận dụng, [172] loại bỏ mọi biện pháp bảo vệ chống lại việc theo đuổi lợi nhuận không kiểm soát. Điều chiếm ưu thế là hiệu quả, chứ không phải là sự tôn trọng tự do và phẩm giá con người. Một số trào lưu hậu nhân văn thậm chí còn đi xa đến mức hình dung ra những con người “hạng hai”, lệ thuộc vào lợi ích của giới tinh hoa tự cho mình là thượng đẳng.

Viễn cảnh đáng lo ngại này càng trở nên càng nghiêm trọng hơn khi kết hợp với các công cụ công nghệ làm tăng khả năng kiểm soát và lựa chọn theo cấp số nhân. Ngay cả một số hình thức nợ nần thuộc cơ cấu, điều kìm giữ toàn bộ những dân tộc trong tình trạng phụ thuộc, cũng phản ánh cùng một tư duy, dưới những hình thức mới, dung túng cho các mối tương quan lệ thuộc tương tự như chế độ nô lệ.

Phá vỡ xiềng xích của những hình thức nô lệ mới

173. Cái nhìn méo mó này về con người ngày nay được phản ánh trong nhiều hình thức nô dịch nối kết trực tiếp với nền kinh tế kỹ thuật số. Không có gì trong thế giới AI là phi vật chất hay kỳ diệu. Mỗi phản hồi dường như tức thì và hoàn hảo đều là kết quả của một chuỗi trung gian dài, liên quan đến các mạng lưới rộng lớn về tài nguyên thiên nhiên, hạ tầng năng lượng, và trên hết là con người. Một phần đáng kể hoạt động của nền kinh tế kỹ thuật số dựa vào công việc thầm lặng của hàng triệu người tham gia vào các hoạt động thiết yếu nhưng phần lớn không được nhìn thấy, chẳng hạn như gán nhãn dữ liệu, đào tạo mô hình và kiểm duyệt nội dung, thường liên quan đến các tài liệu gây khó chịu. Trong nhiều trường hợp, những người lao động này là những người trẻ tuổi, chủ yếu là phụ nữ, làm việc trong những điều kiện khắc nghiệt với mức lương tối thiểu. Thêm vào lao động vô hình này là công việc thậm chí còn khắc nghiệt hơn, đó là khai thác các nguồn tài nguyên cần thiết cho việc sản xuất các thiết bị và bộ vi xử lý mà AI phụ thuộc vào. Ở một số vùng trên thế giới, trẻ em và thanh thiếu niên làm việc trong những điều kiện nguy hiểm, nghiền nát các nguyên liệu để chiết xuất các nguyên tố đất hiếm. Cơ thể của những người này bị sẹo, bị thương và kiệt sức để dòng chảy tính toán có thể tiếp tục và không bị gián đoạn. Hơn nữa, các mạng lưới tội phạm sử dụng các nền tảng trực tuyến, các hệ thống nhắn tin, các phương thức thanh toán ẩn danh và kỹ thuật lập hồ sơ để tuyển mộ, kiểm soát và vận chuyển nạn nhân buôn người - rất thường là trẻ vị thành niên - biến đàn ông và phụ nữ thành “dữ liệu” để theo dõi và những “gói hàng” để di chuyển trong cùng các mạch kỹ thuật số hỗ trợ phần lớn nền kinh tế toàn cầu. Thực tế này đặt ra thách thức sâu sắc đối với lương tâm đạo đức của thời đại chúng ta. Thật không đủ việc chỉ viện dẫn hiệu quả, hay chỉ ca ngợi lợi ích của sự đổi mới, nếu chúng được xây dựng trên một chuỗi bóc lột vẫn được cố tình che giấu. Nếu công nghệ hứa hẹn sự giải phóng, nhưng lại tạo ra các hình thức lệ thuộc toàn cầu mới, thì nó mâu thuẫn với nguyên tắc cơ bản về phẩm giá con người.

174. Cuộc chiến chống lại các hình thức nô lệ mới là một thử thách quyết định đối với sự phân định đạo đức của AI và sự chuyển đổi kỹ thuật số. Tiếp nối truyền thống do Đức giáo hoàng Lê-ô XIII khởi xướng, Giáo hội tái khẳng định sự lên án mạnh mẽ của mình đối với mọi hình thức nô lệ, buôn người và biến con người thành hàng hóa. Giáo hội cũng nhấn mạnh cần phải cấp thiết suy ngẫm và hành động nhằm giữ gìn phẩm giá bất khả nhượng của mỗi con người và công ích, vốn vừa là trọng tâm vừa là mục tiêu của xã hội, đồng thời là tiêu chí hướng dẫn cho mọi lựa chọn cá nhân, xã hội và chính trị. Nếu không có sự suy ngẫm về đạo đức và nhân văn này, quyền lực ngày càng tăng của các hệ thống kỹ

thuật số có thể dẫn chúng ta đến những hành động tàn bạo mới đáng xấu hổ không kém so với những hành động trong quá khứ mà chúng ta hiện đang lên án, trong khi chúng ta tiếp tục tự xưng là những xã hội “tiên tiến” và “văn minh”.

175. Buôn người phải được nhìn nhận là một hình thức nô lệ hiện đại và là sự vi phạm nghiêm trọng phẩm giá con người. Không phản ứng kiên quyết, hoặc dung túng những thực hành này dưới bất kỳ hình thức nào, đều đồng nghĩa với việc trở thành đồng lõa với những tội lỗi ngày nay, tương tự như những tội lỗi trong quá khứ khi chế độ nô lệ được che giấu và được biện minh. [173]

176. Trong quá trình phát triển giáo lý của mình, Giáo hội đã dần dần nhận thức sâu sắc hơn về mức độ nghiêm trọng của những vấn đề này. Đúng là không thể đánh giá các sự kiện quá khứ một cách lệch niên đại, như thể các tiêu chí đạo đức đã trưởng thành theo thời gian luôn luôn có sẵn. Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể phủ nhận hoặc giảm nhẹ sự chậm trễ của cả xã hội và Giáo hội trong việc lên án tai họa của chế độ nô lệ. Trong thời cổ đại và Trung Cổ, nhiều cá nhân và thậm chí cả các tổ chức giáo hội đều có nô lệ. Thời cận đại, Tòa Thánh Roma, đáp lại yêu cầu từ các vua chúa, đã can thiệp nhiều lần để điều chỉnh và hợp pháp hóa các hình thức khuất phục, và trong một số trường hợp, là việc nô dịch những người “bất tín”. [174] Chỉ đến thế kỷ XIX, một sự lên án chính thức, tuyệt đối và phổ quát đối với chế độ nô lệ mới được nêu rõ ràng, đặc biệt là dưới thời Giáo hoàng Lê-ô XIII. [175] Sự phát triển này cung cấp một ví dụ rõ ràng về sự trưởng thành của Giáo hội trong việc nhận thức những chân lý vĩnh cửu của Mặc Khải mà Giáo hội bảo vệ. Mặc dù không phải lúc nào cũng có sự nhất quán trong thực tiễn - do chế độ nô lệ đã được dung thứ trong một thời gian dài trước khi bị lên án một cách dứt khoát - nhưng xuyên suốt lịch sử, phẩm giá của mỗi con người, được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa, luôn được khẳng định một cách liên tục, ngay cả khi phải mất mười tám thế kỷ để sự không tương thích hoàn toàn của nó với chế độ nô lệ được nhìn nhận một cách rõ ràng. Điều này tạo thành một vết thương trong ký ức Kitô giáo, một vết thương mà chúng ta không thể coi mình như không dính líu. [176] Không thể không cảm thấy đau buồn sâu sắc khi chiêm nghiệm về sự đau khổ và sỉ nhục lớn lao mà rất nhiều người phải chịu đựng, trái ngược hoàn toàn với phẩm giá vô bờ bến của họ với tư cách là những người được Chúa yêu thương vô hạn. Vì điều này, nhân danh Giáo hội, tôi thành tâm xin tha thứ.

177. Đây là lý do tại sao ký ức về sự đồng lõa và mù quáng trong quá khứ trước sự bất công của chế độ nô lệ trở thành lời kêu gọi cảnh giác. Những gì chúng ta đã học được phải chuyển hóa thành sự phân định và trách nhiệm trong hiện tại. Nếu chúng ta muốn tránh việc phải xin lỗi một lần nữa trong tương lai vì đã không tôn trọng kho báu phẩm giá con người mà đức tin của chúng ta đòi hỏi, thì ngày nay chúng ta phải lên án một cách rõ ràng và kiên quyết nạn buôn người dưới nhiều hình thức - và cùng với tất cả những người dân thân cho chính nghĩa này, chúng ta hỗ trợ những nỗ lực cụ thể để phòng ngừa, bảo vệ, giải phóng và phục hồi.

178. Ngay cả ngày nay, chủ nghĩa thực dân vẫn mang những hình thức mới. Nó không còn chỉ thống trị thân xác mà còn chiếm đoạt dữ liệu, biến cuộc sống cá nhân người ta thành thông tin có thể khai thác. Toàn bộ các khu vực, đặc biệt là những khu vực có cấu trúc yếu kém và tầm quan trọng địa chính trị hạn chế, hiện đang phải chịu một tư duy khai thác mới: đó là dữ liệu sức khỏe, hồ sơ dịch tễ học, bản đồ gen và thông tin nhân khẩu học. Những dữ liệu này đã trở thành “đất hiếm” mới của quyền lực: các dữ liệu quan trọng cốt yếu, một khi được tổng hợp và phân tích, có thể được sử dụng để đào tạo các mô hình dự đoán, hướng dẫn chiến lược đầu tư, dự báo khủng hoảng và trên hết, xác định ai và điều gì được coi là quan trọng. Những người kiểm soát dữ liệu sức khỏe của toàn dân - thường được thu thập dưới chiêu bài viện trợ, nghiên cứu hoặc đổi mới - sở hữu một đòn bẩy cấu trúc đối với tương lai, vì họ có thể định hình nhu cầu và thị trường. Họ cũng có thể quyết định, trước những người khác, về thuốc men, đầu tư và sự bảo vệ sẽ được phân bổ cho ai. Đây là một trong những thách thức đạo đức cấp bách nhất của thời đại chúng ta: bảo đảm rằng kiến thức được chia sẻ trở thành một lợi ích chung thực sự chứ không phải là một công cụ thống trị. Điều này đòi hỏi phải khôi phục cho cá nhân không chỉ dữ liệu mô tả về họ, mà còn cả khả năng quyết định cách thức sử dụng nó, ai sử dụng, và vì lợi ích của ai. Nếu không, thời đại kỹ thuật số sẽ không phải là hậu thực dân, mà là thực dân dưới một hình thức khác.

179. Các hình thức nô lệ mới được thúc đẩy bởi các chuỗi kinh tế và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật số. Do đó, cần phải hành động trên nhiều mặt trận. Thứ nhất, các chuỗi cung ứng hỗ trợ ngành công nghệ và nền kinh tế kỹ thuật số cần trở nên minh bạch hơn, để không có lợi thế cạnh tranh nào được xây dựng trên sự bóc lột ngầm. Thứ hai, các công ty và nhà đầu tư cần áp dụng các tiêu chí rõ ràng cho việc xác minh đạo đức mang tính phòng ngừa (thẩm định cần thiết), đặt ưu tiên hàng đầu là sự bảo vệ người lao động, chống lại lao động cưỡng bức và đánh giá tác động xã hội của các mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu. Hơn nữa, các nền tảng kỹ thuật số phải hợp tác một cách có trách nhiệm với chính quyền và xã hội dân sự để ngăn chặn các công cụ giao tiếp, thanh toán và lập hồ sơ khỏi trở thành những kênh tuyển dụng và kiểm soát nạn nhân. Khi những nỗ lực này hội tụ, môi trường kỹ thuật số có thể được chuyển đổi từ một không gian bóc lột thành không gian bảo vệ, phòng ngừa và thúc đẩy phẩm giá con người.

Một trách nhiệm cùng chia sẻ

180. Các lĩnh vực khác nhau vừa được xem xét - việc tìm kiếm sự thật trong đời sống công cộng, giáo dục trong môi trường kỹ thuật số, sự chuyển đổi của công việc, sự mong manh của gia đình và các hình thức nô lệ mới - không phải là những hiện tượng riêng lẻ. Đúng hơn, chúng phản ánh một vấn đề cơ bản chung, đó là nếu công nghệ trở thành tiêu chí tối thượng, con người có nguy cơ bị giảm xuống thành dữ liệu, một bánh răng trong máy móc hoặc một mặt hàng. Còn nếu công nghệ được hội nhập với một tầm nhìn khôn ngoan, nó có thể trở thành một công cụ thúc đẩy sự trưởng thành, sự công bằng và tình huynh đệ.

181. Từ quan điểm này, Học thuyết Xã hội của Giáo hội kêu gọi một trách nhiệm chung. Theo đó, các quá trình này phải được hướng dẫn bằng tầm nhìn xa: bởi các cơ chế có khả năng điều tiết mà không bóp nghẹt, và bảo vệ mà không chiếm đoạt; bởi các doanh nghiệp nhìn nhận lao động và phẩm giá là những thước đo thành công; bởi các tổ chức trung gian và các cộng đồng giáo dục xây dựng lại niềm tin và các mối tương quan; và bởi những công dân phát huy trách nhiệm, sự tiết chế, khả năng phân định và cảm thức về sự thật. Chỉ bằng cách này, sự đổi mới mới thực sự phục vụ sự phát triển toàn diện của con người, thay vì trở thành nguồn gốc của sự loại trừ và thống trị. Và chỉ bằng cách này, lời hứa hẹn về sự tiến bộ mới được công nhận là chân thực, bởi vì nó được đo lường dựa trên phẩm giá bất khả xâm phạm của mỗi người nam nữ.

CHƯƠNG NĂM - NỀN VĂN HÓA QUYỀN LỰC VÀ NỀN VĂN MINH TÌNH THƯƠNG

182. Sau khi xem xét cách thức mà trí tuệ nhân tạo (AI) đang biến đổi một số khía cạnh của cuộc sống và xã hội, cách riêng là những hệ lụy nghiêm trọng đối với phẩm giá con người, giờ đây chúng ta phải chuyển sự chú ý sang vấn đề bi thảm hơn nữa là chiến tranh. Ở đây, câu hỏi không chỉ đơn thuần là hiệu quả của các công cụ mới, mà còn là nguy cơ mà công nghệ, khi tách rời khỏi đạo đức và trách nhiệm, sẽ khiến các quyết định về sự sống và cái chết trở nên nhanh chóng và vô cảm hơn, và sẽ biến việc sử dụng vũ lực thành một lựa chọn tức thời và khả thi. Trong một thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, hòa bình không chỉ là một vấn đề trong số nhiều vấn đề khác, mà là điều kiện tiên quyết cho lợi ích chung toàn cầu và là thước đo sự trưởng thành về mặt đạo đức của các dân tộc, đặc biệt là những người có trách nhiệm quản trị.

183. Cuộc cách mạng kỹ thuật số đang thay đổi bản chất của xung đột. Bên cạnh chiến tranh qui ước thông thường, còn có các hình thức hỗn hợp như tấn công mạng, thao túng thông tin, các chiến dịch gây ảnh hưởng và sự tự động hóa các quyết định chiến lược. AI đóng vai trò là yếu tố thúc đẩy trong các quá trình này, đặc biệt là trong bối cảnh nhiều công nghệ vốn dĩ mang tính mơ hồ. Do đó, những gì được tạo ra để phòng thủ có thể nhanh chóng được dùng lại cho mục đích tấn công, và ranh giới mong manh giữa bảo vệ và xâm lược trở nên mờ nhạt. Trong khi AI có thể tăng cường phòng thủ và bảo vệ dân thường, nó cũng có thể làm giảm ngưỡng sử dụng vũ lực, che chắn cho người ta khỏi trách nhiệm và nuôi dưỡng một nền văn hóa trong đó kẻ thù bị giảm xuống thành một con số thống kê và nạn nhân trở thành “thiệt hại ngoài dự kiến”. Đối mặt với những chuyển đổi này, chúng ta phải nhớ lại các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội - phẩm giá của con người, công ích, mục đích phổ quát của của cải, tính bổ trợ, sự liên đới và công lý - bởi vì chúng là những tiêu chí để đánh giá xem công nghệ có thực sự phục vụ

nhân loại hay đang khuất phục nhân loại. Do đó, chúng ta nên coi những nguyên tắc này như những hướng dẫn cho việc ra quyết định của mình.

184. Vì vậy, trong chương này, tôi sẽ so sánh hai cách tiếp cận đối lập, mà tôi đã đề cập thông qua hình ảnh Kinh Thánh trong phần Giới thiệu. Một mặt, có sự cám dỗ của việc xây dựng Tháp Babel, dựa vào quyền lực và lòng kiêu hãnh. Mặt khác, cần phải kiên nhẫn để xây dựng lại Giêrusalem “từng phần một”, như trong thời Nokhemia, bằng cách bảo vệ nhân tính và công ích.

185. Nếu chúng ta xem xét động lực toàn cầu, chúng ta có thể nhận ra rõ hơn sự lan rộng của một nền văn hóa quyền lực đặc trưng bởi sự phân cực và bạo lực. Tháp Babel hiện đại có thể được nhìn thấy không chỉ trong kiểu thức kỹ trị toàn cầu hóa, mà còn trong cuộc xung đột từ xa giữa các đế chế đối lập, giữa các cường quốc muốn duy trì quyền lực tối cao của mình và những cường quốc khao khát giành lấy quyền lực tối cao đó, dẫn đến vô số xung đột cục bộ. Hơn nữa, dường như không có giới hạn nào cho cuộc chạy đua - được thúc đẩy bởi một tham vọng phi nhân tính - để phát triển các công nghệ ngày càng mạnh mẽ hơn hoặc để giành quyền kiểm soát chúng. Tuy nhiên, bất chấp vòng xoáy đi xuống này, chúng ta cũng có thể thấy một phần lớn nhân loại đang cố gắng giữ vững nhân tính và làm việc để xây dựng thành đô thánh của sự chung sống và hòa bình. Rất thường, chúng ta là những người xây dựng vô tâm và những kiến trúc sư vụng về của thành phố này, có khả năng thực hiện những cử chỉ hào phóng nhưng thiếu tầm nhìn tổng thể. Dự án xây dựng này diễn ra chậm hơn, ít được chú ý hơn và ít ngoạn mục hơn, và cần một nhận thức tốt hơn cũng như sự phối hợp chặt chẽ hơn, để nó có thể trở thành trách nhiệm rõ ràng và có ý thức của mọi cộng đồng, từ gia đình đến Nhà nước, và mối quan hệ giữa các quốc gia. Chính triển vọng của sự cam kết này, công trường xây dựng của hy vọng này, là điều mà chúng ta gọi là “nền văn minh tình thương”.

Nền văn minh tình thương trong thời đại kỹ thuật số

186. Khi thánh Phaolô VI đặt ra cụm từ “nền văn minh tình thương”, [177] thế giới đang ở giữa Chiến tranh Lạnh, một cuộc chạy đua vũ trang và sự bất ổn kinh tế nghiêm trọng. Trong bối cảnh đó, Giáo hội đã đề xuất một con đường thay thế cho con đường đối lập ý thức hệ giữa các hệ thống, và hình dung ra một trật tự xã hội trong đó công bình và bác ái đan kết nhau và tình yêu trở thành nguyên tắc hướng dẫn của đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa. Ngày nay, chúng ta phải kiên quyết khôi phục tầm nhìn này, vì nền văn minh tình thương không phải là một ảo tưởng ngây thơ, mà là một dự án đầy thách thức, bao gồm việc chuyển dịch bác ái thành các cấu trúc công lý, tạo hình thức thể chế cho tình huynh đệ và coi những người khác - các cá nhân hay các dân tộc - là những đồng minh cần thiết để xây dựng công ích. Như Thông điệp Fratelli Tutti đã nhắc nhở chúng ta, chỉ tình yêu có tính xã hội này mới có khả năng trở thành một nền văn hóa và một chuẩn mực, và nhờ đó mang lại một trật tự quốc tế ổn định, biến sự chung sống với duy chỉ vũ trang thành một cộng đồng có cùng một tương lai. [178]

187. Cái nhìn sâu sắc này càng trở nên nền tảng hơn trong bối cảnh chuyển đổi kỹ thuật số hiện nay. Mạng lưới kỹ thuật số, nền kinh tế toàn cầu hóa và sự phát triển của AI tạo ra những mối liên kết ngày càng chặt chẽ, nối kết - trong thời gian thực - các quyết định được đưa ra ở một nơi với những tác động mà chúng tạo ra ở nơi khác. Theo nghĩa này, những lời của Công đồng Vatican II về sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng giữa các dân tộc vẫn còn tính thời sự, bởi vì công ích đang mang một chiều kích ngày càng phổ quát, với các quyền và các nghĩa vụ liên quan đến toàn thể gia đình nhân loại. [179] Do đó, dự án về một nền văn minh tình thương phải đảm nhận nhiệm vụ chuyển đổi sự phụ thuộc lẫn nhau do áp đặt này thành một sự liên đới do tự nguyện lựa chọn. Đây là nguyên tắc chỉ đạo cho các quy trình công nghệ: thật không đủ nếu trí tuệ nhân tạo chỉ làm cho chúng ta có hiệu năng hơn hay được kết nối hơn; nó còn phải phục vụ để xây dựng một gia đình nhân loại phổ quát, với các quyền và nghĩa vụ cùng chia sẻ, nơi sự gắn gũi kỹ thuật số trở thành một cơ hội thực sự để gặp gỡ và chăm sóc lẫn nhau.

Nền văn hóa quyền lực

188. Trong thời của chúng ta, một nền văn hóa quyền lực đang hình thành, trong đó sự sẵn có của các nguồn lực và khả năng thống trị có xu hướng quyết định nghị trình và các tiêu chí ra quyết định. Theo cách này, công ích của con người bị đẩy xuống hàng thứ yếu và thậm chí cụ thể của các dân tộc trong chiến tranh bị giảm xuống thành một mối quan tâm thứ yếu so với các lợi ích chiến lược. Văn hóa quyền lực này thâm nhập vào xã hội, thay đổi các mối tương quan và các hành vi, và phát triển bằng cách bình thường hóa chiến tranh, theo đuổi sức mạnh quân sự ngày càng lớn, lợi dụng cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa đa phương và nuôi dưỡng một chủ nghĩa hiện thực sai lầm khẳng định rằng không có lựa chọn nào khác.

Sự bình thường hóa chiến tranh

189. Vào năm 1965, những lời của thánh Phaolô VI vang vọng mạnh mẽ tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc: “Không bao giờ chiến tranh nữa, không bao giờ chiến tranh nữa!” [180] Chúng ta phải thừa nhận rằng, bất chấp những khát vọng và những tuyên bố về hòa bình, sáu mươi năm qua đã được đánh dấu bằng các cuộc xung đột với mức độ tàn bạo đáng kinh ngạc, thường ảnh hưởng đến dân thường trên quy mô lớn, dẫn đến cái chết của những nạn nhân vô tội, sự di dời hàng loạt, sự bất ổn xã hội và những vết thương lâu dài. Tuy nhiên, trong diễn ngôn công cộng, có một niềm tin rộng rãi rằng chiến tranh vẫn nên là biện pháp cuối cùng, tuân theo các giới hạn đạo đức và pháp lý nghiêm ngặt, và luôn hướng tới một tầm nhìn chính trị về hòa bình. Sau những diễn biến trong giai đoạn ngay sau Chiến tranh thế giới Thứ nhất, một bước ngoặt đã xảy ra sau Chiến tranh thế giới Thứ hai: hòa bình trở thành tâm điểm của trật tự quốc tế, như được chứng thực đặc biệt bởi Hiến chương Liên Hiệp Quốc, với ý định “cứu các thế hệ kế tiếp khỏi tai họa chiến tranh”. [181] Tương tự, nhiều hiến pháp quốc gia đã hạn chế việc sử dụng vũ lực, ngoại trừ trong những trường hợp cực đoan nhưng với giới hạn nghiêm ngặt. Ngay cả trong Chiến

tranh Lạnh, bất chấp sự tồn tại của các xung đột nghiêm trọng, vẫn còn nhận thức rằng một cuộc chiến tranh thế giới mới phải được tránh bằng mọi giá.

190. Tuy nhiên, ngày nay, chúng ta đang chứng kiến một sự thay đổi kiểu thức thực sự trong diễn ngôn công cộng và trong các quyết định liên quan đến tái vũ trang, với sự trỗi dậy đáng lo ngại của chiến tranh như một công cụ của chính trị quốc tế, trong khi chính những nguyên tắc đạo đức trước đây từng hạn chế việc sử dụng nó nay đang bị xói mòn. Các xung đột khu vực kéo dài theo thời gian, các căng thẳng leo thang và các mối đe dọa qua lại đang trở nên gần như phổ biến, và các hình thức xung đột do mong muốn bành trướng lãnh thổ mà người ta cho rằng đã được khắc phục thì nay đang xuất hiện trở lại. Công luận đang dần bị định hình và chi phối bởi các câu chuyện truyền thông phân cực, thường được khuếch đại bởi các thuật toán thiên về xung đột và đối đầu.

191. Chúng ta cũng đang chứng kiến sự mất mát đáng lo ngại về ký ức lịch sử, khi các lời kể trực tiếp về Holocaust và hai Thế chiến đang biến mất. Điều này dẫn đến việc viết lại quá khứ một cách có chọn lọc hoặc bị bóp méo, trong bối cảnh tin giả và việc thao túng các câu chuyện che khuất những bài học đã được rút ra. Nếu không có ký ức sống động về những nỗi kinh hoàng của chiến tranh, các quyết định chính trị có nguy cơ được đưa ra chỉ dựa trên quyền lực, mà không xem xét đến các hậu quả lâu dài.

192. Bên cạnh tất cả những điều ấy, phương tiện truyền thông và các chiêu kích kỹ thuật số đang bổ sung thêm những yếu tố mới và mang tính quyết định. Các mạng lưới truyền thông, các môi trường thông tin phân mảnh và các thuật toán khuyến khích xung đột có thể khuếch đại sự phân cực và thù hận, gia tăng tuyên truyền và làm cho việc phân định chung trở nên khó khăn hơn. Do đó, chiến tranh không chỉ được tiến hành mà còn được định hình về mặt văn hóa thông qua những câu chuyện đơn giản hóa, qua não trạng ‘bạn hay thù’, qua thông tin sai lệch và nỗi sợ hãi. Khi ký ức lịch sử phai nhạt và các nguyên tắc đạo đức bảo vệ thường dân và những người dễ bị tổn thương nhất bị suy yếu, người ta dễ đi đến biện minh cho bạo lực như là điều cần thiết, như là không thể tránh khỏi, hoặc thậm chí gọi đó là “khử trùng”. Chính trong bối cảnh này, nhân loại đang trượt vào một nền văn hóa bạo lực của quyền lực, nơi hòa bình không còn được thấy như một trách nhiệm phải đảm nhận, mà như một khoảng thời gian mong manh giữa các cuộc xung đột. Ngày nay, hơn bao giờ hết, không kể đến quyền tự vệ theo nghĩa chặt chẽ nhất, thì điều quan trọng là phải khẳng định lại rằng lý thuyết “chiến tranh chính nghĩa”, vốn thường được sử dụng để biện minh cho bất kỳ loại chiến tranh nào, giờ đã lỗi thời. [182] Nhân loại sở hữu những công cụ hiệu quả và có khả năng hơn nhiều để thắng tiến cuộc sống con người và giải quyết xung đột, chẳng hạn như đối thoại, ngoại giao và tha thứ. Việc sử dụng vũ lực, bạo lực và vũ khí phản ánh sự nghèo nàn về mặt quan hệ, điều luôn dẫn đến những hậu quả thảm khốc đối với dân thường.

Vũ lực không giới hạn

193. Sự phát triển của tổ hợp công nghiệp-quân sự đã trở thành một đặc nét của bối cảnh chính trị hiện nay và trở thành một lĩnh vực then chốt trong nền kinh tế của nhiều quốc gia. Mỗi nối kết chặt chẽ giữa lợi ích kinh tế, bộ máy quân sự và các quyết định chính trị tạo ra một “quốc gia vũ trang”, trong đó chiến tranh xuất hiện như một sự mở rộng tự nhiên của chính trị, và thị trường vũ khí trở thành một động lực tự chủ đằng sau các quyết định quân sự. Chúng ta cũng không thể bỏ qua những lợi ích kinh tế khổng lồ đằng sau chiến tranh. Ngành công nghiệp vũ khí, và các quốc gia cung cấp vũ khí, thu lợi từ một thị trường phát triển mạnh mẽ chính nhờ các cuộc xung đột. Theo nghĩa này, cũng có những lợi ích tài chính góp phần làm gia tăng căng thẳng ở nhiều khu vực trên thế giới.

194. Các kho vũ khí quân sự đang nhận được sự chú ý trở lại. Trong quá khứ, sự nhận thức về mối đe dọa do các loại vũ khí có khả năng hủy diệt toàn nhân loại gây ra đã thúc đẩy các con đường hướng tới hòa hoãn và những cuộc đàm phán giải trừ quân bị. Thật không may, cách tiếp cận này đã bị bỏ lại phía sau, và sự phát triển của kho vũ khí hạt nhân - bao gồm cả triển vọng sử dụng chúng một cách “chiến thuật” - khiến việc sử dụng các loại vũ khí như vậy dường như không còn là điều không thể xảy ra nữa. Trong bối cảnh này, Hiệp ước Cấm Vũ khí Hạt nhân, có hiệu lực vào năm 2021 với sự ủng hộ của hơn 70 quốc gia, là một bước tiến quan trọng. Tuy nhiên, nó có nguy cơ vẫn chỉ mang tính biểu tượng vì các cường quốc hạt nhân lớn chưa đồng ý với nó. Điều này đã dẫn đến niềm tin phổ biến nhưng sai lầm rằng răn đe hạt nhân là điều kiện tiên quyết không thể thiếu cho an ninh. Điều này cũng góp phần vào một cuộc chạy đua vũ trang mới, khó kiểm soát và đi kèm với việc dần phá bỏ các thỏa thuận giảm trừ hạt nhân, cũng như dẫn tới sự phát triển của các loại vũ khí “thu nhỏ”, khiến việc sử dụng chúng dường như là một lựa chọn khả thi hơn.

195. Logic tương tự cũng áp dụng cho chiến tranh qui ước. Lực lượng quân sự, các sáng kiến ngoại giao yếu kém và sự phức tạp của các lợi ích bị đe dọa, tất cả đang góp phần vào các cuộc xung đột có xu hướng kéo dài, với cái giá về nhân lực và môi trường cực kỳ cao. Việc phát động một cuộc chiến dễ hơn nhiều so với việc ngăn chặn nó, thế nhưng, các cuộc thảo luận về phòng ngừa xung đột vẫn bị bỏ qua một cách đáng buồn.

196. Tình hình càng trở nên bất ổn hơn do sự xuất hiện của các lực lượng vũ trang mới, chẳng hạn như các nhóm thánh chiến, dân quân tư nhân và các mạng lưới tội phạm, đánh dấu sự chấm dứt độc quyền sử dụng vũ lực của Nhà nước. Thường thì các nhóm này đan xen những động cơ ý thức hệ mơ hồ với lợi ích kinh tế cụ thể, biến chiến tranh thành một “lối sống” cho toàn bộ các thế hệ thanh niên và trẻ em. Ở đây, mục tiêu không còn là một chiến thắng dứt khoát, mà là sự duy trì xung đột như một nguồn của quyền lực và thu nhập.

Vũ khí và trí tuệ nhân tạo

197. Diễn biến nêu trên được nối kết với sự phát triển không ngừng của các hệ thống vũ khí, đặc biệt là những hệ thống liên quan đến trí tuệ nhân tạo. Tòa Thánh gần đây đã nhận thấy rằng việc triển khai các hệ thống vũ khí tự động ngày càng dễ dàng khiến chiến tranh trở nên “khả thi” hơn và ít chịu sự kiểm soát của con người hơn. Điều này vi phạm nguyên tắc rằng lực lượng vũ trang chỉ nên được sử dụng như biện pháp cuối cùng trong trường hợp tự vệ chính đáng. [183] Vì lý do này, việc phát triển và sử dụng trí tuệ nhân tạo trong chiến tranh phải tuân theo những ràng buộc đạo đức nghiêm ngặt nhất, để bảo đảm tôn trọng phẩm giá con người và tính thánh thiêng của sự sống, và tránh một cuộc chạy đua phát triển các loại vũ khí như vậy. [184]

198. Đôi khi người ta nói về “các tác nhân đạo đức nhân tạo”, như thể máy móc có thể phân biệt đúng sai một cách nhất quán hơn con người. Tuy nhiên, phán xét đạo đức không thể bị giản lược thành tính toán, vì nó liên quan đến lương tâm, trách nhiệm cá nhân và sự công nhận người khác là một con người. Do đó, không được phép giao phó các quyết định gây chết người hoặc không thể đảo ngược cho các hệ thống nhân tạo. Không có thuật toán nào có thể làm cho chiến tranh trở nên chấp nhận được về mặt đạo đức. Trí tuệ nhân tạo không loại bỏ tính chất vô nhân đạo cố hữu của xung đột; thực tế, nó chỉ có thể gây ra xung đột nhanh hơn và làm cho nó trở nên vô cảm hơn, hạ thấp ngưỡng sử dụng bạo lực, biến phòng thủ thành dự đoán mối đe dọa, và do đó biến nạn nhân thành dữ liệu. Bằng cách này, nó sẽ làm cho chúng ta quen với ý tưởng rằng bạo lực là không thể tránh khỏi và chỉ cần được dùng cách hiệu quả nhất. Điều này không làm giảm tầm quan trọng của việc làm cho các giá trị và phán đoán đúng đắn thấm nhuần hết sức có thể vào trong các hệ thống nhân tạo mà chúng ta xây dựng, để chúng có thể đóng góp vào một hệ sinh thái đạo đức trong đó con người có thể lắng nghe lương tâm của chính mình tốt hơn, cũng như cho phép các mô hình AI thiết lập các ranh giới phù hợp.

199. Sẽ không đủ việc chỉ viện dẫn một loại đạo đức chung chung. Cần phải thiết lập các tiêu chí cụ thể để phân định. Tiêu chí đầu tiên liên quan đến trách nhiệm cá nhân. Khi một quyết định tấn công trở nên tự động hoặc mập mờ, nguy cơ thoái thác trách nhiệm sẽ tăng lên. Vì lý do này, chuỗi trách nhiệm phải có thể được xác định và kiểm chứng; những người thiết kế, đào tạo, ủy quyền và sử dụng công nghệ phải chịu trách nhiệm về các quyết định của họ. Tiêu chí thứ hai liên quan đến khung thời gian đạo đức để đưa ra phán quyết. Mặc dù trí tuệ nhân tạo có xu hướng đẩy nhanh quá trình ra quyết định, thì tốc độ và hiệu năng không bao giờ được coi là động lực cao nhất cho những quyết định không thể đảo ngược được đưa ra trong bối cảnh chiến tranh. Tiêu chí thứ ba là việc nhận diện và bảo vệ thường dân. Bất kỳ công nghệ nào tạo điều kiện cho các cuộc tấn công mà không nhìn thấy khuôn mặt của con người đều làm giảm ngưỡng đạo đức của xung đột. Việc lựa chọn mục tiêu và sử dụng vũ lực không được phép

nhằm lẫn giữa người tham chiến và người không tham chiến, cũng như không được bỏ qua tác động đến các cộng đồng không có khả năng tự vệ.

200. Những tiêu chí này dẫn đến một số yêu cầu không thể thương lượng. Thứ nhất, tất cả các hệ thống được sử dụng trong một bối cảnh chiến tranh phải bảo đảm khả năng truy vết và tái dựng các quá trình ra quyết định, để trách nhiệm và sự đổ lỗi không bị đổ dồn vào “máy móc”. Thứ hai, quyết định sử dụng vũ lực gây chết người không thể được giao cho các quy trình mờ ám hoặc tự động, mà phải nằm dưới sự kiểm soát hiệu quả, tự nhận thức và có trách nhiệm của con người. Cuối cùng, điều bắt buộc là phải thiết lập một khuôn khổ chung - cũng ở cấp độ quốc tế - để kiểm chế cuộc chạy đua vũ trang công nghệ và bảo đảm sự bảo vệ vững chắc cho thường dân và cơ sở hạ tầng cần thiết cho sự sống còn của họ.

Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa đa phương

201. Văn hóa quyền lực cũng bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng của hệ thống đa phương. Các cơ chế được thiết lập để bảo vệ khái niệm về một tương lai chung cho tất cả các dân tộc và một lợi ích chung toàn cầu dường như đã bị suy yếu. Điều này không chỉ do những hạn chế về cấu trúc, mà còn do thường xuyên thiếu ý chí chung để hỗ trợ và cải cách chúng, hoặc để công nhận thẩm quyền đạo đức của chúng. Thay vì tiến bộ, chúng ta đang thụt lùi so với bước ngoặt quan trọng của thế kỷ XX. Sau năm 1989, sự sụp đổ của các chế độ cộng sản ở châu Âu đã kéo theo một quá trình toàn cầu hóa chủ yếu về kinh tế, thiếu một khuôn khổ chính trị thích hợp có khả năng duy trì đối thoại và hòa bình. Một niềm tin gần như mù quáng đã được đặt vào khả năng của thị trường trong việc tạo ra sự thịnh vượng, dân chủ và ổn định. Trong thực tế, thay vì tự động tạo ra sự thống nhất và hòa bình, toàn cầu hóa đã gây ra những phản ứng cực đoan, dựa trên bản sắc và có tính dân tộc chủ nghĩa. Kết quả khác xa với chủ nghĩa đa phương đích thực; thay vào đó, những gì xuất hiện là một chủ nghĩa đa cực hỗn loạn và đầy xung đột với một cảm thức ngột ngạt phổ biến.

202. Điều cũng lại trở lên là sự căm dỗ tạo dựng một bản sắc tập thể đối lập với kẻ thù, được thúc đẩy bởi những câu chuyện trong đó mỗi bên tự miêu tả mình là nạn nhân có quyền được trả thù. Sự rút gọn các vấn đề phức tạp thành các phạm trù đơn giản hóa - “tôi trước hết”, “bạn hay thù”, “ta hay chúng nó” - tạo điều kiện cho các quyết định thường thiếu trách nhiệm và làm xói mòn sự tin tưởng nhau giữa các quốc gia. Do đó, sức mạnh của luật pháp quốc tế được thay thế bằng tuyên bố rằng “kẻ mạnh có lý”. Kết quả là, các tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia hay xử lý tội ác chiến tranh thường bị suy yếu hoặc bị bỏ qua, với những hệ lụy tàn khốc đối với văn hóa chính trị và sự gắn kết xã hội. [185]

203. Trong bối cảnh này, việc xây dựng hòa bình đã bị đẩy xuống vai trò thứ yếu. Sự hợp tác để phát triển, giải trừ quân bị, ngăn ngừa xung đột và thiết lập lòng tin lẫn nhau bị bỏ quên nhân danh chính trị quyền lực. Những thành quả của luật nhân đạo cũng đang bị tổn hại. Thật vậy, nguyên tắc tương xứng

trong việc đáp trả sự xâm lược, sự bảo vệ quyền tiếp cận nước, thực phẩm và hàng hóa thiết yếu, và sự tôn trọng mạng sống của thường dân, đặc biệt là trẻ em, đang dần bị coi là những tàn tích ngây thơ của quá khứ.

Một chủ nghĩa hiện thực chính trị được giả sử

204. Chúng ta đang sống trong thời đại mù quáng về tinh thần và văn hóa đáng kể. Một chủ nghĩa thực dụng sai lầm thúc giục chúng ta cắt đứt cội rễ lịch sử của mình, như thể có thể mở ra một loại “sáng tạo mới” tách rời khỏi quá khứ. Ngay cả những người viện dẫn các nguyên tắc đạo đức quan trọng cũng có thể rơi vào chủ nghĩa hư vô lịch sử này, lầm tưởng rằng những tội ác của thế kỷ XX sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Tuy nhiên, trong thực tế, chính những động lực ấy đang tái xuất hiện dưới những vỏ bọc mới. Tâm lý cân bằng vũ trang và răn đe dường như đang tự khẳng định lại. Tuy nhiên, ngày nay, trái ngược với động lực hai phe của Chiến tranh Lạnh, sự gia tăng số lượng đặc vụ và chiến trường khiến tâm lý này ngày càng trở nên mong manh. Các cuộc xung đột leo thang dẫn đến các cuộc chiến tranh bất đối xứng và có tính “hỗn hợp”, không chỉ diễn ra trên chiến trường mà còn trên các mặt trận kinh tế, tài chính và mạng, nơi thông tin sai lệch và các chiến dịch kích động sự sợ hãi của người dân được sử dụng để thao túng dư luận. Ở nhiều quốc gia, bao gồm cả các nước ở Nam bán cầu, việc tăng chi tiêu quân sự được coi là phản ứng duy nhất trước một tương lai bất định hay đối với các mối đe dọa được cảm nhận. Trong khi đó, chi phí thực sự lại đổ lên đầu những người nghèo nhất, những người chứng kiến các nguồn lực dành cho chăm sóc sức khỏe, giáo dục và các dịch vụ xã hội bị cắt giảm.

205. Cốt lõi của những vấn đề này là một chủ nghĩa hiện thực sai lầm, không chỉ dựa trên tư duy bạo lực đang thịnh hành, mà còn dựa trên niềm tin văn hóa và nhân chủng học rằng chiến tranh là một phần không thể tránh được của bản chất con người. Người ta nói rằng sự việc luôn luôn như vậy, ngoại trừ những khoảng dừng lúc này lúc khác, và nó vẫn sẽ luôn luôn như vậy! Kết quả là, mỗi quan tâm không còn là việc tìm kiếm hòa bình - điều đã bị mất đi như một điểm tham chiếu trên trường quốc tế - mà là làm thế nào và khi nào tiến hành hành động quân sự. Cũng chính lập luận này cho rằng sẽ là vô trách nhiệm nếu không chuẩn bị cho xung đột. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng điều thực sự vô trách nhiệm là Realpolitik, một hình thức “chủ nghĩa hiện thực” chính trị gieo rắc vào các lương tâm và xã hội một thái độ cam chịu trước tính tất yếu của chiến tranh, và bác bỏ hòa bình và đối thoại như những quan điểm không tưởng hoặc phi lý vì bỏ qua những rủi ro đang hiện hữu. Trong thực tế, hòa bình không phải là một niềm hy vọng ngây thơ cũng không chỉ đơn thuần là sự vắng mặt của chiến tranh; thay vào đó, nó luôn luôn có thể đạt được như là hoa trái của công bằng và bác ái.

206. Trong bối cảnh như vậy, chủ nghĩa hư vô và chủ nghĩa thực dụng trở nên đan kết với nhau và cuối cùng bình thường hóa những sai lầm nghiêm trọng. Chủ nghĩa cực đoan tôn giáo và chủ nghĩa cuồng tín dựa trên bản sắc riêng sẽ liên minh với các chính sách kinh tế phi lý, trong khi chính trị thường

chuyển sang thông tin sai lệch và chế nhạo đối thủ, và thúc đẩy một cách có hệ thống những nỗi sợ hãi và oán giận. Do đó, sự đa dạng ngày càng được coi là một mối đe dọa, điều này càng làm tăng một ham muốn chiếm hữu, một ý chí thống trị, những tham vọng bá quyền, những lạm dụng quyền lực và một nỗi sợ hãi đối với những người khác mình, từ đó tạo ra một môi trường trong đó các xung đột mới có thể phát triển gần như không thể nhận thấy. [186]

207. Vì thế, đây chính là mảnh đất màu mỡ cho những cuộc chiến tranh mới, có lẽ còn nguy hiểm hơn cả những cuộc chiến trong quá khứ, vì chúng có xu hướng bỏ qua mọi giới hạn đạo đức. Những gì từng được coi là không thể chấp nhận giờ đây có thể được tiến hành gần như không chút do dự, trong khi phản ứng quốc tế ngày càng bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi lợi ích riêng của các Chính phủ hơn là bởi mức độ nghiêm trọng khách quan của các tình hình. Các quyết định giờ đây dường như chỉ được thúc đẩy bởi các tính toán kinh tế, được biện minh nhờ những sự bóp méo của các phương tiện truyền thông, của sự nhiệt tình và những “giấc mơ” được chế tạo ra và chắc chắn sẽ tan vỡ, dẫn đến sự thất vọng và bạo lực hơn nữa. Khi mọi người tin rằng không có gì là thực sự đúng và các nguyên tắc chỉ là những lời nói dối, thì ngọn lửa trong trái tim họ được nhóm lên cho những bùng phát mới của sự bất bao dung và hung hãn.

208. Trong những tình huống này, vấn đề về các biện pháp bảo vệ cụ thể để ngăn chặn bạo lực trong tương lai vẫn là một câu hỏi bỏ ngỏ. Khi một nền văn hóa bình thường hóa và biện minh cho xung đột, một lối đi nguy hiểm sẽ mở ra, trong đó điều mà hôm nay có vẻ không thể tưởng tượng được có thể trở thành chấp nhận được vào ngày mai nhân danh lợi ích hoặc an ninh. Ở những quốc gia bị ảnh hưởng bởi các căng thẳng xã hội nghiêm trọng, chúng ta không thể loại trừ khả năng một số nhà lãnh đạo có thể coi xung đột vũ trang là một cách hiệu quả để chuyển hướng sự chú ý khỏi các vấn đề trong nước và là một công cụ đầy thâm hiểm để quản lý các khó khăn.

209. Một trách nhiệm đặc biệt đặt lên vai những người làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu. Tất cả những người đóng vai trò chủ chốt trong lĩnh vực này - các nhà khoa học, chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, giới học thuật, chính trị gia và những người khác - phải làm việc với tư duy minh bạch và có trách nhiệm, đồng thời duy trì một nhận thức sâu sắc về bối cảnh rộng lớn hơn của những tiến bộ công nghệ mà họ giúp mở ra, bao gồm cả những tiến bộ liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI). Khi mọi người giới hạn bản thân trong việc chỉ nhìn vào lĩnh vực riêng của mình, họ có thể tự lừa dối mình rằng họ đang thực hiện những hành động trung lập về mặt đạo đức và tránh những câu hỏi về các mục đích cuối cùng hướng dẫn những thí nghiệm nào đó. Theo cách này, họ có nguy cơ hợp tác - có lẽ là vô tình - với những dự án đáng ngờ, là những dự án thúc đẩy các hình thức mới của bạo lực, thao túng và thống trị.

Xây dựng nền văn minh tình thương

210. Việc đặt thế giới trong trạng thái xung đột triền miên là một điều ác và phải được gọi đúng tên của nó. Cách mô tả tình hình hiện tại của chúng ta có vẻ ảm đạm hay bi quan, nhưng tôi cho rằng cần phải làm như vậy. Tuy nhiên, quan điểm Kitô giáo không chỉ giới hạn ở việc lên án điều ác. Chúng ta nhìn lịch sử trong ánh sáng của Chúa chịu đóng đinh và phục sinh, Đáng mà Chúa Cha đã ban cho “mọi quyền năng trên trời và dưới đất” (Mt 28,18). Chúng ta không coi hiện tại là một số phận đã được định trước, mà là một cơ hội để hoán cải cá nhân và tập thể. Hơn nữa, chúng ta tin vào sức mạnh của Nước Trời, bắt nguồn từ kích thước nhỏ bé của một hạt cải, khi được gieo trồng sẽ nảy mầm và phát triển (x. Mc 4,26-32). Trong khi sự hỗn loạn bao phủ chúng ta, điều tốt lành vẫn âm thầm nảy mầm từ lòng đất. Như lời ngôn sứ Isaia: “Này, ta sắp làm một việc mới; việc ấy đang nảy sinh, các ngươi không nhận thấy sao?” (Is 43,19).

211. Một phân tích kỹ hơn về lịch sử sẽ xác nhận điều này. Ngay cả trong những đêm tối tăm nhất, Chúa vẫn nâng dậy những con người nam nữ không chịu bỏ cuộc, kiên trì làm điều thiện, bảo vệ những người yếu thế và mở ra con đường hòa giải. Ký ức về các thánh - những người công chính và những người kiến tạo hòa bình thường bị lãng quên - cho chúng ta thấy rằng ân sủng không xóa bỏ xung đột một cách phù phép, mà thay vào đó, nó thúc đẩy sự đề kháng tích cực chống lại sự dữ, và thúc đẩy sự sáng tạo đáng kinh ngạc trong việc làm điều thiện. Các Kitô hữu nhìn thấy bóng tối và nhận ra sự thật của nó, nhưng họ không chỉ nhìn nó một cách thụ động, vì họ biết ánh sáng và hiểu rằng bóng tối không vượt qua được và không thể đánh bại được ánh sáng (x. Ga 1,5). Vì lý do này, ngay cả khi đau khổ dường như có tiếng nói cuối cùng, các Kitô hữu vẫn phục vụ điều thiện và được nâng đỡ bởi một đức cậy đối thần mang lại cho thực tại cả ý nghĩa và phương hướng.

Tất cả chúng ta đều có thể đóng góp phần của mình

212. Tuy nhiên, ở đây một cảm dỗ tế nhị có thể xuất hiện, đó là suy nghĩ rằng các vấn đề quá lớn mà chúng ta thì quá nhỏ bé, và do đó, các lựa chọn của chúng ta không thể tạo ra sự khác biệt. Đây là một hình thức cam chịu cách lịch sự, thường được ngụy trang dưới vỏ bọc hiện thực. Chắc chắn là không phải ai cũng có cùng quyền lực để tạo ra sự khác biệt. Có những người cai trị, có những người đưa ra quyết định đầu tư, có người lãnh đạo các tổ chức, hay tiến hành nghiên cứu, hay giáo dục, sản xuất hoặc cung cấp thông tin, và cũng có những người dường như chỉ sống cuộc sống thường ngày của mình. Tuy nhiên, không ai là không có trách nhiệm. Tất cả chúng ta đều có những lĩnh vực hành động của mình, và chính ở đó - không ở nơi nào khác - chúng ta phải lựa chọn hoặc ủng hộ tư duy bạo lực (ngay cả khi chỉ bằng sự thờ ơ, hoài nghi, dối trá hoặc thù hận), hoặc giữ gìn tâm hướng hòa bình (với sự thật, sự ôn hòa, sự gần gũi và quan tâm).

213. J.R.R. Tolkien, tác giả Công giáo thế kỷ 20, qua lời của một nhân vật chính trong một cuốn tiểu thuyết của ông, đã mô tả trách nhiệm của chúng ta như sau: “Nhiệm vụ của chúng ta không phải là làm chủ tất cả những biến động của thế giới, mà là làm những gì trong khả năng của mình để cứu lấy những năm tháng mà chúng ta đang sống, nhờ sự dũng cảm trong những cánh đồng mà chúng ta biết, để những người đến sau có thể có đất sạch để canh tác.” [187] Nền văn minh tình thương sẽ không nảy sinh từ một cử chỉ đơn lẻ hay ngoạn mục, mà từ toàn thể những hành động nhỏ bé và kiên nhẫn của lòng trung thành, đóng vai trò như một bức tường thành chống lại sự phi nhân hóa. Vì lý do này, nên dừng lại suy ngẫm một số khía cạnh về cách thức mà chúng ta, mỗi người theo cách riêng của mình, có thể hợp tác để xây dựng nền văn minh tình thương. Không tham vọng bao quát hết chủ đề này, tôi muốn đề xuất năm con đường hướng tới trách nhiệm hàng ngày và công cộng: đó là, cần phải giải giáp lời nói, xây dựng hòa bình thông qua công lý, lấy góc nhìn của các nạn nhân, phát huy một chủ nghĩa hiện thực lành mạnh, và khôi phục đối thoại và chủ nghĩa đa phương.

Cần phải giải giáp lời nói

214. Đóng góp đầu tiên mà chúng ta có thể thực hiện hướng tới một nền văn minh nhân văn hơn, đó là hãy cẩn trọng với lời nói của mình. “Hãy giải giáp lời nói và chúng ta sẽ giúp giải giáp cho thế giới.” [188] Lời nói có sức mạnh to lớn, điều mà chúng ta kinh nghiệm trong các tương tác hàng ngày; ví dụ, lời nói có thể thay đổi tâm trạng của chúng ta nên tốt hơn hoặc xấu hơn. “Hòa bình bắt đầu từ mỗi người chúng ta: trong cách chúng ta nhìn người khác, lắng nghe người khác và nói về người khác. Theo nghĩa này, cách chúng ta giao tiếp là vô cùng quan trọng: chúng ta phải nói ‘không’ với cuộc chiến ngôn từ và hình ảnh, chúng ta phải tẩy chay kiểu thức chiến tranh.” [189] Do đó, tất cả chúng ta phải tự kiểm điểm lương tâm về những lời nói của mình, những định kiến nơi mình và sự hung hăng chứa đựng rõ ràng hoặc ngầm ẩn trong đó. Chúng ta có một cơ hội thực sự để đóng góp cho công ích mỗi khi chúng ta nói sự thật, đưa ra một lời khuyên khôn ngoan, hỗ trợ những người cần được an ủi, tố cáo sự bất công và lên tiếng cho những người không có tiếng nói.

Xây dựng hòa bình thông qua công lý

215. Ở mọi cấp độ, tất cả chúng ta đều có thể đóng góp vào việc xây dựng nền móng của hòa bình, đó chính là công lý. Chúng ta không duy chỉ cố tìm kiếm bất kỳ loại hòa bình nào - chẳng hạn như không có xung đột bằng mọi giá - mà thay vào đó, tìm kiếm hòa bình đích thực được sinh ra từ công lý. “Có một mối nối kết rất chặt chẽ giữa công lý của cá nhân và hòa bình của mọi người.” [190] Chú giải câu Thánh vịnh “công lý và hòa bình đã ôm nhau” (Tv 84,11), thánh Augustinô viết: “Không ai tránh né mong muốn hòa bình, nhưng không phải ai cũng sẵn lòng thực hành công lý... Nhưng hãy thực thi các hành động công lý, hãy nhớ rằng công lý và hòa bình đã ôm nhau; chúng không đối nghịch với nhau. Tại sao bạn chống lại công lý? Ví dụ, công lý đang bảo bạn đừng trộm cắp, nhưng bạn không chịu nghe;

đừng phạm tội ngoại tình, và bạn làm ngơ; đừng làm điều bạn không muốn người khác làm cho mình; đừng nói về người hàng xóm những điều bạn không muốn người khác nói về mình... Vậy bạn có muốn có được bình an không? Thì hãy thực hành công lý!” [191] Chúng ta đừng bao giờ mệt mỏi trong việc tìm kiếm công lý!

Lấy góc nhìn của các nạn nhân

216. Có những khi, để giữ được tính người, chúng ta phải gạt bỏ những dè dặt của mình và bày tỏ lập trường. Trong một số cuộc xung đột, việc giữ thái độ trung lập là bất công, cũng không đủ nếu chỉ tuyên bố rằng mình không đồng lõa. [192] Khi chúng ta chứng kiến việc đánh bom dân thường, các cuộc tấn công vào bệnh viện, trường học hoặc cơ sở hạ tầng thiết yếu, và bạo lực ảnh hưởng đến trẻ em, thì đó là chúng ta đang đối mặt với những điều tệ hại làm tổn thương chính nhân tính. Vì lý do này, chúng ta không thể chỉ giới hạn mình ở mức độ phân tích trừu tượng. Đức giáo hoàng Phanxicô khuyến khích chúng ta “chạm vào những vết thương trên da thịt” [193] của những người đau khổ, nhìn vào khuôn mặt của họ, lắng nghe câu chuyện của họ và nhận ra những thương tích của họ. Những biến cố đau thương đòi hỏi cả lịch sử và ký ức, lịch sử để thuật lại sự thật, còn ký ức để làm chứng cho những kinh nghiệm đã trải qua.

217. Việc dành chỗ cho các quan điểm và tiếng nói của các nạn nhân qua truyền thông và giáo dục sẽ giúp chúng ta ý thức được vực thẳm của sự dữ gắn chặt với chiến tranh, và nói chung gắn với mọi hình thức bạo lực. Nó giúp chúng ta bác bỏ việc bình thường hóa xung đột; không ngoảnh mặt làm ngơ khi phẩm giá con người bị xâm phạm; và khôi phục lại cho các nạn nhân phẩm giá được nhìn nhận và lắng nghe. [194] Việc chú ý đến những tiếng nói này sẽ củng cố niềm xác tín rằng ngoài các nhóm thiểu số bạo lực, nhân loại không mong muốn chiến tranh. Theo một cách đặc biệt, Giáo hội có thể là nơi lưu giữ ký ức sống động cho các nạn nhân. Như thánh Phaolô VI đã nhắc lại, Giáo hội cảm thấy mình phải nói lên cả tiếng nói của những người đã chết trong các cuộc chiến tranh trong quá khứ lẫn tiếng nói của những người còn sống đang mang thương tích ngày nay, để tiếng kêu than của họ có thể trở thành lời kêu gọi hòa bình và hòa hợp, chứ không phải là lời mở đầu cho các cuộc xung đột mới. [195]

Phát huy một chủ nghĩa hiện thực lành mạnh

218. Chúng ta cần một chủ nghĩa hiện thực lành mạnh, tránh cả chủ nghĩa lý tưởng chính trị lẫn chủ nghĩa hoài nghi. Có một loại chủ nghĩa duy tâm trong đó người ta có xu hướng chọn lọc các dữ kiện, bóp méo và đặt lại tên cho chúng, nhằm để bảo vệ thế giới quan của riêng mình. Những người ủng hộ nó rốt cục sống trong một thực tại được xây dựng để phù hợp với các điều tin tưởng của mình. Ngược lại, cũng có một dạng chủ nghĩa hiện thực suy đồi, nhằm lẫn giữa quan sát và sự cam chịu, lập luận rằng vì vũ lực thắng thế, nên nó sẽ luôn thắng thế. Chủ nghĩa hiện thực đích thực không từ bỏ việc thay đổi thế giới; thực tế, nó bắt đầu bằng việc nhận diện rõ ràng các lợi ích, các nỗi sợ hãi, các hạn chế và các động

lực quyền lực, chính xác là để xác định những gì có thể đạt được và các biện pháp cần thiết để đạt được điều đó. Nó không thu hẹp chính trị thành đạo đức; nó cũng không đầu hàng trước bạo lực. Thay vào đó, nó tìm kiếm những con đường khả thi để làm cho hòa bình không chỉ là một từ ngữ suông, thông qua các cơ chế đáng tin cậy, các bảo đảm có thể kiểm chứng, các cuộc đàm phán kiên nhẫn, sự ngăn ngừa xung đột và bảo vệ thường dân.

Khôi phục đối thoại

219. Để xây dựng nền văn minh tình thương, chúng ta phải đi vào đối thoại, vì đây là phương tiện chính yếu để cùng sống chung giữa con người và giữa các quốc gia, và là sự thay thế cho xung đột công khai. Vào đêm trước Thế chiến Thứ hai, Đức Piô XII khẳng định rằng hòa bình không làm mất mát gì, trong khi với chiến tranh thì có thể mọi thứ đều mất. Ngài nhấn mạnh rằng mọi người phải quay lại nói chuyện với nhau, bởi vì một cuộc đối thoại chân thành và kiên trì luôn mở ra khả năng của một giải pháp danh dự. [196]

220. Quả thật, đối thoại là một phần bình thường của cuộc sống con người và không chỉ liên quan đến quan hệ giữa các quốc gia. Nó bao gồm việc đạt được một thái độ tìm cách kiến tạo những mối dây huynh đệ dựa trên sự lắng nghe, một cung cách cởi mở, dành thời gian cho nhau và thậm chí là lãng phí thời gian cùng nhau. Bởi vì nếu chúng ta kinh nghiệm những cuộc gặp gỡ chân thực với người khác, với những người khác biệt chúng ta, người lạ và người di cư, thì ngay cả việc tưởng tượng ra chiến tranh cũng sẽ trở nên khó khăn hơn nhiều.

221. Trên bình diện chính trị, cần phải chuyển đổi khẩn cấp từ “văn hóa quyền lực” sang một “văn hóa đàm phán” thực sự, trong đó đối thoại và ngoại giao trở thành phương tiện tiêu chuẩn để giải quyết xung đột. Giorgio La Pira bày tỏ hy vọng rằng “phương pháp chiến tranh sẽ được thay thế bằng phương pháp hòa bình: đó là phương pháp đàm phán, gặp gỡ, hội tụ, nghĩa là phương pháp nhân văn đích thực!” [197] Việc ý thức rằng tất cả các dân tộc đều chia sẻ một tương lai chung đòi hỏi “văn hóa đàm phán” phải trở thành một cam kết chính trị và văn hóa ngày càng được mọi người chia sẻ, có khả năng dần dần dẫn dắt nhân loại thoát khỏi vòng xoáy bạo lực.

222. Nói với những người có vinh dự và trách nhiệm cai trị, tôi muốn nhắc lại những lời tôi đã nói khi bắt đầu triều giáo hoàng của mình: “Các dân tộc trên thế giới của chúng ta mong muốn hòa bình, và tôi tha thiết kêu gọi các nhà lãnh đạo của họ: Hãy gặp gỡ, hãy nói chuyện, hãy đàm phán! Chiến tranh không bao giờ là điều không thể tránh khỏi. Vũ khí có thể im lặng và phải được làm cho im lặng, vì chúng không giải quyết được vấn đề mà chỉ làm tăng thêm vấn đề. Những người làm nên lịch sử là những người kiến tạo hòa bình, chứ không phải những người gieo rắc đau khổ. Những người lân cận của chúng ta trước hết không phải là kẻ thù, mà là đồng loại; không phải là những kẻ tội phạm đáng ghét, mà là

những người nam nữ mà chúng ta có thể nói chuyện. Chúng ta hãy bác bỏ những quan niệm nhị nguyên điển hình của tư duy bạo lực chia thế giới thành những người tốt và những người xấu.” [198]

223. Trong việc bác bỏ tư duy bạo lực, đối thoại liên tôn giáo đóng một vai trò quyết định, bởi vì nơi cốt lõi của những con đường tâm linh vĩ đại có chứa một thông điệp hòa bình. [199] Trong khi đó, có những kẻ dùng danh Thiên Chúa để hợp thức hóa chủ nghĩa khủng bố, bạo lực hoặc chiến tranh, thì đó là họ phản bội bản chất thực sự của Ngài, vì chiến đấu nhân danh tôn giáo có nghĩa là tấn công chính tôn giáo. [200] “Tinh thần Assisi”, được thánh Gioan Phaolô II gọi lên và được Giáo hoàng Phanxicô tiếp nối - ví dụ, thông qua cuộc đối thoại của ngài với Đại Imam của Al-Azhar - cho thấy rằng những người tin có thể dựa vào những nguồn gốc đích thực nhất của truyền thống tâm linh đặc thù của họ, nơi không có chỗ cho “sự thù hận được tuyên thánh”.

Sự cần thiết của ngoại giao và chủ nghĩa đa phương

224. Trong quan hệ quốc tế, đối thoại là một công cụ ngoại giao không thể thay thế để ngăn ngừa xung đột và xây dựng lại các mối quan hệ tin cậy. Đối mặt với những phát ngôn bốc đồng, lời lẽ hung hăng và chính trị quyền lực đặc trưng cho thời đại chúng ta, “thiên chức của ngoại giao là thúc đẩy đối thoại với tất cả các bên, kể cả những người đối thoại được coi là kém ‘thuận tiện’ hoặc không được coi là hợp pháp để đàm phán.” [201] Do đó, cần phải sử dụng tất cả sự khiêm tốn và kiên nhẫn để nuôi dưỡng ngay cả những dấu hiệu thiện chí nhỏ nhất giữa các bên xung đột, nhằm thúc đẩy tiến trình hòa bình.

225. Không gian mạng cũng đã trở thành một chiến trường. Các cuộc tấn công mạng, thao túng dữ liệu và các chiến dịch gây ảnh hưởng, được dàn dựng với sự trợ giúp của AI, có thể gây bất ổn cho toàn bộ các quốc gia ngay cả trước khi xung đột vũ trang công khai nổ ra. Hơn nữa, trong lĩnh vực này, việc quy trách nhiệm thường không chắc chắn. Khi không rõ ai đã thực hiện một cuộc tấn công, nguy cơ phản ứng không cân xứng, tính toán sai lầm và leo thang sẽ tăng lên. Vì lý do này, ngoại giao phải có khả năng hoạt động hiệu quả trong môi trường mới này, để đàm phán các quy định chung về việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số, để bảo vệ thường dân và những người dễ bị tổn thương nhất khỏi các hình thức bạo lực “vô hình” nhưng có thật.

226. Các tổ chức quốc tế, nhất là Liên Hiệp Quốc, là những công cụ thiết yếu để thúc đẩy một nền văn minh tình thương, bởi vì chúng có thể thúc đẩy đối thoại giữa các quốc gia và cổ vũ việc giải quyết xung đột một cách hòa bình, cổ vũ sự phát triển toàn diện của các dân tộc, sự bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất, việc giải trừ quân bị và chăm sóc môi trường. Thông qua những nỗ lực như vậy, cộng đồng quốc tế có thể làm giảm thiểu những bất bình đẳng, bảo vệ quyền của người tị nạn và các nhóm thiểu số, phân bổ lại các nguồn lực từ chi tiêu quân sự sang phát triển con người, và bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta. Tòa Thánh ủng hộ và đồng hành với những công cuộc này, đồng thời cũng nhìn nhận rằng những điểm yếu hiện tại của Liên Hiệp Quốc và hệ thống chính trị quốc tế cho thấy cần phải

có những cải cách sâu sắc. Đây không chỉ đơn thuần là vấn đề điều chỉnh kỹ thuật, bởi vì cuộc khủng hoảng về niềm tin và giá trị - vốn cũng liên quan đến các nền tảng đạo đức của các quốc gia - làm cho việc hướng chủ nghĩa đa phương đến lợi ích chung thực sự sẽ trở nên khó khăn hơn. [202]

227. Trong bối cảnh quốc tế, ngoại giao của Tòa Thánh áp dụng nguyên tắc lòng thương xót của Tin Mừng như một tiêu chí cụ thể cho hành động chính trị. Đây là một trong những cách mà Tòa Thánh đặt mình vào phục vụ nhân loại, qua đó kêu gọi các lương tâm nhân danh bác ái và sự thật, bảo vệ phẩm giá của mỗi người và lên tiếng thay cho người nghèo, người di cư và các nạn nhân chiến tranh. Bằng cách này, ngoại giao của Tòa Thánh thể hiện tính phổ quát của Giáo hội và góp phần xây dựng một nền văn minh tình thương, nơi ngay cả những công nghệ mới cũng có thể được định hướng nhằm tới công ích.

Cầu nguyện và hy vọng

228. Những con đường thực thi trách nhiệm này được nâng đỡ bởi lời cầu nguyện, và đến lượt chúng nuôi dưỡng lời cầu nguyện. Thật vậy, đối với mỗi chúng ta, hòa bình chủ yếu đến “từ Thiên Chúa, vị Thiên Chúa yêu thương tất cả chúng ta vô điều kiện.” [203] Đó là một món quà mà Chúa Giêsu ban cho các môn đệ của Người vào ngày Phục Sinh: “Bình an cho anh em! Đó là bình an của Chúa Kitô phục sinh. Một bình an không vũ trang và buông vũ khí, khiêm nhường và kiên trì.” [204] Với những lời này, tôi đã chào Giáo hội và thế giới vào ngày tôi được bầu vào ngai tòa thánh Phêrô. Tôi muốn nhắc lại những lời này ở đây, và mời gọi mọi người cầu xin ơn ban này. Chúng ta đừng bao giờ mệt mỏi trong việc cầu nguyện cho hòa bình và trong việc dẫn thân xây dựng hòa bình trong các mối tương quan của chúng ta và trong xã hội.

KẾT LUẬN

229. “Mỗi người thợ xây hãy cẩn thận lựa chọn cách xây dựng” (1Cr 3,10). Với những lời này, thánh Phaolô đã khuyến khích các tín hữu ở Cô-rinh-tô giữ gìn sự hiệp nhất. Anh chị em thân mến, chúng ta đã suy ngẫm về thế giới mà chúng ta đang xây dựng, và chúng ta đã tự hỏi việc bảo vệ con người trong thời đại trí tuệ nhân tạo có nghĩa là gì. Kết thúc những suy tư này, tôi muốn đề xuất một chương trình đời sống Kitô giáo nghiêm túc nhưng đầy thách thức mà chúng ta có thể dùng để bước đi trong sự thay đổi mang tính thời đại này dưới ánh sáng Tin Mừng. Con đường này hiện lộ xuyên qua việc chiêm nghiệm kế hoạch của Thiên Chúa, sống hiệp nhất trong Giáo Hội bằng cách tham dự vào Bí tích Thánh Thể, xây dựng một thế giới lấy công ích làm trung tâm, và cầu nguyện trong sự kết hợp với Đức Trinh Nữ Maria.

Ngôi Lời đã trở thành xác thịt

230. Thế giới của chúng ta đầy rẫy những nỗ lực giành quyền kiểm soát thị trường và các lĩnh vực ảnh hưởng, thường được che đậy bằng những lời lẽ trấn an và những ý thức hệ hấp dẫn. Tuy nhiên, trái tim chúng ta khao khát một cách tiếp cận khôn ngoan và nhân ái, giống như điều mà Đức Maria ca

ngôi trong Kinh Magnificat, khi Mẹ tuyên bố rằng lòng thương xót của Thiên Chúa trải ra qua mọi thế hệ cho những ai kính sợ Ngài. [205] Kế hoạch thương xót này tiếp tục mở ra trong lịch sử hôm nay, ngay cả giữa những thay đổi nhanh chóng và bất ổn do các thuật toán và mạng lưới toàn cầu, và nó trở thành một la bàn trong kỷ nguyên kỹ thuật số để sống cuộc đời của chúng ta theo Tin Mừng.

231. Cốt lõi của mọi sự là mầu nhiệm Nhập Thể, Ngôi Lời đã trở thành xác thịt và ở giữa chúng ta. Xác thịt của Chúa Con, nghèo khó và dễ bị tổn thương, gọi lên xác thịt của rất nhiều anh chị em bị tước đoạt phẩm giá và bị buộc phải im lặng. [206] Qua sự gần gũi của Chúa, ơn bình an đi vào thế giới một cách nghịch lý. Nó đi vào như vậy thông qua năng lực trở thành con cái Thiên Chúa, và nó được đánh thức khi chúng ta cho phép mình xúc động trước nước mắt của những trẻ thơ, trước sự mong manh của các cụ già, sự im lặng của các nạn nhân và cuộc đấu tranh của những người chiến đấu chống lại sự dữ mà họ không muốn nhiễm vào. [207] Trong thân xác bị thương tích nhưng được yêu thương này, Chúa Cha cho chúng ta thấy nhân tính đích thực của một cuộc sống được hoàn thành qua sự cởi mở và hiệp thông, điều này dẫn chúng ta đến khát vọng rằng ý muốn của Ngài được thực hiện dưới đất cũng như trên trời. [208]

232. Trong những lời hứa hẹn của chủ nghĩa siêu nhân và một số trào lưu hậu nhân văn, nhắm tìm kiếm một nhân tính được tài bồi và gần như phi xác thể, chúng ta nhận ra một khao khát đáng quan tâm, đó là nhu cầu về một cuộc sống trọn vẹn hơn, ít bị giới hạn và đau khổ hơn. Tuy nhiên, mầu nhiệm Nhập Thể mở ra một con đường khác. Một mặt, cả những ý thức hệ cũ và mới đều thúc giục con người vượt qua những giới hạn thông qua công nghệ, và vươn lên trên những người khác bằng cách khẳng định sự thống trị. Trái ngược với điều này, mầu nhiệm Con Thiên Chúa bước vào thân phận con người của chúng ta hứa hẹn một điều hoàn toàn khác. Thiên Chúa hằng sống hạ giá xuống lịch sử của chúng ta để giải phóng chúng ta khỏi mọi hình thức nô lệ. [209] Ngài gánh lấy sự yếu đuối của chúng ta và biến nó thành bối cảnh cho ơn cứu rỗi. Không có khoảnh khắc hay hoàn cảnh nào của con người là không xứng đáng với Thiên Chúa. “Theo giáo huấn của đức tin, trong các mầu nhiệm của chúng ta, ta có và tôn thờ một Thiên Chúa sinh ra trong máng cỏ, một Thiên Chúa sống và đi lại ở Giuđê, một Thiên Chúa chết trên thập giá, một Thiên Chúa là tử thi nằm trong mộ.” [210] Do đó, tương lai của nhân loại tìm thấy tiêu chuẩn của mình trong khả năng đón nhận con đường thần linh này để đến gần, để chia sẻ gánh nặng của thế giới, để biến đổi các mối tương quan từ bên trong. “Ôi kỳ diệu... con người là Thiên Chúa và vị Người-Chúa này trải qua tất cả những chặng đường đó, chịu đựng tất cả những tình trạng đó và làm cho chúng trở nên cao quý, thánh hóa chúng, thần hóa chúng trong chính mình!” [211] Điều cứu rỗi nhân loại là tình yêu thần linh hạ giá xuống điểm yếu đuối nhất của lịch sử chúng ta và đổi mới nó từ bên trong.

233. Vì lý do này, với tư cách là một tín hữu giữa các tín hữu, tôi mời gọi mọi người chiêm nghiệm, nơi khuôn mặt của Con Thiên Chúa, sự cao cả của nhân tính có sức soi sáng cả kỷ nguyên Trí

tuệ Nhân tạo. Trong Chúa Kitô, chúng ta được kêu gọi cộng tác trong công trình sáng tạo, thay vì là những người quan sát vô tâm các quy trình công nghệ làm hạn chế tự do và trách nhiệm của chúng ta. [212] Phẩm giá được Chúa Thánh Thần ghi khắc trong mỗi chúng ta cũng có thể được nhìn thấy trong khả năng suy ngẫm một cách phê phán, lựa chọn và yêu thương cách tự do, và hình thành các mối tương quan chân thực. Không một hệ thống tính toán nào, dù tinh vi đến đâu, có thể tạo ra một trái tim hiến dâng chính mình, hay một lương tâm phân biệt được thiện ác. Ngay cả khi máy móc vượt trội về hiệu quả, một khuôn mặt con người cần được chiêm ngưỡng vẫn là trung tâm của lịch sử chúng ta. Khuôn mặt con người này là sự viên mãn mà lịch sử đang hướng tới. Đó là mẫu nhiệm “thâu hợp”: sự chắc chắn rằng Chúa Cha đã quyết định đưa tất cả mọi sự, trên trời cũng như dưới đất, trở về với Chúa Kitô, Đầu duy nhất (x. Ep 1,10). Trong kế hoạch này, không có gì đích thực thuộc về con người sẽ bị mất đi. Quả thật, mọi thứ sẽ được thanh tẩy và được kết hợp trong Người, Đấng quy tụ mọi phần mảnh của cuộc sống, mọi giọt nước mắt và mọi thành tựu đích thực của con người, cứu vớt chúng khỏi hư không và trao chúng lại cho Chúa Cha, trong tư cách đã được cứu chuộc.

Một thân thể trong Chúa Kitô

234. Linh đạo mà chúng ta cần là một linh đạo Thánh Thể, nghĩa là một linh đạo hiệp nhất Giáo hội trong tình yêu. Mẫu nhiệm Nhập Thể và Mẫu nhiệm Phục Sinh cho thấy Thiên Chúa bước vào thân phận con người và biến đổi nó qua việc hiến dâng chính mình. Món quà này vẫn hiện diện và hoạt động trong Thánh Thể, nơi Chúa hiến dâng chính mình và quy tụ Giáo hội lại, để sự hiến dâng của Người trở thành nguyên tắc hiệp nhất và nguồn mạch sự sống mới. Chính từ sự hiệp thông này mà tình liên đới Kitô giáo cũng nảy sinh, vì “hiệp nhất với Chúa Kitô cũng là hiệp nhất với tất cả những ai được Người hiến dâng chính mình”. [213] Như thánh Augustinô đã giải thích cho những người tân tòng tại Giáo hội địa phương của ngài, bánh và rượu trên bàn thờ là bí tích của sự hiệp nhất các tín hữu trong Chúa Kitô: “Những gì được nhìn thấy chỉ là hình ảnh vật chất; những gì được nắm bắt sẽ mang lại hoa trái thiêng liêng. Vậy bây giờ, nếu các bạn muốn hiểu về thân thể Chúa Kitô, hãy lắng nghe thánh Tông đồ Phaolô nói với các tín hữu: cùng nhau, anh em là thân thể Chúa Kitô (1Cr 12,27). Nếu anh em là thân thể và các chi thể của Chúa Kitô, thì đó là bí tích của anh em được đặt trên bàn tiệc của Chúa; đó là bí tích của anh em mà anh em lãnh nhận. Anh em đáp ‘Amen’, và bằng cách đáp lại như vậy, anh em đồng ý với điều đó. Vì anh em nghe những lời này: ‘Minh Thánh Chúa Kitô’ - và đáp lại ‘Amen’. Vậy hãy là một chi thể của Thân Thể Chúa Kitô để tiếng ‘Amen’ của anh em được chân thật!” [214]

235. Tiếng “Amen” mà chúng ta nói trong phụng vụ, Thân Mình mà chúng ta ăn và Máu chúng ta uống định hình toàn bộ cuộc sống của chúng ta. Bí tích Thánh Thể “là một cuộc gặp gỡ vô cùng riêng tư với Chúa nhưng không bao giờ chỉ đơn thuần là một hành động đạo đức cá nhân.” [215] Trong Bí tích Thánh Thể, chúng ta tìm thấy một biểu hiện hữu hình của thực tại rằng chúng ta “là Giáo hội của Chúa

Kitô, là các chi thể của Người, là thân thể của Người. Chúng ta là anh chị em trong Người. Và trong Chúa Kitô, dù nhiều và khác nhau, chúng ta là một: In Illo uno unum.” [216] Bí tích Thánh Thể mở chúng ta ra cho công lý và sự chia sẻ, với mỗi quan tâm ưu tiên dành cho những người đang gánh chịu nghèo đói hoặc bị gạt ra ngoài lề. Và trong khi các mạng lưới kinh tế và công nghệ mới có thể gây ra sự loại trừ, cô lập và phụ thuộc, thì Giáo hội - được nuôi dưỡng bởi Bí tích Thánh Thể - được kêu gọi làm cho một kiểu thức khác trở nên hữu hình, một kiểu thức bảo tồn các mối liên kết con người, lên tiếng cho những người bị lãng quên và bảo đảm rằng các quy trình hướng đến việc tôn trọng nhân phẩm.

Công trường xây dựng của thời đại chúng ta

236. Linh đạo mà tôi muốn ca ngợi là linh đạo của “kiến trúc sư khôn ngoan”, người được thúc đẩy bởi hy vọng về Nước Thiên Chúa, dẫn thân xây dựng thế giới vì công ích (x. 1Cr 3,10). Như tôi đã đề cập ở phần đầu suy tư này, [217] công việc xây dựng trong thời đại chúng ta phải đặt mỗi tương quan của chúng ta với Thiên Chúa ở trung tâm. Quy tắc của chúng ta phải là chấp nhận những giới hạn của con người như một thực tại tự nhiên và tích cực, và phải được đặc trưng bởi trách nhiệm chung và một ngôn ngữ được đặc trưng bởi Tin Mừng. Vào cuối suy tư này, kế hoạch cho một nền văn minh tình thương có thể được nhìn thấy rõ ràng hơn, và công trường xây dựng dường như đã được khởi công và hoạt động, đặc biệt là nhờ nhiều viên đá sống động được kết hợp vững chắc với Chúa Kitô là viên đá góc (x. 1Pr 2,4-6). Trong nhiệm vụ này, chúng ta được kêu gọi đảm nhận một vai trò tích cực, không tìm nơi nương náu trong sự ủy mị tâm linh hay rút lui vào thế giới nhỏ bé của riêng mình. Chúng ta phải trung thành với sự thật, đầu tư vào giáo dục, vun đắp các mối tương quan và yêu chuộng công lý và hòa bình.

237. Chúng ta hãy trung thành với sự thật! Sống giữa dòng chảy không ngừng của các thông tin, các ý kiến và các hình ảnh, chúng ta biết rằng thật dễ dàng biết bao việc ảnh hưởng đến các quyết định và sở thích thông qua các thuật toán ngày càng tinh vi. [218] Trong bối cảnh này, điều cần thiết là phải vun đắp những trái tim yêu mến sự thật, ưu tiên điều đúng đắn hơn là những nội dung hấp dẫn nhất, và theo đuổi sự khôn ngoan hơn là những kết quả tức thời. Chúng ta phải luôn giữ trước mắt mình sự thật về Thiên Chúa và về con người, như Chúa Kitô đã mặc khải cho chúng ta. Chúng ta phải gạt bỏ quan điểm có tính kỹ thuật và cá nhân chủ nghĩa về nhân tính, như thể thực tại chỉ là vật chất được định hình theo những lợi ích ích kỷ, dù là cá nhân hay tập thể. [219] Thay vào đó, chúng ta hãy vun đắp điều mà Đức giáo hoàng Phanxicô gọi là một “chủ nghĩa qui nhân được định vị”, [220] nhận ra con người là một sinh vật được nhúng trong một mạng lưới các mối tương quan với các sinh vật khác và với toàn thể công trình tạo dựng. Lòng trung thành với sự thật đòi hỏi phải hội nhập những khả năng do công nghệ cung ứng trong một khuôn thức được đánh dấu bởi sự khôn ngoan, có khả năng bảo vệ cả phẩm giá của mỗi người lẫn tương lai ngôi nhà chung của chúng ta.

238. Chúng ta hãy đầu tư vào giáo dục, bắt đầu từ chính bản thân mình! Tất cả chúng ta cần học cách liên can với thế giới kỹ thuật số một cách nhân văn, như một phần không thể thiếu của việc giáo dục đức tin và cuộc sống theo Phúc Âm. Thật vậy, chúng ta phải coi thế giới kỹ thuật số như một lục địa mới cần được Phúc Âm hóa, một lục địa đòi hỏi những nhà thừa sai quảng đại, trưởng thành trong đức tin. Đặc biệt, chúng ta cần những người lớn tái khám phá ơn gọi của mình như những người thợ thủ công trong giáo dục, sẵn sàng làm việc kiên nhẫn mỗi ngày, với sự hỗ trợ của các mối quan hệ đối tác giáo dục rộng rãi và được chia sẻ. Ngày nay, việc đồng hành cùng trẻ em và thanh thiếu niên trong việc sử dụng công nghệ để phát triển các mối tương quan có trách nhiệm, giúp họ nhận ra những rủi ro và lựa chọn những gì nuôi dưỡng sự tự do nội tâm, đó là một hình thức bác ái cụ thể và sẽ bảo vệ phẩm giá của họ. Việc dạy cho các thế hệ mới rằng sự tiến hóa công nghệ không tuân theo một con đường định trước, mà có thể được hướng dẫn bởi trách nhiệm cá nhân và tập thể, là một trong những việc phục vụ quý giá nhất cho công ích.

239. Chúng ta hãy vun xới các mối tương quan! Trong một thời đại ưa chuộng tốc độ và sự phân mảnh, con người vẫn khao khát nhận được sự chăm sóc và sự nhìn nhận từ những sự quan tâm, những lời nói dịu dàng và những bàn tay có khả năng ân cần. Nền văn hóa kỹ thuật số nâng lên các kết nối và mang lại những cơ hội tương tác mới; tuy nhiên, trái tim con người vẫn giữ một nhu cầu không thể thiếu về sự gần gũi chân thành. Tôi mời gọi mọi người trân trọng những nơi chốn và thời gian mà sự hiện diện thể lý vẫn rất quan trọng, chẳng hạn như những bữa ăn chung, những buổi họp mặt cộng đoàn Kitô hữu, thời gian dành cho những người neo đơn và phục vụ người nghèo. Đây là những dấu chỉ của một nhân loại vẫn tin rằng thân thể mỗi người là nơi Thiên Chúa ngự và là đền thờ của Chúa Thánh Thần. Chính giao ước giữa vinh quang và sự yếu đuối này trở thành tiêu chí để đánh giá các mô hình nhân học được đưa ra bởi nền văn hóa hiện nay.

240. Chúng ta hãy yêu chuộng công lý và hòa bình! Chính những công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho truyền thông và cho việc tiếp cận tài nguyên cũng có thể hỗ trợ các mô hình bóc lột những người dễ bị tổn thương nhất, tạo ra các hình thức nô lệ mới và thu lợi nhuận từ sự xung đột. Mọi quyết định về kỹ thuật hoặc kinh tế nên bao gồm sự phân định thiêng liêng và là một cơ hội để đánh giá xem những tiến bộ trong trí tuệ nhân tạo có đang thúc đẩy công lý và sự tham gia hay là đang tập trung của cải và quyền lực vào tay một số ít người được chọn. Tôi khuyến khích việc xem xét cẩn thận các chuỗi cung ứng sản xuất kỹ thuật số, các điều kiện làm việc ẩn sau các thiết bị của chúng ta, và các cơ chế thu lợi từ sự thao túng và chiến tranh. Đồng thời, cần phải tìm ra những cách thức thực tiễn để thúc đẩy sự công bằng, sự tham gia và sự chăm sóc công trình tạo dựng. Chúng ta tuyên bố một niềm hy vọng căm rứt nơi Đấng đã từ trời xuống để “tạo nên một câu chuyện mới ở đây”. Vì lý do này, những người tin sẽ cam kết bảo đảm rằng một nền công lý tốt hơn sẽ thay thế sự bất bình đẳng, và ngành công nghiệp chiến tranh sẽ được thay thế bằng nghệ thuật công hòa bình. [221]

241. Khi chúng ta nhìn tới tương lai, tôi muốn nhắc lại hình ảnh của Nokhemia, người mà chúng ta đã chọn làm bạn đồng hành và người hướng dẫn ngay từ đầu. Nokhemia đã nghe thấy tiếng kêu than của một thành phố bị tàn phá, mang nỗi đau đó vào lời cầu nguyện, phân định trước mặt Chúa, xin sự giúp đỡ, nhận được phép quay về, tổ chức công việc, đối mặt với sự đề kháng từ bên trong và bên ngoài, và xây dựng lại các bức tường của Giêrusalem với sự giúp đỡ của dân chúng, từng viên gạch một. Trong kỷ nguyên chuyển đổi số này, tôi thấy ở ông một dự ngôn đầy hình tượng về ơn gọi của chính chúng ta, không phải là những người quan sát thụ động những rạn nứt về xã hội và văn hóa, cũng không phải là những người chỉ bình luận về những gì đang sụp đổ, mà là những người sẵn sàng bước vào công trường xây dựng lịch sử - đó là, các phòng thí nghiệm nghiên cứu, các công ty công nghệ, trường học, phương tiện truyền thông, các tổ chức và các cộng đồng địa phương - để xây dựng lại những gì đã sụp đổ và bảo vệ những gì đang bị đe dọa. Giống như Nokhemia, chúng ta cũng được kêu gọi kết hợp sự lắng nghe và lòng can đảm, cầu nguyện và trách nhiệm, để ngay cả khi tư duy kỹ trị hay lợi ích phe phái dường như chiếm ưu thế, thì thành phố của con người vẫn có thể trở thành một nơi đáng sống hơn.

242. Hình ảnh về việc xây dựng lại Giêrusalem gợi lên lời hứa trong Tân Ước về thành thánh, được ban cho chúng ta trước hết và trên hết như một món quà. Trong sách Khải huyền, Giêrusalem mới giáng xuống như một món quà cho toàn thể dân Chúa, “được chuẩn bị như một cô dâu trang điểm lộng lẫy cho tân lang” (Kh 21,2). Các bức tường của Giêrusalem không còn là những pháo đài phòng thủ nữa, mà là những đồ trang sức quý giá cho Cô Dâu của Chiên Con. Các cổng thành, mà Nokhemia đã cần mẫn trông nom, vẫn luôn rộng mở cho mọi dân tộc. Sự hiện diện của Thiên Chúa ban ánh sáng và sự sống cho tất cả. Thành phố là một vườn Êden mới, với nước hằng sống được ban cho người khát, và cây sự sống mà lá của nó “dùng để chữa lành các dân tộc” (Kh 22,2). Khi chúng ta chờ đợi sự ứng nghiệm của nó, thị kiến này được đặt trước mắt chúng ta như một sự khích lệ - một lời kêu gọi vượt qua những chia rẽ của chúng ta và cùng nhau làm việc - vì đây là con đường của Chúa Giêsu Kitô, hôm qua, hôm nay và mãi mãi.

Bài ca hy vọng: Magnificat

243. Sau khi đã suy ngẫm về đức tin, là chiêm nghiệm kế hoạch yêu thương của Chúa Cha; tình yêu, là điều kết hợp chúng ta trong một thân thể Giáo hội; và niềm hy vọng, là điều nâng đỡ hành động của chúng ta trong thế giới, trụ cột thứ tư của chương trình đời sống Kitô hữu này là cầu nguyện. Bài ca của Đức Maria đồng hành cùng sự dân thân của chúng ta. Trước mặt bà Êlisabet, người báo tin cho Mẹ rằng Mẹ đã trở thành Mẹ của Chúa, Đức Maria cất lên một bài thánh ca ngợi khen và vui mừng. Linh hồn Mẹ ngợi khen Chúa, và tinh thần Mẹ hân hoan trong Thiên Chúa, Đấng Cứu Độ của Mẹ, vì Ngài đã chọn một cô gái trẻ, nghèo khó và khiêm nhường, cho kế hoạch cứu độ của Ngài. Đức Maria đột nhiên nhìn thấy toàn bộ lịch sử qua lăng kính của sự mặc khải này. Không có gì thay đổi xung quanh Mẹ; tình

hình chính trị-xã hội thời của Mẹ vẫn như thế. Người Rôma tiếp tục kiểm soát đất nước của Mẹ, và dân tộc của Mẹ vẫn bị áp bức và sỉ nhục. Tuy nhiên, mọi thứ đã thay đổi bên trong Mẹ, và điều này cho phép Mẹ nhìn thấy những gì vô hình. Thiên Chúa đã tỏ ra sức mạnh cánh tay của Ngài; Ngài đã làm tan tác những kẻ kiêu ngạo, hạ bệ những kẻ quyền thế, nâng cao những người thấp hèn, cho người đói khát no đủ và đuổi những người giàu có ra về tay không. Ngài đã cứu giúp Israel, tội tớ của Ngài. Thiên Chúa “đứng về phía những người thấp hèn. Kế hoạch của Ngài thường bị che giấu dưới bối cảnh mờ mịt của các sự kiện con người, nơi ‘những kẻ kiêu ngạo, quyền thế và giàu có’ được thấy là chiến thắng. Tuy nhiên, sức mạnh bí mật của Ngài cuối cùng sẽ được bộc lộ ra.” [222]

244. Đức Trinh Nữ Maria không chỉ dạy chúng ta nhận ra hành động vô hình của Thiên Chúa, mà còn hướng ánh nhìn của chúng ta đến “những điểm mà nhân tính bị tan vỡ và thế giới trở nên méo mó: sự tương phản giữa người khiêm nhường và người quyền lực, người nghèo và người giàu, người no đủ và người đói khát,” dạy chúng ta “nhìn thế giới từ một vị trí thấp hơn: qua con mắt của những người đau khổ hơn là của những người quyền lực; nhìn lịch sử qua con mắt của những người nhỏ bé, hơn là qua góc nhìn của những người mạnh mẽ; giải thích các sự kiện lịch sử từ quan điểm của góa phụ, trẻ mồ côi, người lạ, đứa trẻ bị thương, người lưu vong và người chạy trốn.” [223] Vì thế, Đức Trinh Nữ Maria trở thành “nhà thơ và nhà tiên tri của Sự Cứu Chuộc”, bởi vì trên môi ngài đã công bố “bài thánh ca mạnh mẽ và sáng tạo nhất từng được diễn đạt, Magnificat; chính ngài đã tiết lộ tầm nhìn đầy sức biến đổi của nền kinh tế Kitô giáo, kết quả lịch sử và xã hội vẫn bắt nguồn và rút ra sức mạnh từ Kitô giáo.” [224]

245. Với cùng đức tin như Đức Maria, chúng ta hãy trở thành những “người dệt hy vọng” trong thế giới của mình, chia sẻ con người của mình và những gì mình có, để sự hiện diện của Chúa Giêsu có thể lớn mạnh giữa chúng ta và Nước Trời của Người được hình thành. Trong sự trung tín khiêm nhường của cuộc sống hằng ngày, ngay cả thời đại AI cũng có thể trở thành thời khắc mà Chúa Thánh Thần mang nền văn minh tình thương đến trong cuộc sống của chúng ta. Thật vậy, Chúa tiếp tục làm cho mọi sự trở nên mới mẻ và ban cho mọi thời đại khả năng trở thành một phần của lịch sử cứu độ trong ánh sáng của mầu nhiệm Nhập Thể. Tôi phó thác khát vọng của chúng ta cho Mẹ Chúa Kitô, cho Người Phụ Nữ của bài ca Magnificat, để Mẹ hướng dẫn bước chân chúng ta trong thời kỳ biến đổi này và gìn giữ trong mỗi chúng ta lòng tin thật sự vào Tin Mừng, để chúng ta làm chứng cho sự cao cả của nhân tính, nơi Thiên Chúa đã cư ngụ.

Ban hành tại Rôma, Đền thờ Thánh Phêrô,

ngày 15 tháng 5 năm 2026, năm thứ hai triều Giáo hoàng của tôi.

LÊ-Ô XIV

[1] Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 22: AAS 58 (1966), 1042.

[2] x. *ibid.*, 11: AAS 58 (1966), 1033-1034.

- [3] Công đồng Vatican II, Hiến chế Tín lý Lumen Gentium, 1: AAS 57 (1965), 5.
- [4] x. Lê-ô XIII, Thông điệp Rerum Novarum (15.5.1891), 22: ASS 23 (1890-1891), 653.
- [5] Bênêđictô XVI, Thông điệp Caritas in Veritate (29.6.2009), 69: AAS 101 (2009), 702.
- [6] Phanxicô, Thông điệp Laudato Si' (24.5.2015), 104: AAS 107 (2015), 888.
- [7] Ibid.
- [8] Thánh Augustinô, Tựa thứ I, 1, 1: CCSL 27, Turnhout 1981, 1.
- [9] Phanxicô, Tông huấn Evangelii Gaudium (24.11.2013), 183: AAS 105 (2013), 1097.
- [10] Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ Gaudium et Spes, 36: AAS 58 (1966), 1054; x. Sắc lệnh về Tông đồ Giáo dân Apostolicam Actuositatem, 7: AAS 58 (1966), 843-844.
- [11] Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ Gaudium et Spes, 44: AAS 58 (1966), 1065.
- [12] Phanxicô, Tông huấn Evangelii Gaudium (24.11.2013), 257; AAS 105 (2013), 1123.
- [13] Thánh Gioan Phaolô II, Tông thư dưới dạng “Tựa sắc” Socialium Scientiarum (1.1.1994): AAS 86 (1994), 209.
- [14] Phanxicô, Thông điệp Laudato Si' (24.5.2015), 61: AAS 107 (2015), 871.
- [15] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp Sollicitudo Rei Socialis (30.12.1987), 41: AAS 80 (1988), 570-572.
- [16] Thánh Gioan Phaolô II, Tông thư Tertio Millennio Adveniente (10.11.1994), 35: AAS 87 (1995), 27.
- [17] Diễn từ với các Thành viên của Tổ chức “Centesimus Annus Pro Pontifice” (17.5.2025): AAS 117 (2025), 696.
- [18] Phanxicô, Tông huấn Evangelii Gaudium (24.11.2013), 222: AAS 105 (2013), 1111.
- [19] x. ibid., 236: AAS 105 (2013), 1115; Phanxicô, Thông điệp Fratelli Tutti (3.10.2020), 215: AAS 112 (2020), 1045-1046.
- [20] Công đồng Vatican II, Hiến chế Tín lý Lumen Gentium, 13: AAS 57 (1965), 17.
- [21] x. Thánh Phaolô VI, Tông thư Octogesima Adveniens (14.5.1971), 4: AAS 63 (1971), 403.
- [22] x. Phanxicô, Tông huấn Evangelii Gaudium (24.11.2013), 243: AAS 105 (2013), 1118.
- [23] x. Piô XII, Tông huấn Menti Nostrae (23.9.1950): AAS 42 (1950), 657-702.
- [24] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp Centesimus Annus (1.5.1991), 5: AAS 83 (1991), 799.
- [25] Piô XI, Thông điệp Quadragesimo Anno (15.5.1931), 39: AAS 23 (1931), 189; x. Piô XII, Sứ điệp Phát thanh nhân Kỷ niệm 50 năm “Rerum Novarum”: AAS 33 (1941), 198.
- [26] x. Piô XII, Diễn từ với Hồng y đoàn (24.11.1940): AAS 33 (1941), 13.
- [27] x. Thánh Gioan XXIII, Thông điệp Mater et Magistra (15.5.1961), 2-3: AAS 53 (1961), 402.
- [28] x. Thánh Gioan XXIII, Thông điệp Pacem in Terris (11.4.1963), 87: AAS 55 (1963), 301.

- [29] x. Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 26: AAS 58 (1966), 1046-1047.
- [30] x. Công đồng Vatican II, Tuyên ngôn *Dignitatis Humanae*, 2: AAS 58 (1966), 930-931.
- [31] Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26.3.1967), 14: AAS 59 (1967), 264.
- [32] *Ibid.*, 76: AAS 59 (1967), 299.
- [33] x. Thánh Phaolô VI, Tông thư *Octogesima Adveniens* (14.5.1971), 4-7: AAS 63 (1971); 404-406.
- [34] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30.12.1987), 36: AAS 80 (1988), 561.
- [35] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14.9.1981), 19: AAS 73 (1981), 625-629.
- [36] x. *ibid.*, 10: AAS 73 (1981), 600-602.
- [37] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30.12.1987), 14: AAS 80 (1988), 526-528.
- [38] x. *ibid.*, 16: AAS 80 (1988), 531.
- [39] x. *ibid.*, 31-33: AAS 80 (1988), 555-559.
- [40] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1.5.1991), 46: AAS 83 (1991), 850-851.
- [41] x. *ibid.*, 42: AAS 83 (1991), 844-846.
- [42] Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29.6.2009), 21: AAS 101 (2009), 656.
- [43] x. *ibid.*, 22: AAS 101 (2009), 657.
- [44] x. *ibid.*, 24: AAS 101 (2009), 658-659.
- [45] x. *ibid.*, 36: AAS 101 (2009), 671-672.
- [46] *Ibid.*, 2: AAS 101 (2009), 642.
- [47] x. Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), 198: AAS 105 (2013), 1103.
- [48] Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24.11.2015), 49: AAS 107 (2015), 866.
- [49] Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 127: AAS 112 (2020), 1013.
- [50] Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24.10.2024), 167: AAS 116 (2024), 1421.
- [51] x. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, Tuyển tập Học thuyết Xã hội của Giáo hội, Vatican City 2004, 32.
- [52] Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 24: AAS 58 (1966), 1045.
- [53] *Ibid.*, 22: AAS 58 (1966), 1042.
- [54] x. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, Tuyển tập Học thuyết Xã hội của Giáo hội,

- [55] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptor Hominis* (4.3.1979), 14: AAS 71 (1979), 284.
- [56] x. Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29.6.2009), 11: AAS 101 (2009), 647-648.
- [57] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor* (6.8.1993), 31: AAS 85 (1993), 1159.
- [58] x. Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 26: AAS 58 (1966), 1046-1047.
- [59] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1.5.1991), 11: AAS 83 (1991), 806-807.
- [60] x. Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn *Dignitas Infinita* (2.4.2024), 7: AAS 116 (2024), 592-593.
- [61] x. *ibid.*, 8: AAS 116 (2024), 593-594.
- [62] *Ibid.*, 1: AAS 116 (2024), 589-590.
- [63] x. Thánh Gioan Phaolô II, Kinh Truyền Tin với những người khuyết tật tại Nhà thờ Chính tòa Osnabrück (16.11.1980): *Insegnamenti di Giovanni Paolo II*, vol. III/2, Vatican City 1980, 1232.
- [64] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, Tuyển tập Học thuyết Xã hội của Giáo hội, 152.
- [65] x. Thánh Gioan Phaolô II, Diễn từ với Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 50 (5.10.1995), 2: *Insegnamenti di Giovanni Paolo II*, vol. XVIII/2, Vatican City 1998, 731.
- [66] Thánh Gioan Phaolô II, Diễn từ với Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 34 (2.10.1979), 7: AAS 71 (1979), 1148.
- [67] Thánh Gioan Phaolô II, Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới lần thứ 32 (1.1.1999), 3: AAS 91 (1999), 379.
- [68] x. Thánh Gioan XXIII, Thông điệp *Pacem in Terris* (11.4.1963), 5: AAS 55 (1963), 259.
- [69] Thánh Phaolô VI, Sứ điệp cho Hội nghị Quốc tế về Nhân quyền (15.4.1968): AAS 60 (1968), 285.
- [70] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Evangelium Vitae* (25.3.1995), 2: AAS 87 (1995), 402.
- [71] x. Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 27: AAS 58 (1966), 1047-1048; x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor* (6.8.1993), 80: AAS 85 (1993), 1197-1198; x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Evangelium Vitae* (25.3.1995), 7-28: AAS 87 (1995), 408-427.
- [72] Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 208: AAS 112 (2020), 1043.
- [73] x. *ibid.*, 209: AAS 112 (2020), 1043-1044.
- [74] *Ibid.*, 23: AAS 112 (2020), 977. x. Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), 212: AAS 105 (2013), 1108.

- [75] Bênêđictô XVI, Tông huấn *Sacramentum Caritatis* (22.2.2007), 83: AAS 99 (2007), 169.
- [76] Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 26, AAS 58 (1966), 1046-1047.
- [77] x. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Tuyển tập Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 164.
- [78] Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), 235: AAS 105 (2013), 1115.
- [79] Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 105: AAS 112 (2020), 1005.
- [80] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30.12.1987), 38: AAS 80 (1988), 564.
- [81] Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), 220: AAS 105 (2013), 1110.
- [82] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Tuyển tập Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 169.
- [83] Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 16: AAS 112 (2020), 974.
- [84] x. Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn từ cho Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 50* (5.10.1995), 8: *Insegnamenti di Giovanni Paolo II*, vol. XVIII/2, 735.
- [85] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Tuyển tập Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 171.
- [86] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1.5.1991), 31: AAS 83 (1991), 831.
- [87] Thánh Gioan Phaolô II, *Bài giảng lễ cho các nông dân tại Recife* (7.7.1980), 4: AAS 72 (1980), 926.
- [88] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14.9.1981), 19: AAS 73 (1981), 626.
- [89] Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24.5.2015), 93: AAS 107 (2015), 884; x. Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 120: AAS 112 (2020), 1010.
- [90] Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), 189: AAS 105 (2013), 1099.
- [91] x. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Tuyển tập Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 187.
- [92] x. Lê-ô XIII, Thông điệp *Rerum Novarum* (15.5.1891), 26: ASS 23 (1890-1891), 656.
- [93] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 May 1991), 11: AAS 83 (1991), 806-807.
- [94] x. *ibid.*
- [95] x. *ibid.*, 48: AAS 83 (1991), 852-854.
- [96] x. Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 169: AAS 112 (2020), 1028.
- [97] x. *ibid.*, 168: AAS 112 (2020), 1027-1028.

- [98] x. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26.3.1967), 17: AAS 59 (1967), 265-266.
- [99] Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 32 and 54: AAS 112 (2020), 980 and 988.
- [100] x. Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29.6.2009), 58: AAS 101 (2009), 693-694.
- [101] Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 116: AAS 112 (2020), 1009.
- [102] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30.12.1987), 38: AAS 80 (1988), 564.
- [103] Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 116: AAS 112 (2020), 1009.
- [104] x. Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29.6.2009), 48: AAS 101 (2009), 685.
- [105] x. Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 25: AAS 58 (1966), 1045-1046.
- [106] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30.12.1987), 42: AAS 80 (1988), 572-574.
- [107] Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), 53: AAS 105 (2013), 1042.
- [108] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30.12.1987), 36-37: AAS 80 (1988), 561-564.
- [109] x. Phanxicô, Sứ điệp Ngày Thế giới Người Di dân và Tị nạn lần thứ 110 (29.9.2024): AAS 116 (2024), 735.
- [110] Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 March 1967), 14: AAS 59 (1967), 264.
- [111] x. *ibid.*, 17: AAS 59 (1967), 265-266; Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 125-127: AAS 112 (2020), 1012-1013.
- [112] x. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26.3.1967), 14: AAS 59 (1967), 264; Bênêdictô XVI, Diễn từ với Ngoại giao đoàn (8.1.2007): AAS 99 (2007), 73; Phanxicô, Diễn từ với các Tham dự viên Hội nghị Toàn cầu lần thứ 3 Diễn đàn các Dân tộc Bản địa của Quĩ Quốc tế Phát triển Nông nghiệp (15.2.2017): AAS 109 (2017), 244-245.
- [113] Văn kiện Chung kết Khóa họp thứ 2 Thượng Hội đồng Giám mục thường kỳ lần thứ 16 (26.10.2024), 17.
- [114] x. *ibid.* , 11.
- [115] x. *ibid.* , 103-108.
- [116] x. *ibid.*, 100-101.
- [117] x. Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 94: AAS 112 (2020), 1001.

[118] x. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, Tuyển tập Học thuyết Xã hội của Giáo hội, 53.

[119] x. Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'*, (24.5.2015), 106-109: AAS 107 (2015), 889-891.

[120] R. Guardini, *Das Ende der Neuzeit*, Würzburg 1951, 89.

[121] Thánh Phaolô VI, Diễn từ dịp Kỷ niệm 25 năm Tổ chức FAO (16.11.1970): AAS 62 (1970), 833.

[122] x. Phanxicô, Diễn từ với Hội đồng về một Chủ nghĩa Tư bản Bao gồm (11.11.2019): *L'Osservatore Romano*, 11-12.11.2019, 8.

[123] x. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hóa Giáo dục, *Note Antiqua et Nova* (14.1.2025): AAS 117 (2025), 159-210; Phanxicô, Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới lần thứ 57 (8.12.2023): AAS 116 (2024), 54-64; Phanxicô, Sứ điệp Ngày Truyền thông Xã hội lần thứ 58 (24.1.2024): AAS 116 (2024), 261-266; Phanxicô, Sứ điệp cho Hội nghị G7 về Trí tuệ Nhân tạo (14.6.2024): AAS 116 (2024), 866-875; Ủy ban Thần học Quốc tế, *Quo vadis, humanitas? Nghĩ về nhân học Kitô giáo trước một số hình dung về tương lai của nhân loại* (9.2.2026); Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội lần thứ 60 (24.1.2026): *L'Osservatore Romano*, 24.1.2026, 2-3.

[124] x. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hóa Giáo dục, *Ghi chú Antiqua et Nova* (14.1.2025), 96: AAS 117 (2025), 201.

[125] Phanxicô, Diễn từ với các Tham dự viên Hội nghị “Đối thoại Minerva” do Bộ Văn hóa Giáo dục tổ chức (27.3.2023): AAS 115 (2023), 465.

[126] x. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hóa Giáo dục, *Ghi chú Antiqua et Nova* (14.1.2025), 41: AAS 117 (2025), 178.

[127] x. *ibid.*, 44-45: AAS 117 (2025), 179-180.

[128] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1.5.1991), 40: AAS 83 (1991), 843.

[129] x. Ủy ban Thần học Quốc tế, *Quo vadis, humanitas? Nghĩ về nhân học Kitô giáo trước một số hình dung về tương lai của nhân loại* (9.2.2026), 63.

[130] x. Thánh Phaolô VI, Diễn văn dịp Kỷ niệm 25 năm Tổ chức FAO (16.11.1970): AAS 62 (1970), 833.

[131] Ủy ban Thần học Quốc tế, *Quo vadis, humanitas? Nghĩ về nhân học Kitô giáo trước một số hình dung về tương lai của nhân loại* (9.2.2026), 3.

[132] “Nếu coi thường trái tim, chúng ta cũng coi thường ý nghĩa của việc nói từ trái tim, hành động bằng trái tim, vun đắp và chữa lành trái tim. Nếu chúng ta không trân trọng tính chuyên biệt của trái tim, chúng ta sẽ bỏ hụt những thông điệp mà duy chỉ trí óc thì không thể truyền đạt; chúng ta sẽ bỏ lỡ sự phong phú của những cuộc gặp gỡ với người khác; chúng ta sẽ bỏ lỡ thi ca. Chúng ta cũng đánh

mất dấu vết của lịch sử và quá khứ của chính mình, vì lịch sử con người thực của chúng ta được xây dựng bằng trái tim. Vào lúc cuối đời, chỉ điều đó mới quan trọng.” Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24.10.2024), 11: AAS 116 (2024), 1372.

[133] V. Frankl, *Con người đi tìm ý nghĩa cuộc sống. Một dẫn nhập vào Liệu pháp ý nghĩa*, Boston 1963, 213.

[134] Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologiae*, I-II, q. 112, a. 1, co; q. 114, a. 5, co.: ed. Leonina, VII, Rome 1892, 323 and 349.

[135] x. *ibid.*, q. 114, a. 1, co.: ed. Leonina, VII, 344.

[136] x. Thánh Tôma Aquinô, *Super Boetium de Trinitate*, q. 1, a. 2, ad 3: ed. Leonina, L, Rome 1992, 96; *Summa Theologiae*, I, q. 7, a. 1, ad 3: ed. Leonina, IV, Rome 1888, 72.

[137] Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium*, (24.11.2013), 8: AAS 105 (2013), 1022.

[138] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptor Hominis* (4.3.1979), 15: AAS 71 (1979), 286-287.

[139] Thánh Augustinô, *De civitate Dei*, XIV, 28: CCSL 48, Turnhout 1955, 451.

[140] Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29.6.2009), 34: AAS 101 (2009), 668-669.

[141] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor* (6.8.1993), 32: AAS 85 (1993), 1159.

[142] Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 207: AAS 112 (2020), 1043.

[143] H. Arendt, *Các nguồn gốc của Chủ nghĩa toàn trị*, III, New York 1962, 474.

[144] Diễn từ với các Đại diện Truyền thông (12.5.2025): AAS 117 (2025), 681-682.

[145] Bênêdictô XVI, Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội lần thứ 47 (24.1.2013): AAS 105 (2013), 183.

[146] Phanxicô, Diễn từ ... (13.11.2021): *L'Osservatore Romano*, 13.11.2021, 12.

[147] x. Plato, *Letter VII*, 344b-c: ed. Souilhé, XIII/1, Paris 1931 (CUF, Série grecque 63), 54.

[148] x. Diễn từ với các Tham dự viên Hội nghị về “Phẩm giá của Trẻ em và Thanh thiếu niên trong Thời đại Trí tuệ Nhân tạo” (13.11.2025): *L'Osservatore Romano*, 13.11.2025, 3.

[149] x. Diễn từ với các Thành viên của Ban Cố Vấn RCS Academy (7.11.2025): *L'Osservatore Romano* 7.11.2025, 4.

[150] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14.9.1981), 3: AAS 73 (1981), 584.

[151] x. Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24.5.2015), 128: AAS 107 (2015), 898.

[152] Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hóa Giáo dục, Ghi chú *Antiqua et Nova* (14.11.2025), 67: AAS 117 (2025), 188-189.

- [153] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens*, (14.9.1981), 18: AAS 73 (1981), 622-625.
- [154] x. Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24.5.2015), 109: AAS 107 (2015), 891.
- [155] x. Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29.6.2009), 32: AAS 101 (2009), 666.
- [156] x. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, Tuyển tập Học thuyết Xã hội của Giáo hội, 268.
- [157] x. Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29.6.2009), 64: AAS 101 (2009), 698.
- [158] x. Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24.5.2015), 129: AAS 107 (2015), 899.
- [159] x. *ibid.*
- [160] x. Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 108: AAS 112 (2020), 1006.
- [161] x. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Phát triển Nhân bản Toàn diện, *Oeconomicae et Pecuniariae Quaestiones*. Những xem xét cho một Phân định đạo đức về một số khía cạnh của Hệ thống kinh tế tài chánh hiện nay (6.1.2018), 6: AAS 110 (2018), 772.
- [162] Phanxicô, Chào mừng các viên chức Quĩ Khuyến Nông Quốc tế (14.2.2019): AAS 111 (2019), 309. Xr. Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29.6.2009), 22: AAS 101 (2009), 657.
- [163] X. *ibid.*, 36: AAS 101 (2009), 671-672.
- [164] x. Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24.11.2013), 204: AAS 105 (2013), 1105-1106.
- [165] x. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26.3.1967), 87: AAS 59 (1967), 299.
- [166] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1.5.1991), 39: AAS 83 (1991), 841.
- [167] x. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, Tuyển tập Học thuyết Xã hội của Giáo hội, 211.
- [168] x. Thánh Gioan Phaolô II, Thư gửi các Gia đình *Gratissimam Sane* (2.2.1994), 17: AAS 86 (1994), 903-906.
- [169] x. Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ, Con cái của Ánh sáng: Một kế hoạch mục vụ cho Sứ vụ với những người trưởng thành trẻ tuổi (12.11.1996), Washington D.C., 1996, I, 3.
- [170] x. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, Tuyển tập Học thuyết Xã hội của Giáo hội, 290.
- [171] x. *ibid.*, 214.
- [172] x. Phanxicô, Sứ điệp Ngày Thế giới Người trẻ vì Hòa bình lần thứ 48 (8.12.2014), 4: AAS 107 (2015), 70-71.

[173] x. Ủy ban Thần học Quốc tế, Ký ức và Hòa giải: Giáo hội và những sai lầm trong quá khứ, Vatican City 2000, 5.3.

[174] Như trong các Sắc chỉ Giáo hoàng Sicut Dudum (13.1.1435) và Etsi Suscepti (9.1.1442) của Giáo hoàng Eugeniô IV, và trong các Sắc chỉ Dum Diversas (18.6.1452) cũng như Romanus Pontifex (8.1.1455) của Giáo hoàng Nicholas V. Các nhu cầu chính trị, và đôi khi ngay cả các nhu cầu kinh tế, đã vượt qua các đòi hỏi của Tin Mừng. Sự cần thiết phải loan báo Tin Mừng thường phải nhượng bộ hay ít nhất bị hiểu sai liên quan tới nhu cầu của các thế lực mạnh mẽ trên thế giới, do đó tương đối hóa sự không thích đáng của chế độ nô lệ đối với lương tâm Kitô hữu.

[175] x. Lê-ô XIII, Thông điệp In Plurimis (5.5.1888), Acta Leonis XIII, VIII, Rome, 1889, 169-192. Hãy lưu ý rằng cho đến năm 1866, Thánh Bộ mới phân biệt giữa các khía cạnh đạo đức và phi đạo đức của chế độ nô lệ, mà không hoàn toàn lên án nó: Chỉ dẫn của Thánh Bộ về các nghi ngờ khác nhau của Giám chức Massaia, Đại diện Tông tòa tại xứ Galla, tháng Tư, 1866, trả lời câu hỏi số 15.

[176] x. Thánh Gioan Phaolô II, Bull Incarnationis Mysterium (29.11.1998), 11: AAS 91 (1999), 139-141.

[177] x. Thánh Phaolô VI, Regina Caeli (17.5.1970): Insegnamenti di Paolo VI, vol. VIII, 506.

[178] x. Phanxicô, Thông điệp Fratelli Tutti (3.10.2020), 183: AAS 112 (2020), 1033-1034.

[179] x. Công đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ Gaudium et Spes, 26: AAS 58 (1966), 1046-1047.

[180] Thánh Phaolô VI, Diễn từ với Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 20 (4.10.1965): AAS 57 (1965), 881.

[181] Liên Hiệp Quốc, Hiến chương Liên Hiệp Quốc, San Francisco (26.6.1945), Lời mở đầu.

[182] x. Phanxicô, Thông điệp Fratelli Tutti (3.10.2020), 258: AAS 112 (2020), 1061: “Trong những thập niên gần đây, mọi cuộc chiến tranh đều được “biện minh” cách chiếu lệ. Giáo lý Giáo hội Công giáo nói về khả năng phòng vệ chính đáng bằng phương tiện vũ trang quân sự, và cho thấy rõ rằng một số “điều kiện nghiêm ngặt cho tính chính đáng về luân lý” phải được đáp ứng. Nhưng thật dễ rơi vào một sự giải thích quá rộng về cái quyền có tính tiềm năng này. Ví dụ, một số người sẽ biện minh cách sai trái ngay cả những cuộc tấn công “phòng vệ”, hay những hành động chiến tranh vốn khó tránh, họ gây ra “những sự dữ và hỗn loạn trầm trọng hơn cả sự dữ cần được loại trừ”.

[183] x. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hóa Giáo dục, Ghi chú Antiqua et Nova (14.11.2025), 99: AAS 117 (2025), 202-203.

[184] x. *ibid.*, 103: AAS 117 (2025), 204.

[185] x. Diễn từ với các Tham dự viên Khóa hội nghị toàn thể “Liên hiệp các Cơ quan Cứu trợ của các Giáo hội Đông phương” (26.6.2025): AAS 117 (2025), 847-849.

- [186] x. Phanxicô, Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới lần thứ 53 (8.12.2019): AAS 112 (2020), 54-61.
- [187] J.R.R. Tolkien, *The Lord of the Rings. The Return of the King*, Phần III, Quyển 5, Chương IX, New York 1965, 190.
- [188] Diễn từ với các Đại diện Truyền thông, (12.5.2025): AAS 117 (2025), 682.
- [189] Ibid.
- [190] Thánh Gioan Phaolô II, Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới lần thứ 31, (1.1.1998), 1: AAS 90 (1988), 147.
- [191] Thánh Augustine, *Enarrationes in Psalmos*, 84, 12: CCSL 39, Turnhout 1956, 1172-1173.
- [192] x. Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24.10.2024), 22: AAS 116 (2024), 1375-1376.
- [193] Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 115: AAS 112 (2020), 1008-1009.
- [194] x. *ibid.*, 261: AAS 112 (2020), 1062.
- [195] x. Thánh Phaolô VI, Diễn từ với Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 20 (4.10.1965): AAS 57 (1965), 878-879.
- [196] x. Piô XII, Sứ điệp phát thanh *Một giờ hệ trọng* (24.8.1939): AAS 31 (1939), 334.
- [197] Giorgio La Pira, *Riflessioni sul Concilio*. Diễn từ của Giáo sư Giorgio La Pira, Thủ hiến Florence, với “Những người hướng dẫn nước Pháp” (Rôma, 4.9.1962), Florence 1962, 6.
- [198] Diễn từ với các Tham dự viên Ngày Năm Thánh của các Giáo hội Đông phương (14.5.2025): AAS 117 (2025), 686.
- [199] x. Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3.10.2020), 271: AAS 112 (2020), 1066.
- [200] x. Phanxicô, Lời kêu gọi Hòa bình tại Assisi nhân Ngày Thế giới Cầu nguyện cho Hòa bình “Khao khát Hòa bình: Các niềm tin và các nền văn hóa trong đối thoại” (20.9.2016): AAS 108 (2016), 1124.
- [201] Phanxicô, Diễn từ với Các Thành viên Ngoại giao đoàn (9.1.2025): AAS 117 (2025), 110.
- [202] x. Phanxicô, Diễn từ với các Tham dự viên Hội nghị lần thứ 38 Tổ chức FAO (20.6.2013): AAS 105 (2013), 616-617.
- [203] Phép lành “*Urbi et Orbi*” đầu tiên (8.5.2025): AAS 117 (2025), 660.
- [204] Ibid.
- [205] x. Bài giảng Kinh Chiều I Lễ Đức Maria Mẹ Thiên Chúa (31.12.2025): *L’Osservatore Romano*, 2.1.2026, 1-2.
- [206] x. Bài giảng Lễ Ban Ngày (25.12.2025): *L’Osservatore Romano*, 27.12.2025, 3.
- [207] x. *ibid.*
- [208] x. Kinh Truyền tin Lễ Hiển Linh (6.1.2026): *L’Osservatore Romano*, 7.1.2026, 3.
- [209] x. Bài giảng Lễ Đêm (24.12.2025): *L’Osservatore Romano*, 27.12.2025, 2.

[210] P. de Bérulle, Discours de l'état et des grandeurs de Jésus, Discours IV, Unité de Dieu en l'incarnation: Œuvres complètes, Paris 1856, col. 218.

[211] Ibid .

[212] x. Diễn từ với Hội nghị về “Trí tuệ Nhân tạo và việc Chăm sóc Ngôi nhà chung của chúng ta” (5.12.2025): L'Osservatore Romano, 5.12.2025, 2.

[213] Bênêdictô XVI, Thông điệp Deus Caritas Est (25.12.2005), 14: AAS 98 (2006), 228.

[214] Thánh Augustinô, Bài giảng, 272: In die Pentecostes ad infantes de sacramento: PL 38, Paris 1865, col. 1247.

[215] Bênêdictô XVI, Bài giảng lễ Tiệc Ly (21.4.2011): AAS 103 (2011), 321.

[216] Diễn từ với Giáo triều Rôma dịp Chúc mừng Giáng sinh (22.12.2025): L'Osservatore Romano, 22.12.2025, 6-7.

[217] x. ở trên, các số 11-14.

[218] x. Diễn từ với Hội nghị về “Phẩm giá Trẻ em và Thanh thiếu niên trong Thời đại Trí tuệ Nhân tạo” (13.11.2025): L'Osservatore Romano, 13.11.2025, 3.

[219] x. Bênêdictô XVI, Thông điệp Caritas in Veritate (29.6.2009), 34: AAS 101 (2009), 668-670.

[220] Phanxicô, Tông huấn Laudate Deum (4.10.2023), 67: AAS 115 (2023), 1059.

[221] x. Kinh Truyền tin lễ Hiện Linh (6.1.2026): L'Osservatore Romano, 7.1.2026, 3.

[222] Bênêdictô XVI, Tiếp kiến chung (15.2.2006): L'Osservatore Romano, 16.2.2006, 4.

[223] Suy niệm dịp Canh thức cầu nguyện và Kinh Mân côi cho Hòa bình (11.10.2025): L'Osservatore Romano, 13.10.2025, 2.

[224] Thánh Phaolô VI, Bài giảng lễ tại Đền thánh Đức Bà Bonaria, (24.4.1970): AAS 62 (1970), 301.